

Văn hữu

17

Nghệ sĩ và sân khấu Trung Hoa đỏ — **CÔ LIÊU** ▲ Một vụ Pasternak thứ hai
bùng nổ — **TRỌNG KHANG** ▲ Tình hình công giáo tại Bắc Việt — **ĐỨC HẠNH**
▲ Ngày xuân êm đềm — **VÕ HỒNG** ▲ Cánh rừng trước mặt — **TRẦN ĐỨC UYÊN**
▲ Mấy vần thơ cũ — **XUÂN PHỤNG** ▲ Hậu phương đối với tiền tuyến —
PHAN MAI DIỆM ▲ Ngày hội Ba Khía — **SƠN NAM** ▲ Còn anh — **VƯƠNG**
ĐỨC LỆ ▲ Vương vương — **NGUYỄN ĐÌNH HÌNH** ▲ Phai tàn — **HOÀI KHANH**
▲ Một quan niệm về vấn đề văn hóa — **UNG TRÌNH** ▲ Tìm hiểu trường « Đại
học thân hữu » của Nga xô — **NGUYỄN HOÀNG VIỆT** ▲ Nhân loại văn minh lo
chết khát — **HOÀNG ANH** ▲ Tiến đến một nền văn minh nhòn rỗng — **SĨ TRUNG**

SANDY của Henri Thomas (giải Fémina 1961)

Văn hữu

DO VĂN HÓA VỤ ÁN HÀNH

Tòa soạn và trị sự : 15, đại lộ Lê Lợi – Saigon

Điện Thoại : 25.902

Chủ nhiệm : **NGUYỄN DUY MIỄN**

Chủ bút : **VỖ PHIẾN**

Thư ký Tòa soạn : **SĨ TRUNG**



PHẦN ĐẶC BIỆT :

(Văn đề văn hóa và
chủ nghĩa Cộng sản)

PHẦN THỨ HAI :

(Sáng tác văn nghệ)

PHẦN THỨ BA :

(Tin tức và tài liệu
trong ngoài nước)

**HOÀNG LAN – HÀM ANH – HOÀNG ANH –
NG. HOÀNG VIỆT – PHONG VŨ – ỨNG TRÌNH**

PHẦN KỸ THUẬT ÁN LOÁT :

QUỐC GIA ÁN QUÁN

31 - 33, Lê Thánh Tôn, Saigon – Điện thoại : 24.243

Với sự cộng tác của các bạn :

**CÔ LIÊU
TRỌNG KHANG
ĐỨC HẠNH**

**VỖ HỒNG
SƠN NAM
XUÂN PHỤNG
ĐỨC QUANG
HOÀI KHANH
TRẦN ĐỨC UYÊN
NGUYỄN ĐÌNH HÌNH
PHAN MAI DIỆM
VƯƠNG ĐỨC LỆ**

Bài vở thư từ gửi về cho :
Tiền bạc và ngân phiếu gửi cho :

**SĨ TRUNG
NGUYỄN CỬU VỊNH**

MỤC LỤC

— Trước khi vào đề...

VĂN HỮU

trang

PHẦN THỨ NHẤT : (độc biệt về vấn đề văn hóa và chủ nghĩa Cộng sản)

— Nghệ sĩ và sân khấu Trung-hoa đỏ	CÓ LIÊU	
— Một vụ Pasternak thứ 2 bùng nổ	TRỌNG KHANG	11
— Tình hình Công giáo tại Bắc Việt	ĐỨC HẠNH	21

PHẦN THỨ NHÌ : (Sáng tác văn nghệ)

— Ngày Xuân êm đềm	VÕ HỒNG	5
— Vương Vương	NGUYỄN ĐÌNH HÌNH	65
— Sandy (nguyên tác của H. Thomas) (giải Fémina 1961)	ĐỨC QUANG	66
— Phai tàn	HOÀI KHANH	70
— Cánh rừng trước mặt	TRẦN ĐỨC UYÊN	71
— Mấy vần thơ cũ	XUÂN PHỤNG	81
— Hậu phương đối với tiền tuyến	PHAN MAI DIỆM	83
— Ngày hội Ba-khía	SƠN NAM	87
— Còn anh	VƯƠNG ĐỨC LỆ	94

PHẦN THỨ BA : (Tin tức và tài liệu)

— Gió Đông... Gió Tây (trang 97) — Đời sống ngoài địa cầu đã thành sự thật (trang 111 của Phong Vũ) — Một văn sĩ Nga bị tù vì cho in tác phẩm của mình ở nước ngoài (trang 119 của Hàm Anh) — Nhân loại văn minh lo chết khát... (trang 124 của Hoàng Anh) — Thử tìm hiểu về « Trường Đại Học Thân Hữu » của Nga-sô (trang 134 của Nguyễn Hoàng Việt) — Văn hóa (trang 147 của Ưng Trinh) — Tiến đến một nền văn minh nhân rồi (trang 156).

Lời nói đầu

NGUỜI ta thường nói đến những bách hại của chế độ cộng sản như : tù đầy, bắn giết, đói khổ vân vân... Những cái đó mới chỉ là thuộc về đời sống vật chất của con người.

Thực ra sự tàn phá về mặt tinh thần của nó mới lại càng tai hại. Nước Nga có một truyền thống văn học vẻ vang — nói đến tiểu thuyết, không ai khỏi nhắc đến những tên như : Tolstoï, Dostoïevski — vậy mà từ 1917 đến giờ sự đóng góp của Nga vào nền văn học thế giới hầu như không còn có gì đáng kể nữa. Lâu lắm mới có một đôi nhân tài dám vượt ra ngoài khuôn khổ bó buộc của

chế độ như B. Pasternak, nhưng họ liền bị dập vùi tàn nhẫn. Tất cả các nhà văn học ở Tiệp, ở Hung, ở Lỗ... thoát khỏi bức màn sắt đều tiết lộ sự chán nản thất vọng của giới trí thức nước họ dưới áp bức chính trị.

Tín ngưỡng, tôn giáo, càng bị đối xử tàn tệ hơn. Một người như Linh mục Raymond De Jaegher, sau hai mươi năm sống gần gũi đủ mọi tầng lớp dân chúng Trung Hoa, cùng với họ trải qua đủ các thăng trầm của một thời kỳ lịch sử khó khăn, sau khi Trung Hoa bị cộng sản thống trị, Linh mục De Jaegher đã rời nước này ra đi với ý nghĩ rằng người cộng sản Trung Hoa không còn phải là người Trung Hoa, mà cũng không còn phải là người nữa.

Tất cả những áp bức tinh thần kinh khủng đó hiện đang đè xuống miền Bắc nước ta làm sao ta có thể làm ngơ không nghĩ đến ?

VĂN HỮU

PHẦN THỨ NHẤT

Phần thứ nhất (đặc biệt về vấn đề văn hóa và chủ nghĩa cộng sản) của Văn Hưu số 17 này được hoàn thành với sự cộng tác biên khảo của quý bạn : Đức Hạnh — Cô Liêu — Trọng Khang...

Nghệ sĩ và sân khấu

Trung-hoa đỏ

SÂN khấu là dấu hiệu bộc lộ một quan niệm về nghệ thuật của một dân tộc. Nghệ thuật ấy phản chiếu cả một hệ thống cảm nghĩ, — sự kết tinh của những tâm tình con người qua các thế hệ. Nghệ sĩ diễn hình những tâm trạng của quần chúng qua vai trò của mình trực tiếp gây sự cảm thông sâu xa và mãnh liệt. Đối với đại chúng người diễn người xem phải chăng cần có chung một dĩ vãng lịch sử, những giá trị tình cảm và những nền nếp phát lộ tình cảm ấy, những cái mà người ta không thể tạo ra trong một thời gian ngắn.

Sự thất bại của Trung Cộng về phong trào cải biến sân khấu theo những tiêu chuẩn duy vật Mác-xít, dù sạch những nền nếp cảm xúc, phần khởi, yếu đương hay hờn tủi tạo ra bởi hàng ngàn năm lịch sử, muốn như chứng minh rằng nền nếp rung cảm và khiếu thẩm mỹ của đại chúng là cái bất khả xâm phạm. Mặc dầu cán bộ văn hóa có những sáng kiến hay, những kỹ thuật phong phú để tạo ra một vẻ đẹp hiển nhiên về hình thức, đúng những tiêu chuẩn thẩm mỹ tân kỳ, tác phẩm của họ không có hồn và công chúng vẫn lạnh nhạt. Công chúng có những lý do riêng để bảo tồn nền nếp diễn tả và cảm thông nỗi vui buồn nhớ giận của họ.

NHÀ cầm quyền nhận biết sự thật quá phũ phàng ấy sau những buổi trình diễn ca vũ của quân đội. Trong một cuộc ca vũ ấy, ba mươi vũ công và vũ nữ diễn một màn xung kích một căn cứ địch, họ tiêu diệt địch quân, mang cờ chiến thắng, trở về ca khúc khải hoàn. Kỹ thuật điều luyện, tham bản tinh thần tả thực với tinh thần phóng túng đã giúp đoàn này thu lượm kết quả mỹ mãn khi trình diễn tại các đô thị lớn Tây phương, mà công chúng rất khó tính như Ba-lê, Nữu-ước, Luân-đôn. Tác phẩm có thể kể là một kiệt phẩm của sân khấu với những diễn viên tài nghệ chắc chắn thâm hiểu nghệ thuật gây cảm xúc khán giả với những điệu múa nhảy tân kỳ, những pha nhào lộn tài tình. Tác phẩm có một sức hấp dẫn mãnh liệt đưa người xem từ chỗ phập phồng e ngại đến mức kích động nhiệt cuồng.

Nhưng công chúng Trung-hoa không có một phong thể thẩm mỹ thuận tiện cho họ thưởng thức những vẻ đẹp của sân khấu ấy nên họ lạnh lùng một cách ngao ngán cho nghệ sĩ tân phong. Họ yên chí là một cách tuyên truyền trá hình. Họ đã chán ngấy những lối quảng cáo cho Hồng quân, xuất hiện từ

ngày "giải phóng" năm 1948, dưới đủ mọi hình thức, đài phát thanh, biểu tình, diễn đàn hùng hồn của cán bộ, biểu ngữ, sân khấu, điện ảnh. Nhiều quá và nhiều quá. Các nhà cầm quyền quả đã đi quá mức yêu cầu...

Trái lại, bầu không khí khác hẳn nếu người ta đến một rạp hát bộ. (1) Quang cảnh náo nhiệt, vẻ mặt hứng khởi của quần chúng nói lên sự hấp dẫn tự nhiên mạnh mẽ và sâu sắc của sân khấu cổ truyền kết tinh khiếu thẩm mỹ của dân tộc đã mấy nghìn năm. Tại một sân khấu lộ thiên ở hoa viên Trung Sơn (Bắc-kinh) suốt một mùa tạnh ráo dân chúng nô nức kéo đến mua vé vào coi hát. Giá vé từ 20 "phân" tới 1 quan, tùy theo buổi hát, sân khấu chứa được 1.500 chỗ ngồi.

Đại để thì những màn trình diễn ấy phẩm chất hơn những màn trung bình ở Tây phương. Công chúng hoan hỉ nhất là khi có một nữ danh ca ra trò, tiếng vỗ tay vang dậy đến vỡ rạp. Nhân vật được mọi người ưa thích thứ hai là những vai hề, cũng như khán giả Sài thành vậy. Sân khấu quyến rũ họ bằng những tích hát nặng về

(1) Hát bội, hát tuồng, hát tiều.

diễm tình, phong vị nghĩa hiệp anh hùng. Tất cả tạo ra cho họ một hình ảnh êm đềm của cuộc sống, cởi mở cho họ những thắc mắc về cử chỉ cao đẹp của những trang tuấn kiệt hào hoa. Một công chúng đã quen rung động với hình ảnh đúc khuôn sáu mấy nghìn năm lịch sử, hầu như không phản ứng gì trước những kỹ thuật tân kỳ cũng diễn tả những nét hào hùng của các chiến sĩ cách mạng thời nay. Như màn ca vũ "Cuộc Bắc Tiến" rút đề tài trong cuộc triệt thoái của Cách mạng nhân dân từ Nam ra Bắc năm 1934 qua một đoạn đường dài 12.500 cây số, do quân đội diễn làm phụ cảnh, chỉ được một phần mười khán giả vỗ tay.

Những đặc điểm của sân khấu hát bội

SÂN khấu hát bội Trung Hoa có những nét đặc thù, những "khúc" hát của họ không thể đem phóng tác thành vở hát của những nước văn hóa khác hẳn như Âu Châu. Tất cả vốn liếng của họ có độ 15.500 tích hát gom góp từ xưa đến nay. Trải qua nhiều thời đại có sự tô điểm, cải tiến dần về chi tiết nhưng tinh thần vẫn nguyên vẹn. Một phần những tích

hoang đường thần thoại, màu sắc hát ấy đã được phóng tác, nhiều khi giữ nguyên cả lời lẫn điệu hát. Công chúng ngồi xem thuộc lòng từng đoạn, từng bộ điệu và nhiều khi nhịp hát theo diễn viên. Một danh ca xuất sắc thuộc lòng được ít nhất 300 tích hát. Họ có một trí nhớ khác người thường. Một thám tử Tây Phương đến nước Tàu đã phải phục trí nhớ phi thường của một người đào hát trẻ tuổi. Ông ta dùng người ấy làm máy điện tử để ghi từng trang chữ cái La tinh dùng làm chìa khóa mật ngữ, đối với cô đào thật là xa lạ.

Từ ngày Trung Cộng phát động phong trào "Trăm hoa đua nở", lối hát cổ truyền được phục hồi. Người ta đem diễn lại những tích hát cũ, những đào kép già được huy động để đưa lên sân khấu và giảng dạy bí quyết nghề nghiệp cho hậu sinh. Từ ngày cách mạng thành công những đào kép này bị đào thải. Họ đổi nghề, ra buôn bán, làm phu xe hay cùng quá, làm phu quét cống. Sau ba năm phiêu bạt, họ bắt đầu trở lại với nghề, một dịp may mắn cho họ thoát cuộc đời cùng khổ. Bây giờ họ sống một đời vật chất khá đầy đủ. Họ có thư phòng, tiền ban nghiên cứu, câu lạc bộ riêng, họ được trợ cấp than đốt và nước điện khỏi trả tiền.

Tuy rằng Trung Hoa Lục Địa ngày nay đâu đâu cũng lâm vào cảnh thiếu thốn lương thực, nhưng khắp nước chú trọng đến văn nghệ hơn lúc nào hết vì người ta biết rõ hiệu lực tuyên truyền bằng sân khấu. Từ những tỉnh nhỏ hẻo lánh nhất, công văn gửi về bộ Văn Hóa xin đoàn hát và thầy tuồng. Nhiều ngành hát ngày nay đã mai một. Trong số 650 triệu dân chỉ còn sót lại vài người kép già quen biết mà thôi. Tuy đã già nua, họ còn thuộc lòng tích hát, có thể trình diễn hay chỉ bảo cho hậu sinh. Các nhà cầm quyền tìm cách hồi sinh những ngành hát lâu đời ấy, họ cho ghi vào băng từ điện hay quay thành phim. Việc làm còn kịp thời vì trong 20 năm nữa tất cả những kho tàng tinh thần ấy sẽ chìm mất vào quá khứ, khi những người đại diện, chỉ học truyền khẩu, đã quy tiên.

Nghệ sĩ và nghệ thuật bí truyền

NGHỆ thuật sân khấu của Trung Hoa là một nghệ thuật bí truyền. Nghề xướng ca phải học từ thuở nhỏ. Con trai, con gái phải rèn luyện 8 năm mới hiểu những bí quyết của nghề nghiệp. Ngày xưa phần nhiều

chúng là những trẻ mồ côi hay con nhà nghèo cha mẹ bán cho gánh hát để theo gánh từ thuở còn thơ. Bây giờ Chính phủ mở lớp huấn luyện riêng, trẻ em học nghề được nuôi dưỡng đầy đủ, tháng tháng còn được từ 5 đến 15 quan tiền túi. Nhờ vậy cuộc sống có vẻ cảnh đời thiếu sinh quân đối với chúng không đến nỗi buồn nản, mà chúng có tinh thần ganh đua rất mạnh.

Một nghệ sĩ sân khấu Trung Hoa muốn được công chúng ái mộ phải có thực tài. Trên sân khấu và màn ảnh Tây Phương còn có những đào kép tài nghệ tầm thường nhưng cũng đóng vai này vai nọ, ký hợp đồng này hợp đồng khác, chỉ nhờ khéo lau lốt và quảng cáo. Nhưng ở Trung Hoa, đào kép tầm thường không thể lọt qua mắt lưới đào thải. Sự khó khăn nữa : một nghệ sĩ phải kiêm cả vai trò múa kiếm, đánh gươm, nhảy múa, nhào lộn — những cảnh nhào lộn khó khăn đến Tarzan cũng không bì kịp. Trong tám năm học nghề, đào kép ngày ngày phải cố công khổ luyện. Nếu không có một tâm hồn nghệ sĩ sống chết với sân khấu ắt là không thể theo đuổi nghề cho đến đầu đến đuôi, trong cảnh sống vất vả, vất vả chất đạm bạc, nhiều khi cùng quẫn, hy vọng trở nên minh tinh rất là mong manh đối với số đông.

Có cả một nền kỹ nghệ cổ truyền chế tạo quần áo, mũ mùng và dụng cụ sân khấu ở Tô Châu. Một bộ cổ trang Minh triều phải cần từ 8 đến 10 người thợ làm trong 3 tháng, giá 600 quan. Một bộ cổ trang Tống triều giá 700 quan. Áo dệt bằng tơ, thêu chỉ vàng thật là lộng lẫy. Những bộ đồ dùng trên sân khấu của ta phần nhiều là đồ cũ mua lại ở Thượng Hải và Hương Cảng. Cung, kiếm, mũ hia, mặt nạ, râu giả và nhiều dụng cụ trang trí phần nhiều làm ở đây, một trung tâm sản xuất cho cả nước Tàu. Họ có những mẫu y phục của đủ các triều vua quan trải qua 25 thế kỷ lịch sử.

Sân khấu cổ điển và sân khấu tân phong

SÂN khấu cổ truyền thắng thế ở Trung-cộng là một bằng chứng về ưu thế của những giá trị văn hóa chân thực. Kho tàng giá trị tinh thần ấy, cấu tạo lần hồi trải qua 25 thế kỷ lịch sử, là một thành trì kiên cố, thách đố tất cả âm mưu phá hoại của nhà cầm quyền. Cuộc tranh chấp đã tiếp diễn trong nhiều năm dưới đủ mọi hình thức. Một bên có đủ uy lực và các phương tiện áp bức, câu thúc, một bên chỉ trông cậy vào

thực chất văn nghệ và tín nhiệm của công chúng. Chính vì uy vũ không đàn áp nổi một biểu hiện chân lý, không ngăn cản được bước tiến của lịch sử, mà nghệ sĩ lại được thấy ánh sáng mặt trời.

Trước đây mấy năm, nhà cầm quyền mở một đại hội nghệ sĩ sân khấu, mượn tay cán bộ văn công, công kích nghệ thuật lạc hậu của nghệ hát bội. Nhưng kết quả không ngờ của những cuộc thảo luận ấy là Chính phủ cũng phải công nhận chỉ có 1% lý lẽ của cán bộ đáng đưa ra xét lại, còn thì vô giá trị.

Trong khi ấy họ mở chiến dịch rộng lớn trên đủ mọi phương diện để áp đảo sân khấu hát bội. Nhà cầm quyền hạ lệnh cho một số chủ gánh hát phải cải tổ những tích hát cổ cách nào để đưa vào những đề tài tuyên truyền. Mặt khác bộ Văn Hóa thành lập những ban hát tân phong, tìm hứng trong những tiêu chuẩn văn hóa Mác xít. Những ban hát của Chính phủ hay trung dụng có những phương tiện chở chuyên, sinh hoạt, tập duyệt đầy đủ — phải cải thời hạn gấp rút, trước hai tháng, sau cho lên 4 tháng. Cả hai loại sân khấu này chấp chứng ra đời được ba bốn năm, kết quả là công chúng tỏ ra lạnh nhạt, sau trốn tránh đến nỗi diễn không lấy

tiền cũng không ai chịu bước chân vào rạp hát. Chỗ tiêu thụ những vé hát ấy là các cơ xưởng, các tổ chức nghiệp đoàn, các công xã. Họ mua sẵn từng cọc vé hát về phát cho người trong tổ. Nếu một đoàn thể nào cố gắng vượt mức sản xuất chỉ định, ban giám đốc thưởng cho đoàn viên mỗi người một tấm vé ấy. Đoàn viên lãnh về, rồi có trốn tránh không đi coi cũng phải kín miệng, hôm sau người ta hỏi đến mà tỏ ý chê bai hay không biết tích hát thể nào thì khốn vào thân.

Trong khi ấy thì các rạp hát bội cổ điển đông khán giả hơn bao giờ hết. Nhà cầm quyền cho phép họ diễn ít nhiều tích hát cổ không đến nỗi có tinh thần "thoái hóa". Công chúng vẫn đón chào hoan hỉ những pha bi hài của Tề Thiên Đại Thánh đại náo Thiên Đình. Những tích hát rút trong truyện Tây Du đã già từ 12 thế kỷ rồi, nhưng ngày nay có phần tăng vẻ hấp dẫn, nhất là khi họ có yếu tố sân khấu tân phong để so sánh và lựa chọn cái gì trả lời đúng khiêu thẩm mỹ. Trong những buổi trình diễn như thế vé bán hết từ mấy ngày trước, chỉ dành riêng một số ít cho tân khách.

Khán giả Trung quốc thuộc lòng từng đoạn, từng lời ca, họ thành

thời đợi tình tiết diễn biến theo một khuôn mẫu phác họa sẵn trong trí, không có vấn đề thất nút, mở nút, kết cấu bất ngờ, khuôn vàng thước ngọc của kịch nghệ Tây Phương. Tâm lý thưởng thức ấy kết tinh từ bao nhiêu thế kỷ rồi, gió cách mạng và tinh thần mới không ảnh hưởng gì đến những cơ cấu tinh thần đúc riêng một kiểu. Họ đòi hỏi ở nghệ sĩ sân khấu : giọng hát và điệu bộ, đúng như lối hát đã mệnh danh là hát "bộ".

Nhà cầm quyền cho diễn những tích hát về con Thạch hầu Tôn Ngộ Không, không phải là không tính toán. Với người Cộng sản, Tôn Ngộ Không tượng trưng cho người anh hùng dân tộc phục vụ đại chúng, Tôn Ngộ Không đánh lại Ngọc Hoàng là chống đối cường quyền và áp bức. Còn gì diễn tả hùng hồn hơn cuộc dấy loạn của dân chúng để đập tan quyền chuyên chế của đế quốc, công chúng ưa thích những tích hát ấy là hướng về một ước vọng sâu xa : cách mạng !

Màu sắc sân khấu gần với sân khấu của đoàn Hoa Sen trước kia ở bên ta. Đoàn khi bộ hạ của họ Tôn uốn mình phi thân lên không vượt qua một bức tường cao đến hai thước. Người xem nín thở, phập

phòng, tưởng chừng như người làm bằng cao su nên mới không vỡ đầu sẽ tai.

Trong hệ thống tư tưởng đã phá những quan niệm cổ về gia đình và hôn phối, nhà cầm quyền cho diễn những vở hát đề cao tự do hôn nhân, lên án sự khắt nghiệt của cha mẹ. Đây là một kiểu mẫu ca kịch rất ý nghĩa : Hai cặp trai gái yêu nhau, nhưng cha mẹ người con gái bắt phải lấy chồng theo ý cha mẹ. Người con trai buồn mà chết. Nàng xin cha mẹ đến viếng mộ người tình. Trong lúc ngồi bên mộ, sấm sét đánh tan mộ, nàng vội chạy vào với người yêu, mộ lại tự nhiên đóng kín lại. Đàn bướm trắng tung bay ca ngợi mối tình bất diệt của đôi trai tài gái sắc. Khán giả, nhất là quần chúng nông thôn cảm động đến lệ tuôn trước những màn kịch tình ái cấu tạo một cách ngây thơ như thế.

Còn một loại sân khấu bình dân nữa nhà cầm quyền đã đặt tay đến để dùng làm phương tiện tuyên truyền. Màn diễn chỉ có hai diễn viên, một cảnh đối thoại trước máy vi âm, đề tài nhẹ nhàng, hí lộng. Một diễn viên xắm vai chú rể và một đóng vai cô dâu mới. Họ ăn mặc cổ trang theo lối y phục Mãn Châu nhưng nói bạch thoại với

những điệu bộ và ngôn ngữ táo bạo, xô xàng, họ diễn tả cảnh ái ân động phòng hoa chúc. Công chúng phá ra cười khoái trá, nhất là khán giả nông thôn. Những câu truyện tình nhiều vị giấm ớt như thế vẫn làm khoái trá những tâm hồn bình dị.

Những sân khấu và nghệ sĩ trung dụng

NGÀY nay vẫn còn vài gánh hát tự do đi trình diễn ở các thị xã khắp trong nước, theo lời yêu cầu của các tổ chức văn hóa công xã nhân dân. Họ đã phải tranh đấu nhiều để giữ được tự do nghề nghiệp. Họ gặp những khó khăn nan giải về tài chánh, nghệ sĩ dưới sự thúc dục của các nghiệp đoàn đòi hỏi quá đáng, họ không được phép làm quảng cáo, không được phép rạp (các rạp đều là sở hữu của Chính phủ). Đoàn danh tiếng nhất là đoàn "Vũ" vừa phải chịu đầu hàng. Danh tiếng của đoàn này lấy lừng từ lâu, khi diễn ở đâu, công chúng đến xem đông đảo quá mức thường. Trở về Bắc Kinh sau một thời kỳ vắng mặt 20 tháng đoàn «Vũ» đã thu hút mỗi tối 4.800 khán giả tại rạp lộ thiên Trung Sơn chỉ chứa được hơn một ngàn chỗ, tuy trời giá lạnh, có hôm xuống 20

độ dưới số không. Công chúng không kể đến những điều kiện bất tiện ấy, miễn là được xem.

Từ khi quốc hữu hóa, đoàn thoát ngay những khó khăn tài chánh và vật chất. Bây giờ đoàn có thể mượn được những rạp khá, công việc quản trị giao cho nhà nước, nhà nước mua quần áo, trang bị đủ dụng cụ. Nghệ sĩ ăn lương, được chữa bệnh, mua thuốc không mất tiền. Viên giám đốc được 400 quan mỗi tháng. Nghệ sĩ thượng hạng được hơn một ngàn, không bị trừ thuế, ngoài ra còn nhiều lợi lộc khác. Thí dụ như được chia 30% số lời của đoàn. Những nghệ sĩ danh tiếng, được tới 40 quan tiền chia mỗi buổi diễn. Phu chạy cò chỉ được vài "phân". Về phương diện này, sự phân chia nhiều ít căn cứ vào tài năng. Phần chia lời đó không ghi vào phiếu phát lương. Cộng với khoản chia lời đó, có nghệ sĩ kiếm được tới 2.500 quan mỗi tháng. Nghệ sĩ được ưu đãi hơn cả, so với các ngành hoạt động khác trong nước.

Từ năm ngoái, nghệ sĩ được nghỉ mỗi tuần 1 ngày vào ngày thứ hai. Mỗi ngày họ làm việc từ 7 đến 8 giờ, thì giờ học tập chính trị cũng kê vào số giờ ấy. Trong những giờ học tập, cán bộ giải đáp các vấn đề

chánh trị dưới cạnh khía nhận định Mác xít, và nhồi sọ những căn bản lý thuyết và thực hành của chế độ Cộng sản. Mỗi tuần học độ 3 hay 4 giờ.

Thì giờ tập diễn và học nghề do một nghệ sĩ già giảng dạy cũng kê vào thời khắc biểu. Cán bộ có mặt tại đây phê bình và góp ý kiến. Nghệ sĩ ghi chép cẩn thận đề phòng khi hỏi đến thì biết đường trả lời, vì họ biết rằng mặc dầu họ thuộc hàng ngôi sao sáng chói đến bậc nào, cũng không thoát khỏi cán bộ chất vấn về chánh trị hay nghệ thuật.

Nghệ sĩ và công tác tăng gia sản xuất

ĐỐI với chế độ Cộng sản, một công dân yêu nước không phải chỉ chịu nghe cán bộ giải thích là đủ, còn phải hành động nữa. Mà hành động đáng kể trước tiên để góp phần xây dựng là tăng gia sản xuất. Vào tháng 7 1961 Chính phủ mở rộng phong trào tăng gia sản xuất nông phẩm. Người ta đào các hè phổ lên làm thành từng khu vườn nhỏ. Các công trường được đào thành luống để trồng bắp, trồng rau.

Nghệ sĩ với tư cách nhân viên Chính phủ cũng tham gia phong trào. Họ được cấp vài miếng đất ở gần thị xã và phải trồng trọt lấy hoa lợi cho đoàn. Dàn cảnh như thế, người ta đợi các cô đào sẵn quần, sẵn áo ra vun đất tưới cây chẳng ? Đào kép Trung Hoa không thiếu mảnh lối để chốn tránh công việc đồng áng. Họ chung tiền thuê vài người canh điền trồng trọt, đến mùa gặt mời chủ xuống hái kết quả.

Ngày ấy ban giám đốc xin Chính phủ cấp một đoàn xe ca. Các minh tinh sân khấu lên xe đến ruộng gặt. Các cô đào ăn mặc nhẹ nhàng như

đi pích-ních, đến ngồi dưới bóng tán do canh điền trang trí trên bờ ruộng cho khỏi nắng, họ phe phẩy quạt lông, bàn chuyện phiếm, xem mọi người làm việc, cũng là một cách giải trí thích thú, đổi khung cảnh sống trong chốc lát. Lúc về mỗi người nhận phần rau, củ, cà-chua, mang lên xe tải về, nghệ sĩ với canh điền đều thỏa mãn.

CÔ LIÊU

(Tài liệu rút trong thiên phóng sự
của Gigon báo *Le Figaro Littéraire*
30-12-1961).

TRỌNG KHANG

Một vụ Pasternak thứ 2 bùng nổ

Vụ Pasternak với giải thưởng Nobel còn chưa nhòa trong tâm trí người thời đại. Hoàn cầu còn xúc động vì sự tàn bạo của một chế độ độc tài coi rẻ tự do và sinh mạng nghệ sĩ, thì mới đây lại bùng nổ một vụ Pasternak thứ hai khiến cho thế giới phải tự hỏi : phải chăng Liên xô muốn tiêu diệt nghệ sĩ, tinh hoa của đất nước để kiện toàn đường lối sống khô khan, nô lệ cho giấy tờ và máy móc ? Người đưa vụ này ra ánh sáng là Feltrinelli, một nhà xuất bản ở thành Milan nước Ý. Chính ông đã tung ra vụ Pasternak mấy năm trước đây. Bây giờ ông thành lập ở nước Ý một viện Hàn Lâm nghiên cứu chủ nghĩa xã hội, một cơ quan tư nhân đối lập với viện " Marx và Engels " ở Mặc Tư Khoa.



ÔNG vừa cho xuất bản những tác phẩm chưa in và bút tích của Issac Babel, một nhà văn Nga sống từ năm 1894 đến 1941 và đưa các nhà văn hồi 1930 như Thomas Mann, Romain Roland, Martin du Gard, Brecht coi như văn hào Nga lỗi lạc nhất thế kỷ thứ XX. Issac Babel là tác giả những văn phẩm như Cavalerie Rouge, Recits d'Odessa. Những di cảo do nhà xuất bản Feltrinelli ấn hành đều bị nhà cầm quyền Liên xô nghiêm cấm ở Nga xô và Issac Babel đã bị thủ tiêu vào năm 1941. ...Những di cảo ấy ra đời làm thay đổi hẳn quan niệm của thế giới về nền văn chương Nga xô. Trước đây nhà văn Ilya Ehrenbourg đã hết sức bênh vực Issac Babel, đòi cho ông được phục hồi danh dự vô điều kiện. Babel bị chết trong cảnh tù đầy cũng như Boris Pilniak. Uy tín của ông còn hơn

tác giả *Docteur Jivago*, vì ông là người đem lại cho văn chương Nga số luồng sinh khí mới, nếu không, văn chương Nga sẽ vẫn ngưng đọng trong lẽ lối cảm hứng và kỹ thuật của Tolstoi và Chokolkhov.

Trong thời kỳ Nga xô thanh trừng các nhà văn chống đối những hành động tàn bạo của chế độ, Chokolkhov đã can đảm can thiệp với Staline để cho Pasternak được tự do, nhưng không ai bên vực nổi nhà văn xấu số Babel đã là ngọn đuốc tiền phong của một thời đại.

Maxime Gorki cũng công nhận tài nghệ của Babel vượt hẳn Gogol. Ehrenbourg "cảm" văn ông như cảm người tình, và viết trong nhật ký của mình: « Tôi đã khâm phục Gorki, Mann, Machado, James Joyce như những bậc đàn anh của thế hệ tôi, nhưng tôi yêu mến Babel như một người tình cũng như 10 năm sau tôi yêu Hemingway. »

Giới văn nghệ Tây Phương nhận thấy giữa Babel và Hemingway có những điểm tương đồng về tư tưởng và cá tính văn nghệ. Tuy hai nhà văn Mỹ và Nga không quen biết nhau bao giờ nhưng họ đã gặp nhau trên phương diện tư tưởng. Hai người cùng say mê cuộc đời, cùng ca ngợi tình bạn thâm thiết của người chiến sĩ, cùng say sưa phiêu lưu, đàn bà, cách mạng, ngựa, thú vui dật lạc của một khung cảnh Montparnasse.

Hemingway theo đuổi cuộc đời nhà văn phiêu lưu cho đến phút cuối cùng, ông phiêu lưu với cây súng của mình (người ta ngờ vực cái chết của Hemingway không phải chỉ vì có bất cẩn khi chúi khẩu súng), còn Babel im tiếng hẳn sau khi viết cuốn *Cavalerie Rouge* đầy hứa hẹn. Trong tác phẩm ấy Babel đưa ra những sự thật đẫm máu của một giai đoạn lịch sử Nga xô chính ông đã sống. Văn ông có một sức diễn tả bén nhọn mãnh liệt như tiếng súng liên thanh mà người ta tìm thấy trong văn nghệ ngày nay. Cá tính ấy xuất hiện ở một nhà văn trước 1941 là Babel. Ta phải chịu là Babel đã đi trước thời đại.



BỐN trăm bức thư của Babel nói đến nhiều điều quan trọng trong xã hội Nga xô, đã được một người đàn bà Nga là Maria Olsouvieva sưu tập, đưa qua bức màn sắt và nhờ nhà xuất bản Ý Feltrinelli mà thấy ánh sáng. Đó là thư từ của ông gửi cho mẹ và chị. Những bức

thư ấy đều có ghi chú ý kiến của các bạn hữu Babel như Paustovski và S. Gecht, làm sáng tỏ nhiều cạnh khía đời tư của ông và chứng tỏ ông có một tinh thần sáng tạo cực kỳ phong phú. Nhờ đấy người ta biết Babel đã thất bại về đường tình duyên, và có giao thiệp thân mật với thi sĩ Essénine, các nhà văn Gorki, Bagrichki và nhiều nhà văn khác. Ngoài ra còn một số bút tích của Babel chỉ có Ehrenbourg được biết, đã thất lạc mất, ngày nay chưa tìm thấy.

Ehrenbourg có nghe ông nói đến một cuốn tiểu thuyết ông đang soạn thảo dưới nhan đề *Gapa Gouzva*. Mấy trang đầu dịch ra tiếng Ý đã được công bố. Những trang ấy có thể là văn phẩm kiệt tác của Babel và của nền văn chương Nga xô.

Babel đề cập đến vấn đề tập thể hóa thôn xã. Văn của ông nhuốm một hương vị mĩa mai cay độc, nét chấm phá táo bạo, cách nói phũ phàng đột ngột, những điểm độc đáo trong văn nghệ bây giờ người ta mới tìm thấy trong lối viết của Nathanel West, tiểu thuyết gia Mỹ.

Trong một bài diễn văn ứng khẩu của Ehrenbourg đọc trước Đại Hội Bảo Vệ Văn Hóa ở Liên xô năm 1935, Ehrenbourg đã nhắc đến thái độ của Babel công kích những người lãnh đạo phong trào Kolkhoze, binh sĩ Hồng quân, cũng như thư lại một già của chế độ cộng sản. Babel không được mời tham dự Đại hội khiến cho giới văn nghệ Pháp rất công phẫn, nhất là Jules Romain. Sau nhờ sự can thiệp cương quyết của Ehrenbourg, Babel được tham dự Đại hội, nhưng chậm mất ba ngày. Trước mặt mọi hội viên, Babel trình bày thảm kịch của trí thức Nga với một tinh thần hài hước sâu sắc làm mọi người phải thích thú. Ông nói : « Con người Công xã Cộng sản đã có đất đai, cơm ăn, nhà ở, nhưng chưa cho là đủ. Bây giờ họ đòi người ta phải làm thơ nói đến họ... »

Feltrinelli sưu tập những di cảo chưa in, thư từ, ký ức, đem hội ý với những văn phẩm đã đăng trong báo chí Nga trước 1930 như Maman, Rimma và Alla, Bagrat Ogly và đôi mắt bò mộng, v.v... đã làm hiện hiện cá tính mạnh mẽ, xung túc của Babel, một nhà văn phong phú và già dặn không thể xếp vào loại thiên tài chóng tàn tuy mới đầu sáng chói như Rimbaud. Cũng không thể xếp vào hạng người bị vùi vế bởi mặc cảm tội lỗi và hăng say bạo lực.

QUA tập di cảo của ông, ông tỏ ra là người ôn hòa và khôn khéo. Ông cũng lẫn mình vào cuộc sống để tận hưởng cuộc sống vì ông cho rằng : « Tài trai sinh ra để ngủ với đàn bà và ăn một cốc kem ngon khi trời nóng ». Nhà văn có tâm hồn trẻ trung và hứng khởi ấy giao du với đủ các hạng người sống bĩ ối hay bế tha, họ sẽ là những nhân vật sống rất thực trong truyện của ông.

Năm 1924 Constantin viết về ông : « Babel có thể tùy theo sở thích, muốn làm gì thì làm, không sợ ai chê cười, vì ở nước Nga ai cũng cảm mến ông ». Nhưng chẳng được bao lâu con người sung sướng và lạc quan ấy bị đồng nghiệp ghen ghét. Vì là người đi tiên phong để đập đổ đường lối tả thực tâm lý trong văn chương Nga, ông bị viện Bách khoa công kích kịch liệt, và lên án ông có tinh thần sáng tác nghèo nàn, không xứng khởi được cái gì « lành mạnh » — lành mạnh hiểu theo nghĩa của văn phái duy vật, nghĩa là gò bó trong cái tinh thần huyênh hoang, hợm hĩnh và nhạt nhẽo.

Babel phải im tiếng trong nhiều năm, không phải vì lười biếng suy tưởng hay vì phục thiện đối phương. Thực ra ông làm việc hăng hái và tận tụy hơn bao giờ hết để sửa soạn đường đầu với ty kiểm duyệt. Họ bác bỏ tác phẩm của Babel, hay cắt xén nhiều đoạn nẩy lửa trong quyển *Cavalerie Rouge* mà họ cho là nặng nề.

Babel còn tin tưởng con người và Cách Mạng Nga sô, nên đã đặt lên trang giấy tất cả sự ghê rợn của cuộc nội chiến, sự tàn bạo của Hồng quân cũng như của Nga trắng, những cuộc tàn sát kinh khủng, bộ mặt thực của quân đội giải phóng, nổi thống khổ của dân quê sống giữa sự tranh dành của hai đội quân kình địch. Ta hiểu nổi khổ tâm của một nhà văn giàu bác ái thấy mình bất lực trước những thảm cảnh ấy. Trong cuốn nhật ký của Babel may mắn tìm được ở Kiew, ông có viết : « Tôi yêu đời và hạnh phúc. Tôi thấy người ta huy hoắc tất cả, tôi phải chứng kiến một đám tang không bao giờ chấm dứt. »

TRONG một bức thư ký tên : Người văn công số 3929, ông viết rằng :
 « tôi là một chiến sĩ trung thành của bộ đội văn nghệ Xô viết. Thực ra ông gia nhập phong trào Cách Mạng vì muốn gửi lấy cái lạc quan của tuổi trẻ. Một nhân vật trong truyện của ông đã nói hộ ông lòng tin tưởng ở thiện căn của con người : « Bản tính loài người vốn tốt, nhưng người ta bảo rằng họ xấu nên họ tin như vậy ».

Gia nhập cách mạng ông như chim ung đã bị cắt cánh, chỉ còn khi giới của người yếu thế là sự châm biếm, một thứ châm biếm trước còn cay độc, sau bị quan, rồi thành chua chát. Ông bị « an trí » tại một làng dành cho văn công, làng Peredelkino, như trường hợp Pasternak sau này. Mẹ và em sống cách biệt ở Bruxelles, vợ và con gái ở Ba Lê. Sống cô liêu trong lồng son công sứ, Babel viết ra những trang rất cảm động, bộc lộ tâm trạng căm phẫn của một xã hội con người bị khinh rẻ và đè nén. Tuy lời văn phải dào dạt, che đậy, để qua mắt kiểm duyệt, nhưng người ta còn thấy hiện hiện dưới giòng chữ kín đáo, cái nhìn yếm thế của một anh hùng xa cơ lỡ vận. Từ văn vượt hẳn sản phẩm của những cây viết tầm thường làm tay sai cho chế độ đề ca tụng vô sản thống trị và thiên đường Cộng sản. Những tên bồi văn dĩ bút đó luôn luôn sẵn sàng để thỏa mạ, sỉ nhục « ai muốn làm chó sói ở rừng hơn chó giữ đàn cừu. »

Trong quảng đời đầy ải ấy Babel vẫn được Maxime Gorki giúp đỡ kín đáo về tinh thần. Gorki vẫn nhằm những kẻ hở của ty kiểm duyệt để vận động cho những phim có sự công tác của Babel được chấp nhận. Gorki muốn dùng những tác phẩm của Babel để cứu vãn phần nào những giá trị nhân đạo, tuy nhiên những phim ấy ra đời rồi cũng sớm bị loại trừ.

Chẳng bao lâu thành hình một văn phái rất có uy tín trong nền văn nghệ Nga xô, văn phái Odessa, nhưng rồi cũng bị phong trào Jdanovisme bóp nghẹt. Babel có tên trong văn phái Odessa, ông viết : « Chúng tôi, văn phái Odessa, chúng tôi không phải là những người như Rudyard Kipling, chúng tôi không nhìn đời với con mắt bình thân khen ngợi, chúng tôi sẽ có thái độ cảnh giới và sửa trị của Maupassant ». Thái độ ấy gây cho ông tất cả sự khó khăn. Những bồi văn của chế độ luôn luôn kiểm thúc, săn đuổi ông vì ông có óc « phản động ». Sau cùng nhà văn ấy bị lên án là Tờ-Rốt-kit, cũng như nhiều người khác cùng trường hợp với Babel.

Bốn trăm bức thư viết lần hồi trong khoảng hơn 14 năm, từ năm 1925 đến 1939. Bức thư cuối cùng ông gửi cho con gái giải bày tình yêu thầm thiết của một người cha cô độc kèm theo ít sách. Đây là tiếng nói cuối cùng của Babel.

Ngày hôm sau cảnh binh của Béria đến bắt Babel hạ ngục, êm nhẹm như tất cả các cuộc thanh trừng đột ngột ở Nga xô. Bấy giờ Ehrenbourg đang ở Ba Lê, ông rất đỗi kinh hoàng khi hay tin bạn sa lưới, nhưng đã chậm quá rồi... Ehrenbourg nhớ lại cuộc tiếp xúc cùng với Babel từ năm 1938, ông hiểu tâm sự của bạn ông, nên than rằng : « Phải chăng cần có một cuộc thủ tiêu này nữa để cho thế hệ ngày mai được may mắn hơn chúng tôi... »



VẬY là nhà văn của Nga xô mơ màng một cuộc sống xã hội khoáng dãng như đồng cỏ xanh lướt nhẹ gió xuân tung bay tà áo cô thiếu nữ xinh tươi, đã bỏ mình trong trại giam tối tăm nào, nắm xương tàn mòn dần trong những ngôi mộ vô danh rải rác khắp bờ cõi mệnh mỏng Liên xô rộng lớn. Không ai biết gì hơn về cái chết bí mật của Babel, trừ một câu ghi chú lạnh lùng trong bộ đời : « Isaac Babel chết ngày 17 tháng 3 năm 1941. »

Vào mùa hạ năm 1954, khi Staline đã từ trần, Babel được nhà cầm quyền xét lại và cho phục quyền, nhưng chỉ một phần nào thôi. Những kẻ nhúng tay vào vụ thủ tiêu ông vẫn lăm le phá hoại sự nghiệp và uy tín ông cho đến cùng.

Một nhà văn trẻ tuổi ở Odessa viết cho Jean Marabini, người đưa vụ Babel lên báo chí Pháp : « Isaac Babel là nhà văn lỗi lạc nhất của chúng tôi, chúng tôi sẽ tranh đấu để phục hồi uy tín của ông. »

Nhà văn « lỗi lạc » ấy đã chịu mai một vì một sự vùi vập « tàn bạo nhất » do một chế độ chính trị mà ban đầu chính ông ta tưởng là sẽ đẹp đẽ.

TRỌNG KHANG

ĐỨC HẠNH

Tình hình công giáo tại Bắc Việt

Tránh chạy chế độ tàn bạo

NGÀY 21-7-1954 hiệp định Genève được ký kết, chia đôi Việt Nam để tạm thời giải quyết vấn đề chiến tranh tại Đông Dương. Việt Cộng tính toán lợi dụng thời gian 300 ngày cho quân đội hai bên tập trung và dân chúng được tự do chọn vùng để đưa cán bộ, đảng viên và ép buộc một số thanh niên trong các vùng hẻo lánh, tập kết ra Bắc. Nhưng ngược lại một phong trào di cư rầm rộ vào Nam phát hiện. Theo bản thống kê sau này thì đã có 860.206 người dân miền Bắc vượt vĩ tuyến 17, trong số đó có 676.884 (tức 80%) người công giáo. Chỉ trong khoảng thời gian vài tháng đã có 5 vị giám mục, hơn 700 linh mục, hầu hết các dòng tu (nam) phần lớn các dòng nữ tu và một nửa số giáo dân từ giã Bắc Việt.

Cuộc di cư vĩ đại này đã tạo ra một hoàn cảnh xã hội đặc biệt. Dân chúng thành thị đa số thuộc thành phần công tư chức, nghề tự do và những người có của lại di cư đông hơn. Tại nhà thờ Chính Tòa Hà Nội và Hải Phòng còn lại toàn người nghèo : phu cyclo, công nhân, bán hàng, làm mướn. Các xứ đạo, các tổ chức từ thiện thiếu hẳn người giúp đỡ, trông nom, uy tín. Nhưng đây mới là vấn đề trọng đại : người ta nhận thấy ngay rằng những người nghèo khó, bần cố của đức Jahvé (Thiên Chúa) lại bất cộng tác với Cộng sản. Phong trào « Công giáo ái quốc » gồm toàn những phần tử tư bản còn sót lại.

Đối với các dòng tu, không những chỉ có các dòng khổ tu (dòng Kín — Phước Sơn — Châu Sơn, trừ 2 cha và 5 thầy còn ở lại Châu Sơn gần Ninh Bình) di cư mà cả các dòng phụ trách nhà thương, nhà trường, cô nhi viện, nhà giữ trẻ, nhà dưỡng lão cùng với nhà trường, tuyên úy, gia nhân cũng di cư vào Nam.

Tuy nhiên chỉ có vấn đề thiếu linh mục là mối lo ngại nhất cho Giáo hội miền Bắc. Trước khi ngừng chiến 10 địa phận thuộc giáo khu Hà Nội đều do 9 vị giám mục và một cha Chính cai quản. Nhưng chỉ một năm sau 6 địa phận thiếu giám mục, không người cai quản, phải chỉ định một linh mục thường là già cả, ít chuẩn bị tạm thời thay thế.

Số giáo sĩ còn lại.— Chừng hơn hai chục vị thừa sai ngoại quốc ở lại Hà Nội, Lạng Sơn, Sơn Tây tự cảm thấy sớm muộn, trước sau cũng sẽ bị trục xuất như các bạn đồng nghiệp tại Trung Cộng. Muốn sống còn dưới chế độ cộng sản. Giáo hội chỉ có thể trông nhờ vào hàng giáo sĩ Việt Nam. Thế mà đến đầu tháng 7-1955 chỉ còn lại được 1 phần 3 tổng số linh mục để chăn dắt phân nửa tổng số giáo dân còn lại. Do đó đã gây ra thảm trạng có hàng 100 xứ đạo không có cha xứ. Đau đớn nhất là chính tại nơi đông giáo dân nhất lại thiếu linh mục nhất, trong khi địa phận Vinh, một mình đã chiếm tới 120 linh mục trong số 370 linh mục còn lại Bắc Việt. Hơn 300.000 giáo dân địa phận Phát Diệm — Bùi Chu — Thái Bình và Hải Phòng chỉ còn chừng trên dưới 80 linh mục mà phân nửa các vị đã ngoài 60 tuổi. Hồi tháng 7-55, 22% linh mục Việt Nam ngoài 70 tuổi (chừng 50 vị chắc chỉ còn sống được 4, 5 năm). Trừ địa phận Vinh, toàn miền Bắc chỉ còn chừng 6, 7 đại chủng sinh, vài chục tiểu chủng sinh, hầu hết các chủng sinh cũng di cư vào Nam.

Sự thật đen tối hiển nhiên này chỉ được sáng tỏ sau khi tình hình đã ổn định, vì trong khi còn phong trào di cư rầm rộ, mọi liên lạc đều bị gián đoạn, nhiều tin đồn đại hoang mang không thể nào phán định được. Nhiều họ đạo tưởng đã di cư hết trong lúc giáo dân lại bị « quân đội nhân dân » bao vây chặt chẽ. Ngược lại nhiều linh mục có vẻ quyết định ở lại nhưng lại ra đi vào phút

chót không một lời báo trước. Vì thế nhiều giám mục đã phải áp dụng biện pháp cứng rắn để giữ lại một số đáng kể trong trường hợp tương tự. Nhiều linh mục sau khi hoàn tất việc đưa giáo dân di cư vào Nam, nhiều vị khác du học bên Âu Mỹ hồi hương cũng trở về Bắc. Bên cạnh những vị linh mục nhiệt thành hy sinh cho giáo dân trong suốt thời kỳ di cư phiêu lưu xiêu bạt, lịch sử cũng sẽ ghi lại gương anh dũng của các vị linh mục Việt Nam đã sáng suốt tình nguyện ở lại với giáo dân dưới nanh vuốt tàn bạo của Cộng sản. Chính hàng giáo sĩ ưu tú này sẽ giữ một vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn đoàn chiên của giáo hội thầm lặng miền Bắc.

Cuộc cách mạng « dân nhủ »

TAI ương chưa tới ngay. Độc chiếm miền Bắc, nhà cầm quyền Cộng sản không có phương tiện cũng như thiếu hẳn kế hoạch để đốt cháy giai đoạn cách mạng. Sau một thời gian quá căng thẳng về cả hai mặt quân sự và hành chánh, các cán bộ từ núi rừng kéo về đồng khao khát một thời gian nghỉ ngơi gọi là tận hưởng chiến thắng. Thất vọng quá đột ngột do phong trào di cư gây ra đòi hỏi một thời gian chuyển hướng khó khăn. Hơn nữa, Đảng thiếu hẳn cán bộ để điều khiển các cơ quan công quyền về ngành kinh tế cũng như ngành giáo dục. Các y sĩ, kỹ sư, công chức từng tham gia trong thời gian kháng chiến nhưng vì thuộc thành phần tư bản đã hấp thụ trong nền văn hóa Pháp nên vẫn không được tin dùng, còn những cán bộ lớp tuổi trẻ gửi đi thụ huấn tại Nga Xô thì còn lâu mới tốt nghiệp được. Quân đội thì khá đông nhưng toàn là bần cố nông mới được nhờ lợi sọ chủ nghĩa Mác Xít từ đầu năm 1955. Dẫu thanh toán xong tất cả các lực lượng, đảng phái đối lập, vẫn chưa thể kể là hoàn toàn làm chủ được tình thế, Cộng sản phải bỏ ra 3 năm đầu để củng cố cơ cấu tổ chức.

CHẾ độ bán tự do.— Ngay từ năm 1953 khi mà Bắc Kinh đã bước sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, thì hành chính sách hợp tác hóa và quốc hữu hóa, thì Hà Nội vẫn còn ở trong giai đoạn đầu hồi 1945 mệnh danh là thực hiện « dân chủ » lật đổ mọi áp bức bên ngoài (thực dân, đế quốc) và bên trong (phong kiến) bảo đảm độc lập, tự do hạnh phúc cho nhân dân, thực hiện các quyền tự do căn bản kể cả quyền tư hữu. Trong giai đoạn sơ khởi này nông dân được cày cấy trong phần đất của mình, tiểu công nghệ, các khu vực tư doanh, thương mại, chuyên chở, giáo dục, xuất bản, y nghiệp v.v... không những được chính thức công nhận mà còn được khuyến khích, vì Nhà Nước đang cần họ, vì còn hy vọng có tổng tuyển cử dự định vào tháng 7-1956 nên không dám làm dân miền Nam sợ hãi.

Vì những lý do trên Việt Cộng tạm thời phải thi hành chính sách hòa hoãn, nhờ đó giáo hội miền Bắc cũng được hưởng nhiều khoan hồng kỳ biệt. Chiến dịch tuyên truyền trấn an những người di cư hồi 1954-55 cũng được thực hiện một phần nào.

Chừng 10 vị linh mục bị giam hồi đình chiến lập tức được phóng thích. Các giám mục, linh mục, nữ tu sĩ ngoại quốc, kể cả Đức Khâm Sứ Tòa Thánh, Đức Cha Dooley ở Hà Nội tạm thời được lưu lại Bắc Việt. Các linh mục Việt Nam tuy không được tự do đi lại, nhưng nhiều cha xứ cũng có thể đi làm phúc cho các họ lẻ và cũng được tập trung gần đủ để dự cuộc cấm phòng hằng năm. Các giám mục và các cha chính địa phận tương đối bó buộc hơn, hầu hết các Ngài không được phép ra khỏi tòa Giám mục. Tuy nhiên một hai vị đã đi kinh lý được khá lâu. Tháng 3-1955 và năm 1956 một nửa các vị giám mục được về họp tại Tòa Giám Mục Hà Nội. Các tiểu chủng viện được tái lập từ năm 1955 trong các điều kiện khó khăn nhất vì thiếu người, thiếu vật dụng, thiếu tài chánh, nhưng cũng không gặp trở ngại khó khăn gì về phía chính quyền. Các chủng viện đó được tự do hoạt động cho tới cuối năm 1957, cũng như các dòng nữ tu, không bị công an hoặc bộ Giáo dục Nhà Nước can thiệp xâm lấn. Nhà in quan trọng: Têrêxa ấn quán của địa phận Hà Nội tiếp tục hoạt động đã phổ biến được hằng trăm ngàn tài liệu, sách báo Công giáo.

Các nghi lễ Công giáo tuy bị cơ quan hành chánh làm khó dễ nhưng vẫn được thực hiện, đôi khi tập hợp được rất đông giáo hữu. Chẳng hạn, dịp kiệu Thánh Thể năm 1955, 3 tuần lễ sau khi bức màn sắt sụp xuống toàn cõi Bắc Việt, tại Hà Nội vẫn tiếp tục tổ chức cuộc rước kiệu theo tục lệ, quanh nhà thờ và hồ Hoàn Kiếm. Phải chăng đây là dấu hiệu chứng tỏ mối tương quan mới giữa giáo hội và Nhà Nước ?

Có ở tại chỗ mới có thể hiểu được ý nghĩa thực tế của mối tương quan mới này. Nhà Nước luôn luôn đòi « bảo hộ » tôn giáo, không phải chỉ là để cải chính cho những tố cáo về việc bách hại tôn giáo, mà còn là để chứng minh quyền lực của họ. Họ thấy cần phải cho ra một sắc lệnh rất tự nhiên như hoàn toàn thuộc thẩm quyền của họ. Do đó ngày 26-3-1955 Quốc Hội đã biểu quyết đạo luật cho giáo dân được tự do tham dự các lễ nghi tôn giáo... Nhưng đổi lại các đặc ân đó, giáo dân phải tỏ lòng nồng nhiệt biết ơn Nhà Nước và phải nhiệt tâm phục vụ Nhà Nước. Dân chúng được hưởng một số « quyền lợi » nhưng hoàn toàn là do Nhà Nước ban cho. Điều kiện này đặt để giáo dân vào trường hợp tương tự và không kém phần nhục nhã như trường hợp công nhân mặc cả với chủ nhân phong kiến đòi chác sự nô lệ lấy ơn huệ.

SẮC LỆNH VỀ TÔN GIÁO. — Tình trạng căn bản này được chứng minh ngay bằng sắc lệnh về tôn giáo công bố ngày 14-6-1955. Không một vị giám mục nào được hỏi ý kiến, mãi đến khi công bố trên báo chí mới được biết. Ít lâu sau, các Ngài cũng như các vị linh mục và giáo dân được ủy ban triệu tập đến hội nghị để mặc cả trắng trợn : « bảo đảm của Nhà Nước để đổi lại sự chấp nhận chế độ ».

Mới đọc qua danh sách các bảo đảm liệt kê trong sắc lệnh thì thật là cảm kích : nào là tự do tín ngưỡng, tự do thờ cúng, tự do giảng đạo, nào là tự do mở chủng viện, tự do xuất bản sách báo tôn giáo, tự do mở trường, nào là được quyền điều khiển các cơ sở kinh tế, văn hóa, xã hội như một cơ sở tư hữu được pháp luật Nhà Nước bảo hộ... Còn các ruộng đất của các tòa giám mục, các

xứ đạo thì sắc lệnh mới mình định rằng « sẽ để lại cho nhà thờ một số ruộng đất đủ cho việc thờ cúng và cho những nhà tu hành có điều kiện sinh sống để làm việc tôn giáo ». Sắc lệnh cũng ghi rõ « các linh mục sẽ không bị qui là thành phần địa chủ ». Một điều khoản đặc biệt công nhận sự có mặt của các vị thừa sai ngoại quốc tại Bắc Việt, và theo điều 13 thì « chính quyền không can thiệp vào nội bộ các tôn giáo. Riêng về Công giáo, quan hệ về tôn giáo giữa giáo hội với Tòa Thánh La Mã là vấn đề nội bộ của Công giáo ».

Nhưng tất cả những quyền tự do đó không bao giờ được thi hành đầy đủ. Việc thờ cúng không thể có tự do khi giáo dân không có giấy thông hành, giám mục không có quyền đòi cha này qua xứ khác. Nhà Nước không có tôn trọng quyền tự do quan hệ giữa giáo hội và La Mã khi họ vận động xúi dục giáo dân chống đối việc Tòa Thánh cử Cha Khuất Văn Tạo, bề trên chủng viện Tông làm giám mục cai quản địa phận Hải Phòng và Bắc Ninh vào mùa hè 1955... Mà ngay danh từ dùng trong sắc lệnh cũng đặt để những giới hạn mà giáo hội không thể chấp nhận được. Chẳng hạn điều 1 trong sắc lệnh chỉ cho phép « các nhà tu hành được tự do giảng tại các cơ quan tôn giáo như nhà thờ, chùa, thánh thất, trường giáo lý... ». Điều 10 dành quyền cho nông dân địa phương ấn định số ruộng đất để lại cho nhà thờ, nhà chùa. Điều 8 ghi rõ « Các tổ chức của các tôn giáo có tính chất kinh tế, văn hóa, xã hội chỉ được hoạt động sau khi đã xin phép chính quyền và được chính quyền chuẩn y chương trình, điều lệ ». Và điều 9 bắt buộc các trường tư của tôn giáo phải « phải dạy theo chương trình giáo dục của Chính phủ » v.v...

Nhất là, điều kiện để cho giáo hội hoạt động rất là phụ thuộc. Linh mục có một vài tự do giảng đạo nhưng phải xử dụng quyền đó để phụng sự chế độ « khi truyền bá tôn giáo, các nhà tu hành có nhiệm vụ giáo dục cho các tín đồ lòng yêu nước, nghĩa vụ của người công dân, ý thức tôn trọng chính quyền nhân dân và pháp luật của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa » (điều 1). Hàng giáo sĩ sẽ không bị qui định thành phần là địa chủ trong đợt phát động

quần chúng giảm tô và cải cách ruộng đất, nhưng đổi lại « phải thi hành đúng chính sách ruộng đất của Chính phủ » (điều 11) tức là phải để cho « Nhà Nước » tước đoạt tất cả tài sản của giáo hội vô điều kiện. Sắc lệnh còn ghi rõ các điều khoản dọa nạt biểu lộ chân tướng của nó : « Pháp luật sẽ trừng trị những kẻ nào mượn danh nghĩa tôn giáo để phá hoại hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ... ngăn trở tín đồ làm nghĩa vụ công dân, xâm phạm tự do tín ngưỡng và tự do tư tưởng của người khác làm những việc khác trái pháp luật » (điều 7). Chấp hành đúng đường lối đó tất nhiên giáo hội sẽ bị khép vào đủ mọi tội phản động : dẫn giải về tôn giáo tức là phạm tới tự do tư tưởng ; khuyến bảo dẫn dụ giáo dân lạc hướng bỏ phong trào cấp tiến là phá hoại đoàn kết ; trình bày luật bạc ái chống đối với chủ trương đấu tranh giai cấp là ngăn trở tín đồ làm nghĩa vụ công dân !

PHONG trào Công giáo ái quốc. — Sống trong một tình trạng bấp bênh chờ đợi, giáo hội ngay từ phút này đã phải đối phó, đương đầu với tổ chức nội tuyến, phá hoại nội bộ của « phong trào những người công giáo ái quốc và yêu chuộng hòa bình » cũng thành hình từ năm 1955. Sau một đợt mít tinh và bầu cử giả tạo, 200 đại diện công giáo liên triệu tập đại hội 3 ngày từ 8 — 10-3-1955 tại Hà Nội. Nhiều người được mời về họp mà không hiểu mục đích để làm gì. Tất cả công việc đều do thiếu số cán bộ nòng cốt gồm một số giáo dân kháng chiến và 14 linh mục ly khai, 9 miền Bắc và 5 miền Nam tập kết-theo Việt Cộng. Đại hội khai mạc dưới quyền chủ tọa của chủ tịch mặt trận Tổ quốc và sự hiện diện của Bộ trưởng Nội Vụ. Suốt thời gian họp, hội nghị chỉ muốn hướng mọi thảo luận về vấn đề chính trị, không đá động gì tới vấn đề tôn giáo cả. Vì xét ra không có lợi, hội nghị không dám đề cập tới việc thành lập một giáo hội ái quốc theo chiến thuật tam quân mà Trung Cộng đã thất bại. Họ đặt vấn đề hoàn toàn phục tùng Tòa Thánh nhưng chỉ về những vấn đề thuộc « phạm vi tôn giáo » thôi. Và đầu tháng 4-1955 ủy ban công bố bức thư gửi cho Đức Giáo Hoàng theo tinh thần này. Cử chỉ trên không có gì bảo đảm cả khi mà họ công khai xúc phạm tới các giám mục. Sau đó vài

tuần Đức Hồng Y Fumasoni-Biondi, Thánh bộ Truyền giáo công bố một thư chung quan trọng cảnh giới các vị linh mục đã tới họp hội nghị mà không có phép của Giám mục, chủ xướng một phong trào nguy hại đến sự thống nhất của giáo hội tại Đông Dương.

Ủy ban công giáo ái quốc được thành lập gồm 27 ủy viên, trong số này có 8 vị linh mục. Ủy ban đặt trụ sở tại một biệt thự xinh đẹp ở Hà Nội và ấn hành tuần báo lấy tên là Chính nghĩa. Chi nhánh của Mặt trận Tổ quốc này tích cực hoạt động tuyên truyền để thành lập tại hết mọi xứ đạo. Mặt trận phụ trách việc triệu tập các tiểu ban thu hẹp hoặc tổ chức các buổi mít tinh rộng lớn. Nhưng sau mấy năm hoạt động, phong trào cũng chỉ thu hút được một thiểu số đoàn viên. Tại các thành thị được vài chục người cứng đầu hoặc thời cơ, ở thôn quê thì lôi cuốn được một số lớn đạo khô khan. Nếu họ có tự hào là đã tổ chức được một số thái ấp như ở Ninh Bình, Hải Dương, Hòn Gay, Thái Nguyên... là nhờ mấy « linh mục ái quốc » chiếm cứ nhà xứ, nhà thờ trái ý Đức giám mục địa-phương. Các linh mục này cũng không được giáo dân tin theo. Thành công đáng kể nhất của Ủy ban đã thu được là nhờ ở sự thiếu quyền hành của một vài cha Chính địa phận chẳng hạn hồi 1955 ủy ban đã chiếm tòa giám mục Hải Phòng quản lý tất cả tài sản của địa phận, và việc một « linh mục ái quốc » mở lại tiểu chủng viện Phát Diệm. Tuy nhiên thành công kể trên không quá lớn lao như họ đã tuyên truyền. Dẫu sao, phong trào ái quốc đã gây hại cho giáo hội không ít. Các tiểu tổ này cầm đầu một phong trào chống đối hàng giáo sĩ một cách âm thầm. Chúng làm chỉ điềm xuyên tạc các bài giảng của cha xứ và hoạt động của các người công giáo nhiệt thành. Đòi được vào ban tổ chức các đại lễ để biến thành cuộc biểu tình chính trị, chúng không ngần ngại tạo ra những vụ rắc rối, gây gổ để kêu cảnh binh đến can thiệp, bắt cha xứ hoặc những giáo dân chiến sĩ.

T HỮU thách trong đợt cải cách ruộng đất. — Mùa đông 1955-56 phong trào cải cách ruộng đất phát động mạnh mẽ khắp các tỉnh biểu lộ một lần nữa khía cạnh khủng khiếp của chế độ. Dưới mắt ủy ban trung ương Đảng thì việc hoàn thành cải cách ruộng đất

phù hợp với đường lối chủ trương trong dịp tổng tuyển cử : « động viên toàn dân để đặt nền tảng mới trong các làng mạc, nông dân phải làm chủ ruộng đất của mình ».

Ngay khi giải phóng, Việt Cộng đã cho thi hành ngay cải cách từng đợt (giảm tô, tịch biên ruộng đất) từng vùng : Hà Nam, Bắc Ninh (1955) Hà Đông, Nam Định, Phát Diệm... đầu năm 1956. Cái thứ cách mạng « nguội » này thật không bút nào tả được. Cả một vùng đồng bằng đang an cư lạc nghiệp, bỗng nhiên một ngày kia bị bộ đội rầm rộ kéo về bao vây chia ngang xẻ dọc. Chính trị viên đến từng nhà bàn cố nông khích động họ cầm thù địa chủ và cường hào. Khi nhận thấy « ý thức chính trị » nơi nông dân đã đủ giác ngộ, khi đã phát hiện được đôi ba điểm tựa có thể thực hiện được cuộc « đấu », họ liền cho triệu tập hội để tố địa chủ. Cuộc đấu tố mỗi ngày mỗi phát triển cho đến khi tòa án nhân dân tuyên kết được 2, 3 có khi tới 10 án tử hình và 7, 8 án khổ sai. Nhưng rồi sau đó, khi bộ đội và các ủy viên rút đi tái diễn thảm kịch tại vùng khác, thì bác bàn cố dậu có được mấy sào ruộng chia cho cũng không xoay xở sao cho đủ sống vì cảnh của ít người nhiều.

Ngoài ra cải cách ruộng đất còn nhằm đưa các phần tử cuồng tín với chủ nghĩa lên nắm quyền hành, thành lập ủy ban địa phương, đặt cơ cấu mới cho làng xã, tổ chức các tổ đổi công, hội phụ nữ cứu quốc v.v...

Trước cao trào cách mạng như thế, tất nhiên giáo hội không thể vạn toàn. Tuy điều khoản của sắc lệnh tháng 6-1955 không tịch thu toàn bộ ruộng đất của nhà Chung, nhưng hàng giáo sĩ, các dòng hội, chủng viện chỉ đủ tồn tại theo mức tối thiểu. Các linh mục lần này được miễn đấu, nhưng vẫn chịu chung số phận của hàng kỳ hào đưa ra trước công chúng cho học sinh tố và xỉ vả. Một vị thừa sai sau nhiều tháng bị giam cầm xiềng xích đã bị trục xuất vào năm 1956, hai vị khác cũng phải ra đi vì quá lao tâm đến bạo bệnh. Nhiều linh mục Việt Nam và nhiều thầy giảng bị tổng giam. Trong khắp các họ đạo, nơi nào cũng có kẻ khóc cha, người khóc chồng chết gục dưới làn đạn của phong trào đấu tố. Về mặt tinh thần, sức tàn phá của cuộc cải cách cũng không

kém phần sâu độc : đối với nạn nhân thì đâm ra thất vọng, phản bội, còn kẻ sống sót thì hoặc a dua cáo gian hoặc hèn nhát im lặng hoặc đồng lõa. Các xứ đạo mất hết hẳn những phần tử ưu tú. Một số linh mục già cả tuổi tác biến thành mục tiêu cho Việt Cộng dọa nạt khủng bố. Tuy nhiên tổng quát nhận xét, phải công nhận là Công giáo đã giữ vững lập trường, hàng giáo sĩ mặc dầu thiếu thốn về vật chất vẫn can trường chịu đựng và còn nỗ lực giữ vững tinh thần giáo dân giúp họ thực hiện công bằng bác ái đúng theo đạo giáo.

Thái độ của giáo dân trợ giúp cho cuộc phản ứng toàn diện lung lay chế độ vào mùa thu 1956. Trong một nước mà mọi người đều lưu luyến sống chết với làng mạc, đồng ruộng, thì cuộc cải cách ruộng đất độc tài, tàn bạo này chỉ gây thêm bất mãn ngay trong hàng ngũ « cán bộ kháng chiến » trong cơ quan mật vụ tai mắt của chế độ và cả đến các đảng viên Đảng Lao Động. Bản án Staline do Kroutchev khai mào tại đại hội tháng 2 chẳng khác gì thùng dầu chế thêm vào ngọn lửa căm hờn khích động các sinh viên đại học Hà Nội nổi lên toan tính lật đổ chế độ vào tháng 9 tháng 10-56. Dân chúng tranh nhau đọc các báo mới công kích kiệt liệt chế độ. Mấy tuần sau các báo trên đều bị đóng cửa nhưng ủy ban trung ương trong kỳ đại hội lần thứ 10 cũng nhận thấy cần phải nhượng bộ và phát động chiến dịch « sửa sai », chính sách này nặng về lý thuyết hơn là thực hành. Thất bại chua cay nhất của Việt Cộng là không có Tổng tuyển cử như đã dự định vào tháng 7-56. Quân đội mất tinh thần, Hồ Chí Minh và tập thể lãnh tụ Bắc Việt phải mất gần một năm trời để xoay chiều : muốn chiếm cố miền Nam từ nay phải áp dụng phương pháp mới (xâm nhập), miền Bắc phải cấp tốc xây dựng nền kinh tế xã hội theo gương Trung Cộng.

Thời gian tiến lên xã hội chủ nghĩa còn phải quyết định, nghiên cứu rồi đưa ra cho cán bộ các cấp học tập, do đó cho đến khi đưa ra áp dụng trong dân chúng tất nhiên còn phải mất một thời gian nữa. Thời gian chờ đợi kéo dài đó là cả một mùa xuân cho Giáo hội, giúp giáo dân phục hồi tinh thần sau một trận cuồng phong ác hại.

Mùa xuân của giáo hội

NHIỆM thể sống động. — Giữa đám đông lương dân thiếu lãnh đạo, thiếu cán bộ, sinh hoạt riêng rẽ rời rạc, giáo dân ngược lại sinh hoạt có tổ chức sống động, đoàn kết chặt chẽ quanh vị đại diện của Tòa Thánh La Mã. Ngay từ năm 1956 địa phận Hải Phòng và Bắc Ninh đã có Đức Cha Phêrô Khuất Văn Tạo, địa phận Phật Diêm có Đức Cha Paolô Bùi Chu Tạo. Một số địa phận khác tuy vẫn còn là Cha Chính (sau được tôn phong lên hàng Giám mục) nhưng cách thức cai quản vẫn chứng tỏ đầy đủ sáng kiến và uy quyền không khác gì một vị Giám mục. Đàng khác nỗ lực của các giám mục cố gắng mở lại các chủng viện càng gặp trở lực về phía chính quyền bao nhiêu thì lại càng được giáo dân nhiệt tình ủng hộ bấy nhiêu. Mặc dầu số phận của hàng giáo sĩ không mấy ham mê nhưng nhiều thanh niên vẫn hăng say tình nguyện tận hiến. Nhiều gia đình tự nguyện bớt phần ăn để mang gạo ủng hộ các chủng viện. Trong năm 1958-59 chủng viện Bùi Chu được hơn 100 chủng sinh, chủng viện Hà Nội nhờ có nhiều giáo sĩ nên đã thu nhận được gần 200 chủng sinh thuộc khắp các địa phận gửi tới. Tại các xóm làng, họ đạo không có Cha xứ thì có các thầy giảng lo việc tổ chức đọc Kinh, dạy bổn chung cho giáo dân. Dòng Mến Thánh Giá hăng diện tỏ ra không tui hổ với danh hiệu. Vừa phải làm ruộng để sinh sống các bà dòng đạo đức này ăn vận y như nông dân thường còn lo việc giữ vững tinh thần cho các gia đình, giúp đỡ trăm ngàn việc và phụ trách luôn việc liên lạc, không quản ngại nguy nan hiểm nghèo. Mặc dầu bề bộn công việc, nhiều vị giám mục vẫn tiếp tục cải tổ Dòng này để cải tiến việc huấn luyện giáo lý và tinh thần cho các nữ tu.

Cuộc « cách mạng dân chủ » có thể tàn hại đối với một vài họ đạo. Chỉ một việc bắt giam thầy giảng hoặc một vài giáo dân có uy tín ảnh hưởng, đôi khi cũng có thể làm tê liệt cả một làng: không ai dám có sáng kiến; ủy ban địa phương cảm đoán không

cho tổ chức lễ nghi tôn giáo cũng đành thụ động khuất phục ; cha mẹ để mặc con cái gia nhập các tổ chức « Thiếu niên khăn đỏ »... Đó là trường hợp giáo dân đã trở thành nguội lạnh, thiếu số và ở lẫn lộn với người không công giáo, xa các linh mục. Trong nhà, ảnh Lái Tim và ảnh Đức Mẹ đã phải rút lui vào xó tối nhường cho hình « Bác Hồ ». Việc đọc kinh trong gia đình thưa dần, việc đọc kinh chung trong nhà thờ trở thành thất thường... Tuy nhiên cũng chỉ là những trường hợp cá biệt. Các giám mục vẫn luôn luôn quan tâm đến vấn đề sinh hoạt của giáo dân đã chỉ thị cho các linh mục phải cố gắng thúc dục khuyến bảo con chiên xưng tội rước lễ cho thật đông.

Kế hoạch mới của Cộng sản không tấn công trực tiếp vào giáo dân, mà tấn công thẳng vào giáo sĩ để lung lạc đức tin của giáo dân. Nhưng chúng càng đàn áp bao nhiêu, giáo dân càng ý thức thêm càng quý mến giáo sĩ bấy nhiêu. Các tín điều công giáo ít khi bị mang ra chế giễu hoặc chối bỏ trên mặt báo hoặc trong các bài diễn văn chính thức. Trong các buổi học tập nhồi sọ, đôi khi cũng có đả động đến vấn đề « người bởn xỉ » hoặc không có « Chúa Cứu Thế », nhưng vẫn không lung lạc được giáo dân. Về phía nhóm người « Công giáo ái quốc » cũng thế, họ cố tránh tất cả những điều phạm thánh, ảnh đạo, ngày lễ được xếp trên trang đầu của tờ báo. Nhưng họ vẫn theo đuổi đường lối chung của Cộng sản là liên tục tấn công vào hàng giáo phẩm, họ cố gán ghép cho các linh mục những tội hoàn toàn về chính trị, họ không chối đạo nhưng họ mở đường cho giáo dân chỉ trích, phản đối, thờ ơ với vấn đề tôn giáo. Do đó, sự trung thành với Giáo hội, hơn bao giờ hết là bức tường kiên cố bảo vệ đức tin.

Đại đa số giáo dân miền Bắc đều bày tỏ cảm tình, gia tăng lòng ái mộ hàng giáo sĩ. Trước kia các Ngài được nông dân quý trọng vì tài trí và giàu có, nay họ lại càng kính phục vì các Ngài đã can trường chịu đựng nghèo đói, nhẫn nhục chịu đựng nhục nhằn xỉ vả. Sau cải cách ruộng đất giáo dân lại càng chăm lo sức khoẻ cho các linh mục (vì họ biết rằng nếu các Ngài vì tuổi tác, bệnh hoạn mà mất đi sẽ không có người thay thế) triệt để bảo

vệ danh dự cho các Ngài. Họ trông chừng từng li từng tí cả để công việc riêng tư của các linh mục : không chịu để cho các Ngài đi dự mít tinh, ký vào kiến nghị hoặc nhượng bộ bất kỳ việc gì với ủy ban. Kiểu cách vâng lời tối mật xưa kia được thay thế bằng những trần thuật đơn sơ, trực tiếp hoặc những đòi hỏi cứng rắn và cương quyết. Đòi lại, các linh mục thêm phần khởi v được giáo dân giúp đỡ và ủng hộ.

Để tránh tình trạng vơ đũa cả nắm, giáo dân đã phân biệt các linh mục trung thành tuân phục Tòa Thánh, tôn xưng là các vị chân chiên chính thức và kẻ chăn thuê trong nhóm « ái quốc » gọi là « linh mục ủy ban ». Họ tẩy chay không tham dự các công cuộc tổ chức của các « linh mục ủy ban » này. Họ vui lòng đi xa hàng chục cây số hoặc đành chờ đợi cơ hội thuận tiện để chịu các phép với các linh mục chính thức. Đối với giáo dân, linh mục không phải là vị sai giữ chùa mà là người của Giáo hội. Theo tinh thần đó, một ngày kia khi nhắc tới tình trạng đau thương của Trung Cộng một vị giám mục đã long trọng thề hứa với giáo dân một cách rất cảm động rằng : « Nếu tôi chấp nhận một điều gì để tách lìa anh em ra khỏi giáo hội La Mã thì xin tất cả anh em có mặt đông đủ tại nhà thờ này hãy chối bỏ đừng nhận tôi đầu mục là chủ chiên nữa ».

Ngay từ khi lọt vào vòng cương tỏa của Cộng sản, giáo dân Việt Nam đã thừa sẵn kinh nghiệm về sức mạnh của sự đoàn kết. xưa nay họ vẫn đoàn tụ với nhau trong một làng thuần nhất, và xứ đạo của họ thường được tổ chức thành cơ sở chặt chẽ tách biệt khỏi lương dân. Sau cải cách ruộng đất, dưới mắt cán bộ Nhà Nước thì những làng có đạo là những thành trì tinh thần chúng không thích phiêu lưu xâm nhập vào. Trái lại các làng không công giáo thiếu chiến đấu thì bọn chúng lại gia tăng khủng bố. Ngay cả đến trong nhà tù hoặc trại tập trung nơi nào có đông giáo dân họ cũng thần nhiên quây quần chung quanh linh mục hoặc thầy giảng đọc kinh lần hạt y như ở trong gia đình trước con mắt hăm hực của tên lính canh. Rồi đây, trong kế hoạch tiến lên xã hội chủ nghĩa, ta sẽ thấy Cộng sản phân tán giáo dân, biến

ché vào các vùng xa lạ để quyết thực hiện chính sách tiêu diệt tôn giáo của chúng.

KHÁT khao lời Chúa. — Một hiện tượng phản ứng khác của công giáo là việc giáo dân say mê nghe giảng và chăm lo học hỏi giáo lý. Phải thú nhận rằng trước đây các bài giảng thường nặng về tiêu cực hơn là tích cực, giáo dân ít được nghe giảng giải về Phúc âm về tín điều. Các linh mục thường chỉ hay giảng về hạnh các thánh, về luân lý và cách ăn ở đạo hạnh. Dưới chế độ mới, các bài giảng cũng được đổi mới, nặng về Phúc âm và đi sát với thời cuộc, biến cố thực tế hơn. Cách giảng này thường là do các vị linh mục trẻ. Chính các Ngài đã đưa sáng kiến tổ chức câu lạc bộ cho Thanh niên hoặc mở lớp giáo lý thường xuyên cho người lớn. Từ năm 1955 đến cuối năm 1958 đã có chừng 800 người tới theo học lớp giáo lý tổ chức các tối thứ hai tại nhà chơi tiểu chủng viện cạnh nhà thờ Chính Tòa Hà Nội, để nghe giảng giải về Thánh Kinh, về Thánh lễ, về hôn nhân công giáo v.v...

Các sách báo công giáo cũng được tăng cường phát triển cho tới đầu năm 1958. Không kể việc tái bản các sách kinh bản, trong năm 1955 đã ấn hành 25.000 cuốn Bồn Phúc âm nhất lãm. Năm 1956 ấn hành 10.000 cuốn Phúc âm thánh Mát Cô và cuốn Công vụ các sứ đồ. Năm 1957 vì thiếu giấy chỉ ấn hành được 5.000 cuốn Phúc âm thánh Luca. Còn bài giảng trên núi, các dụ ngôn, bài thương khó được in thành những loại bỏ túi để chuyển tay cho hàng ngàn gia đình tại thôn quê. Cũng trong năm 1957 một vị giám mục đã cho phổ biến 25.000 bản thư chung trừ danh về luật Bác ái giữa thời kỳ cải cách ruộng đất. Theo đề nghị của các đại chủng sinh và đoàn thể công giáo nhiều nhóm linh mục Pháp và Việt Nam phối hợp với giáo dân dịch và đánh máy các thông điệp của Đức Giáo Hoàng, cuốn « Chúa Cứu Thế với đời người » của Daniel-Rops, « Lịch sử Giáo hội » của Lortz v.v... Việc phổ biến phần nhiều là cho không và sâu rộng ra quảng đại quần chúng đáp ứng được nhu cầu đòi hỏi.

Một trong các mối lo ngại nhất của hàng giáo sĩ và giáo dân là vấn đề dạy kinh bản cho trẻ con vì thiếu linh mục và không còn

trường tư thực công giáo. Thêm vào đó, mặc dầu điều kiện sinh sống ngày càng khó khăn, vẫn không hãm nổi tốc lực sinh sản ngày càng gia tăng. Hàng năm số trẻ con trong các xứ đạo tăng vùn vụt. Các linh mục phải cố gắng tổ chức lại, phải kêu gọi để sự tiếp tay của thanh niên. Đó là một sự kiện mới, vì xưa kia thường thường mọi công việc trong xứ hầu như dành độc quyền cho các vị bô lão, bây giờ thì ngược lại, mọi việc đều phải giao cho các thanh niên. Nhiều nơi, linh mục đã tổ chức được những lớp huấn luyện đoản kỳ về phương pháp giáo dục, về công việc truyền giáo cho hàng 100 thanh niên. Công an tất nhiên phải để can thiệp thì lập tức các chương trình, bài học hướng dẫn được chuyển tay nhau chép lại. Từ năm 1956 đến 1958 Tòa Giám mục Hà Nội đã ấn hành được cuốn phương pháp dạy bốn đồng bằng hình ảnh.

TƯƠNG quan mới giữa công giáo và lương dân. — Xưa kia việc tập trung giáo dân ra một nơi riêng biệt đã xảy ra nhiều khi khấn trở ngại. Từ ngàn xưa làng mạc vẫn được coi như một đơn vị xã hội. Các vị thừa sai vẫn ao ước cố gắng truyền giáo và chinh phục cả một làng, không được, các ngài mới nảy ra ý kiến tập hợp giáo dân thành từng xóm riêng biệt để tạo cho các người tân tòng một hoàn cảnh, một nếp sống cộng đồng thích hợp hơn. Từ đó theo với thời gian họ đã có một số tập tục khác biệt. Người công giáo có một ngôn ngữ riêng từ cách hành văn đến cách xưng hô, chào hỏi, chuyện văn thường nhật. Nhiều tập tục tất nhiên được công giáo hóa, nhưng theo lễ nghi, họ còn nhận tên thánh lập lịch phụng vụ riêng. Tất cả những thứ đó đều xa lạ đối với người không công giáo. Ngoài ra mối tương quan giữa các làng công giáo và không công giáo lắm khi rất gay gắt vì những chuyện cỏn con: tranh nhau lạch nước, cãi nhau về bờ ruộng. Tai hại hơn nữa thái độ tự cao, tự đại, tự hào của một số hạn người Pharisieu vô ngực nhận mình là « đạo gốc » không những chẳng thu hút được cảm tình của lương dân mà còn làm cho người ta chán ghét.

Nhưng nhờ những biến cố trong mấy năm vừa qua, mối tương quan đã được hoàn toàn đổi mới. Những người không công giáo

rất ngạc nhiên về thái độ bình tĩnh chịu đựng gian khổ của giáo dân, sự đoàn kết và trợ giúp tinh thần của các linh mục, nghị lực đấu tranh bảo vệ đức tin không quản tù đầy bắt bớ, coi thường tất cả những lời dụ dỗ, đe dọa khủng bố của cán bộ. Những cuộc rước kiệu Đức Mẹ, những đám tang một vị linh mục dài hàng cây số, cảnh tượng giáo dân không có cha xứ phải dậy từ tinh sương đi bộ hàng chục cây số để giữ lễ chủ nhật, những buổi kinh liên gia rước ảnh Đức Mẹ từ xóm này qua xóm kia giữa đêm khuya, dù muốn dù không đã gây được xúc động trong tâm hồn lương dân. Lương dân nhận thấy rằng giáo hội tuy nghèo nàn khốn khó nhưng vẫn tươi vui, rực rỡ như cộng đồng công giáo thuở sơ khởi nhờ sức mạnh của Thánh Linh.

Nhờ thế mà sau năm 1955 phát hiện một phong trào tìm hiểu công giáo. Nhiều lương dân đã rủ nhau đến dự những buổi nói chuyện về giáo lý, đến nhà thờ để được nghe giảng. Họ không phải là những nạn nhân trực tiếp của chế độ: tư bản phá sản, công chức bị thanh trừng, mà toàn là những thanh niên, công nhân. Có nhiều cán bộ từng tham gia trong suốt thời kỳ « kháng chiến » xin trở lại theo đạo. Tuy nhiên không thể có được một phong trào trở lại vì mọi tiếp xúc hơi lâu giữa lương dân hoặc người tân tòng với linh mục hoặc với giới công giáo đều bị chú ý theo dõi. Vừa bị lộ là lập tức bị các đồng chí trong nghiệp đoàn ngấm ngấm cảnh cáo, đe dọa hoặc được cơ quan cho đi học tập « cải tạo ». Nếu là thiếu nữ thì cha mẹ phải tức tốc khuyên can để lôi con về « dưỡng chính ». Có điều là lương dân đã được giác ngộ, mến phục và bắt đầu tìm hiểu công giáo.

Được như thế, tất nhiên là phải nhờ Ông Trên hộ giúp và tác động tâm hồn giáo dân cũng như lương dân. Các cha xứ đã nhận thấy đa số giáo dân đã ý thức được nhiệm vụ truyền giáo của mình, biết quên mình để nghĩ đến tha nhân, cầu khẩn Thiên Chúa đoái nhìn đến cả một nửa dân tộc đang phải lâm than khốn khổ.

Cách mạng xã hội

BƯỚC sang năm 1958, chế độ tập thể hóa được mang ra thi hành, báo hiệu chuyển hướng cứng rắn tàn bạo của chế độ: tập hợp dân chúng vào từng ngành riêng biệt, tăng cường giáo dục nhồi sọ, thanh trừng các phần tử phản động. Giáo hội tất nhiên sẽ lãnh chịu đủ mọi hậu quả tai hại.

BIỆN pháp trực tiếp. — Đầu năm 1958 Têrêxa ẩn quán thuộc địa phận Hà-nội bị tịch thu để sáp nhập vào tổ chức công tư hợp doanh, việc ẩn hành sách báo công giáo bị ngừng trệ từ đó. Lễ Sinh Nhật 1958 lợi dụng việc xích mích giữa hàng giáo sĩ Hà-nội và ủy ban « công giáo ái quốc », công an liền đến can thiệp giải tán các lớp giáo lý buổi tối. Sáng lập viên là linh mục Nguyễn Văn Vinh, Cha Chính địa phận kiêm giám đốc đại chủng viện bị giải tòa và bị kết án 18 tháng tù ở, rồi tăng thêm 6 năm (2 lần 3 năm) nữa. Những bản án tương tự tăng dần trong năm 1959-60. Tháng 10-1960 đến lượt linh mục Quynh, cánh tay phải của Đức Cha Tạo địa phận Hải-phòng bị tổng giam. Tất cả các vị thừa sai: giám mục, linh mục, nữ tu lần lượt bị trục xuất. Các giám mục Việt Nam cũng chẳng được kiên nhẫn. Từ ngày được sắc phong làm quản trị tổng tòa địa phận Lạng-sơn, Đức Cha Vicentê Phạm Văn Dụ vẫn bị giam lỏng tại Thất-khê, không được tiếp xúc với các linh mục và cả với giáo dân địa phận. Về sau được tôn phong giám mục, nhưng cho tới nay vẫn chưa có cách nào để chịu chức được. Tình trạng Đức Cha Phạm Tần địa phận Thanh-hóa cũng thế, từ năm 1959 tới nay vẫn không được phép ra khỏi tòa giám mục.

Dưới chiêu bài kế hoạch hóa nền giáo dục, Nhà Nước đã đuổi các dòng Nữ tu để chiếm nhà, đồng thời gián tiếp giải tán các chủng viện bằng cách bó buộc phải dạy lý thuyết cộng sản. Tất nhiên không bao giờ các vị giám mục chấp nhận, nên đã giải tán tiểu chủng viện Phát-diệm vào tháng 8-59, đại và tiểu chủng viện Hà-nội vào tháng 9-60. Còn tiểu chủng viện Thái-bình và Mỹ-đức

thì bị ủy ban Tỉnh chiếm quản. Việc tuyển trạch và huấn luyện chủng sinh bị ngáng trở nặng nề. Nếu việc các linh mục, các cơ quan đầu não, sống còn bị tấn công trực tiếp đã làm cho giáo dân đau đớn lo sợ, thì độc tố của chế độ tập thể hóa dần dần thấm nhập tác hại tâm hồn giáo dân càng làm cho giáo hội lo sợ và đau đớn gấp bội. Một khi gia đình bị tan rã, cộng đồng công giáo bị đảo lộn, rồi ngày ngày lại bị tuyên truyền tẩy não, giác ngộ, nhồi sọ thì giáo dân tránh sao cho thoát cạm bẫy và nanh vuốt của cộng sản !

LAO động trí thức. — Công chức là hạng người đầu tiên được đem ra thí nghiệm. Mùa xuân năm 1958 tất cả các cơ quan công quyền bị giản chính : các nhà thương, trường học, bưu điện cũng như tất cả các Bộ khác đều ngừng hoạt động để kiểm thảo. Sau cuộc kiểm thảo đã có từ 20% đến 30% công chức các ngành « tình nguyện » giản chính. Những người còn ở lại thường phải dời lên vùng thượng du, rừng hoang nước độc. Mọi người đều bị cưỡng bách ăn ở tại cơ quan để tiện việc sinh hoạt tập thể : tập thể dục ban sáng, học tập chính trị ban đêm.

Đồng thời tất cả các nghề tự do đều bị công chức hóa. Đề khỏi bị thất nghiệp hay khỏi bị ngồi tù, các trạng sư, giáo sư, nghệ sĩ, y sĩ v.v... đồng số phận, đều phải cởi bỏ lớp người cũ xin tham gia lao động.

Đầu năm 1959 khi phát động chiến dịch tuyên truyền « cắn thù Phú Lợi » các y sĩ phải ngừng khám bệnh, công nhân được nghỉ việc, học sinh phải bỏ học để làm biểu ngữ kẻ khẩu hiệu, vẽ hí họa, viết thơ ca « gây cắn thù ». Khi trở về phòng mạch trước khi khám bệnh, các y sĩ phải xem hồ sơ lý lịch bệnh nhân hoặc tham khảo ý kiến anh lao động đại diện của Đảng mới được coi mạch, cho toa.

Các sinh viên cũng phải thi hành kế hoạch 3 năm. Con nhà tư bản hoặc phản động không được vào Đại học. Họ chỉ còn con đường độc nhất là xung phong đi lao động khai hoang.

ĐỜI sống tập thể tại Đô thị. — Hoạt động kỹ nghệ trong mấy năm đầu chưa bị xáo trộn mấy. Những thực hiện của chế độ thực

dân cũ vẫn được tiếp tục tồn tại ngày nào hay ngày đó. Đến năm 1955 Trung-cộng quá chú trọng tới vấn đề kỹ nghệ hóa Bắc Việt, nên đã cho vay 205 triệu mỹ kim, cử nhiều chuyên viên sang gấp rút đặt lại đường hỏa xa nối liền Hải-phòng — Vân-nam và Hà-nội — Vân-nam. Các nước đồng minh cộng sản khác cũng viện trợ cho Bắc Việt thiết lập nhiều ngành kỹ nghệ mới.

Nhưng đến năm 1957 hầu hết các cơ sở xí nghiệp mới ấy mới bắt đầu xây cất hoặc còn dang dở. Dân chúng thiếu thốn mọi thứ thiết dụng. Khả năng xuất cảng hầu như không có. Trong năm 1958 giới công nhân thành phố chủ yếu của đảng Lao động và của cách mạng chỉ chiếm được có 4% tổng số dân chúng.

Chương trình phát triển kỹ nghệ áp dụng theo kế hoạch 3 năm: xây cất thêm trung tâm phát điện, sản xuất apatit, phốt phát, thiết lập nhà máy giấy, nhà máy xà-bông, xưởng cưa, v.v... Đông Đức trang bị cho Hà-nội một nhà in rất lớn. Nga-xô đặt tại Việt-tri một trung tâm phát điện, một nhà máy giấy, một nhà máy chế tạo các chất hóa học.

Với các cơ sở quốc doanh mới này, thêm vào đó việc quốc gia hóa hay nói đúng hơn việc bắt tất cả các cơ sở kinh doanh của tư nhân, các tiểu công nghệ và thủ công nghiệp vào hợp tác xã đã làm cho số công nhân tăng vượt mức kế hoạch. Nhưng chỉ có kết quả về mặt xã hội hơn là mặt kinh tế.

Năm 1959 biện pháp đòi tiền, quản lý quí kim, các loại thuế, kiểm soát, phạt vạ, cấm sa thải nhân viên mặc dầu mức sản xuất sút kém và Nhà Nước không đặt hàng đã làm cho giới chủ nhân bị phá sản đến phải xin vào hợp tác xã. Thi hành biện pháp hành chánh đó chưa phải là xong. Cán bộ còn đến hướng dẫn cổ vũ công nhân tổ lại chủ cũ, bắt gia đình chính chủ nhân phải tổ cáo và chủ nhân tự thú đề rồi tịch biên xưởng máy hoặc cửa hàng, nhà cửa, đồ đạc. Tất cả những việc đó được coi như thắng lợi của đảng công nhân. Tuy giới tư bản chưa bị đem ra đấu trường để xử tử, nhưng những vụ tự tử đã khá phổ biến vì họ hoặc không chịu nổi cực hình tinh thần hoặc nhìn thấy trước viễn tượng của cảnh túng đói và tuyệt vọng.

Đối với công nhân như thợ rèn, đan lát, thợ may và tất cả các nghề thủ công khác bị cưỡng ép vào hợp tác xã, thì những khẩu hiệu, những hô hào, những diễn văn đường mật của cán bộ đều bị gác ngoài tai. Họ đã quá kinh nghiệm, nhìn thấy rõ lương không tăng mà giờ làm cứ thêm dần, nào là thi đua làm thêm giờ để « mừng nền độc lập của Algérie huynh đệ » hoặc để chào mừng anh hùng Gagarine ; nào là tình nguyện dâng ngày chủ nhật cho công trường đường sắt, hoặc công trường thủy lợi. Tối đến lại phải học tập chính trị hoặc kiểm thảo.

Đối với những người đứng tuổi, tác hại của chủ nghĩa cộng sản không mấy lo ngại vì công giáo hay không công giáo họ đã có một ý niệm khá rõ rệt về lời nói và việc làm của cộng sản. Nhưng từ mấy tháng nay những thói quen tốt lành của giáo dân như đi lễ ban mai, lần hạt trong gia đình ban tối hầu như mất hẳn. Cha xứ bị giam lỏng trong hàng rào nhà thờ, xa lìa mọi đời sống xã hội. Thanh niên phải đi làm xa, gia trưởng phải đi theo cơ quan hoặc hợp tác xã. Cộng đồng công giáo xưa kia rất sống động phút chốc bị tan rã, tê liệt vì chính sách kinh tế mới cũng như hoàn cảnh nơi làm việc. Số phận của giáo dân thôn quê liệu có khả quan hơn không ?

GIÁO dân thôn quê bị phân tán. — Nhằm mục tiêu chính trị hơn là xã hội, cải cách ruộng đất tương đối tạm thời chưa đã động đến gia đình và làng mạc, hai cơ sở vững chắc của xã hội thôn quê. Nhưng đối với chính sách hợp tác hóa nông nghiệp theo kế hoạch 3 năm đầu 1958 — 60 áp dụng cho toàn thể dân chúng thì khác hẳn.

Hợp tác xã tổ chức thành từng nhóm, 10 — 15 gia đình chỉ còn giữ được túp lều tranh và mảnh vườn riêng, còn bao nhiêu phương tiện canh tác như trâu bò, cây bừa, nhân công đều phải tập trung lại. Từ nay nông dân phải tổ chức thành đội ngũ để cùng làm chung. Giờ giấc, nhiệm vụ đều được đại hội hợp tác xã quyết định, hay nói cho đúng hơn do cán bộ Đảng đưa vào làm thư ký hoặc chủ tịch các hợp tác xã. Bình phẩm chấm công cũng được đem ra thảo luận rất kỹ càng, tỉ mỉ, từng chi tiết : tuổi,

giới, giờ hiện diện, năng xuất v.v... lại còn hệ số chính trị chiếm phần tối đa ! Cấm không được kiếm thêm lợi tức ngoài, như đánh cá, chăn nuôi, kiếm củi, mà sau mỗi đợt nộp thuế, hợp tác xã lại còn biểu quyết xung phong bán thóc cho Nhà Nước, thành ra nông dân chỉ còn lại 2 bàn tay trắng.

Không một nông dân nào trên thế giới kể cả nông dân Việt-nam lại có thể phấn khởi trước một chính sách như thế. Thế mà Việt Cộng vẫn tàn nhẫn thi hành cho là vì nông dân tình nguyện ! Năm 1959 Việt Cộng phát động chiến dịch tuyên truyền diễn thuyết, học tập, tham quan các hợp tác xã và nông trại kiểu mẫu để cố gắng thuyết phục mọi tầng lớp nông dân, kể cả công giáo và hàng giáo sĩ. Một phương pháp lưỡng lợi : tiến hành theo vết dầu loang và tùy theo giai đoạn cách mạng đẩy sâu mỗi người vào đường chính trị. Tiếp liền biện pháp tuyên truyền là biện pháp võ lực. Đến cuối năm 1959, 44% gia đình bị cưỡng bức vào hợp tác xã. Theo nguyên tắc đến cuối kế hoạch là phải đạt mức 100%, nhưng theo báo chí Hà-nội thì đến hết năm 1960 kế hoạch hợp tác hóa nông nghiệp chỉ đạt được có 85%.

Nông dân công giáo không phải chỉ đối về thể xác, mà còn thiếu thốn cả về tinh thần : không được đi lễ chủ nhật, xa gia đình, thiếu cả sự yên lặng vì giờ nghỉ trưa phải đọc báo Nhân dân tập đoàn, khuya tối phải nghe cán bộ tuyên truyền giác ngộ... Tổ chức hợp tác xã bậc cao hiện đang phát triển lại càng làm đảo lộn trật tự xã hội. Khi giáo dân còn giữ phần đa số trong hợp tác xã họ còn có ảnh hưởng trong tổ chức, có quyền ấn định chương trình làm việc hoặc chọn người giữ trẻ. Nhưng một khi tập trung các hợp tác xã bậc thấp thành những đơn vị rộng lớn hơn, cán bộ sẽ đảo lộn cả bản đồ làng mạc, biến chế giáo dân một xứ vào các khu vực kế cận, lẫn lộn với người không công giáo, và đương nhiên trở thành thiểu số. Mục tiêu thứ 2 của giai đoạn hợp tác xã này nhằm rút ra một phần lớn nhân công thặng chi để chuyển sang các đại công tác. Thế là giáo dân thành thị cũng như thôn quê dần dần bị phân tán và chìm ngập trong đám đông không công giáo.

GIẢI phóng gia đình. — Trật tự gia đình cũ bị đảo lộn không phải chỉ ảnh hưởng của những biến đổi kinh tế, mà từ 2 năm nay, nó đã bị đảo lộn theo pháp lý, do luật hôn nhân và gia đình được Quốc hội biểu quyết ngày 29-12-1959 và được báo chí và hội nghị bình luận rất nhiều. Luật này mệnh danh « xóa bỏ những tàn tích còn lại của chế độ hôn nhân phong kiến cưỡng ép, trọng nam khinh nữ, coi rẻ quyền lợi của con cái » (điều 2) đồng thời « bảo đảm việc thực hiện đầy đủ chế độ hôn nhân tự do và tiến bộ, một vợ một chồng, nam nữ bình đẳng, bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và con cái, nhằm xây dựng những gia đình hạnh phúc, dân chủ và hòa thuận, trong đó mọi người đoàn kết thương yêu nhau, giúp đỡ nhau tiến bộ » (điều 1).

Thực tế, luật lệ thời thực dân đã cải thiện rõ rệt chế độ gia đình, tôn trọng các nguyên tắc căn bản đó. Nhưng vì gia đình Việt-nam đã lạm dụng quá nhiều đề Việt Cộng viện có nêu lên đả kích như việc : bỏ con sơ sinh, trừng phạt tàn nhẫn, bắt trẻ làm việc sớm quá, tục tảo hôn nhiều khi bị cha mẹ cưỡng ép v.v... Những khuyết điểm trên đây đã bị công kích rất nhiều, nhất là về phía Giáo hội, vẫn luôn luôn hô hào dân chúng bảo vệ lấy giá trị cổ truyền của gia đình Khổng giáo.

Luật 29-12-1959 tự cho là cách mạng là cấp tiến, nâng tuổi thành hôn lên 18 đối với nữ giới và 20 cho nam giới. Cấm không cho lấy vợ lẽ. Giải phóng con cái khỏi quyền lực của cha mẹ. Nhưng còn vấn đề nhất phu nhất phụ chỉ tiến bộ tương đối khi mà đôi bên còn được thoả thuận ly dị (điều 25) hoặc tòa án nhân dân cho phép (điều 26). Dù có bỏ cái điều khoản cho phép ly dị thì người công giáo cũng như người theo đạo Khổng Mạnh cũng không thể chấp thuận được đạo luật này. Luật này nhằm mục tiêu rõ ràng là gạt bỏ mọi quyền lực của cha mẹ. Trong gia đình « dân chủ » mới này, mọi người đều bình đẳng. Những ngăn trở về hôn nhân cũ do lòng hiếu thảo (tang chế, ý kiến cha mẹ) hoặc tình nghĩa vợ chồng (thời gian có tang) đều bị bãi bỏ. Con cái « có nghĩa vụ kính yêu, săn sóc, nuôi dưỡng cha mẹ » (điều 17) nhưng rõ ràng là không phải vâng lời cha mẹ. Dân chúng chống đối rất

mãnh liệt đạo luật này, vì nó chạm tới tục lệ đã ăn sâu trong tâm khảm mọi người. Bị chống đối nhiều nhất là điều khoản liên quan đến nhiệm vụ xây dựng cho con cái, vì từ nay cô gái 18 tuổi đã được hoàn toàn tự do định đoạt lấy việc hôn nhân của mình (điều 4).

Họ đã đặt quá nặng vấn đề tranh chấp giữa tự do và uy quyền, đã phóng đại các cuộc xung đột ngầm ngấm trong gia đình. Cộng sản cố tình « giải phóng » người vợ khỏi « gông cùm » của người chồng, giải phóng con cái khỏi « bạo quyền của người cha » nhưng để dễ trói buộc họ vào đô thị, vào Nhà Nước. Cũng như chồng, vợ có quyền tự do hoạt động chính trị, văn hóa và xã hội (điều 14) đúng như qui chế của hợp tác xã, nghiệp đoàn, mặt trận tổ quốc v.v... Con cái đã thành niên còn ở chung với cha mẹ cũng được tự do chọn nghề nghiệp, hoạt động chính trị (điều 20). Đó là sự thật, nhất là ở thành phố, cha mẹ than phiền rất nhiều về việc con cái đi suốt ngày, chẳng còn trông thấy mặt mũi chúng đâu cả, không biết chúng đi họp hay đi cắm trại, đôi khi đến tối khuya mới về, ấy là chưa kể những tuần lễ đi làm nghĩa vụ công dân hoặc đi hội nghị kiểm thảo. Xưa nay vẫn quen săn sóc con cái nhất là lo lắng cho con gái lớn, bậc cha mẹ hốt hoảng, lo sợ phản ứng mau lẹ. Nhưng chống sao lại cả một phong trào có tổ chức ! Hề kêu ca là bị ghép tội phản động ; khuyên can là tội áp bức không thể tha thứ ; cấm đoán là tàn tích của chế độ gia đình độc tài, phong kiến. Các bậc làm cha mẹ đành nuốt lệ thở dài.

Mặc dầu chế độ lương bổng rất bất lợi cho các gia đình đông con, nhưng Việt Cộng chưa có phát động phong trào hạn chế sinh đẻ hoặc cổ xúy việc phá thai là vì chúng đã có một phương pháp khác để chặn đứng việc sinh sản, đó là kế hoạch phân tán các gia đình công chức và công nhân mỗi người đi một ngả ! Gia đình chỉ còn có danh hiệu mà thôi. Tất cả mỗi giây liên lạc hoặc bị nứt giãn hoặc bị cắt đứt, để giao mọi người cho Đảng quản trị !

HY vọng mỏng manh. — Các linh mục mỗi ngày một già yếu mà việc huấn luyện người kế tục không thực hiện được, chỉ còn có hơn 300 linh mục để coi sóc trên 800.000 giáo dân. Số phận các

gia đình công giáo là một mối lo ngại, khổ tâm của Giáo hội miền Bắc. Sau 15 năm nắm quyền hành, các lãnh tụ cộng sản nhận chân rằng chúng không hy vọng gì vào tầng lớp đứng tuổi. Do đó, chúng tập trung mọi khả năng, phương tiện để lôi cuốn các phần tử thanh thiếu niên. Mỗi năm từng khóa kỹ sư, chuyên viên, y sĩ, cố vấn canh nông, kỹ giả tốt nghiệp tại Nga-xô, Đông-âu, Trung-cộng hồi hương thường chỉ giỏi về lý thuyết Mác-xít hơn là khả năng chuyên môn, để thay thế dần cho tầng lớp cán bộ nhuộm nền văn hóa tự do cũ. Lớp thanh niên ngày nay không biết mảy may gì về trật tự xã hội cũ. Các trường học được tái lập, các lớp bồi túc, các trường kỹ nghệ hoặc canh nông mọc nhan nhản tại các tỉnh lỵ, cùng với các hội thể thao, các đoàn thanh niên thiếu nữ tập trung trên các công trường khai hoang Điện-biên-phủ và khắp vùng thượng du để chiến thắng thiên nhiên và tổ chức kỹ thuật !

Bị lôi cuốn trong phong trào đó, các thanh niên công giáo thiếu thốn mọi sự : không được chịu các phép bí tích, không được nghe lời giảng giải, không người khuyên can, yên ủi, hướng dẫn. Trong một xã hội mà số công giáo chỉ chiếm có 5% dân số thì ít hy vọng để tự họ có thể tạo lập được một gia đình công giáo hoàn hảo.

Là nông dân hiền lành đơn sơ từng thấm nhuần đạo lý cổ truyền, giáo dân miền Bắc đã biết giữ vững đức tin của họ. Tính chất phác của họ đã nhận chân được các mách lới, thủ đoạn xảo trá của chính quyền. Việc đấu tranh giai cấp không làm họ sao nhãng luật Bác ái của Phúc âm. Nhưng bức màn sắt và bóng dáng khủng khiếp của Trung-cộng vĩ đại đang phủ kín chân trời và chặn đứng tất cả tương lai của họ. Tự mình phải lo tu luyện, giữ vững tinh thần hằng ngày, hằng giờ đó là nguyện vọng của giáo dân miền Bắc, cũng là hy vọng thiết tha của tất cả giáo dân trong các Giáo hội thầm lặng.

ĐỨC HẠNH

(Theo Le dossier de la quinzaine)

SÁNG TÁC THEO ĐƯỜNG LỐI HIỆN THỰC XÃ HỘI

MỘT nhà tiểu thuyết có tiếng là ông Vsevolod Ivanov có viết một cuốn tiểu thuyết về đời sống thợ thuyền trong một xưởng xe hơi ở tỉnh Gorki. Ông đem một phần bản thảo đọc trong một cuộc hội họp các công nhân. Đọc đến chương tả những nỗi khó khăn mà thợ thuyền thường gặp mỗi khi đi làm mà nhà ở xa vì phải dùng nhiều xe cộ tời tàn chạy trên những đường sá hư xấu, bọn đảng viên cộng sản phản kháng. Họ hỏi :

— Bao giờ anh viết xong cuốn tiểu thuyết này ?

Ivanov ước :

— Chưa sáu tháng.

— Thế rồi kiểm duyệt mất sáu tháng. In sách mất thêm một thời kỳ nữa. Sách của anh phải mất một năm nữa mới xuất bản được. Một năm nữa thì ta sẽ có đường tốt, xe mới, có những nhà riêng cho thợ ở gần ngay xưởng làm. Thế thì anh cù tả luôn đường sá xe cộ nhà cửa như là đã có rồi có được không ?

LOUIS FISHER

CHẾ ĐỘ CHUYÊN CHÍNH SẾ TỰ TIÊU ？

VAN sĩ cộng sản vẫn nói rằng : nền độc tài của chế độ vô sản chuyên chính sẽ tàn dần. Một trong những bài học của ba mươi năm vừa qua đã dạy ta rằng trong thế giới hiện tại, nhờ có những phương tiện mới mẻ về công an, tuyên truyền, khủng bố, một chế độ độc tài rất khó lòng chuyển dịch, khi đã thành lập rồi. Trong bọn độc tài Staline, Hitler, Mussolini, Franco, chẳng có ai bị dân chúng nổi loạn hãm dọa một cách đáng kể ý. Sở dĩ có kẻ bị diệt vong, thì là vì họ đã làm cho quốc gia hoàn toàn suy bại, và nhờ các nước khác tiêu diệt họ đó thôi. Như vậy, người ta có thể cho rằng một chế độ độc tài bao trùm khắp thế giới là một chế độ độc tài khó di dịch nhất. Rút kinh nghiệm ở Nga, người ta chẳng còn tin được rằng khi đảng cộng sản hay bất cứ một đảng phái nào khác, đã có thể lập ra được một chế độ độc tài, công an, thì chẳng khi nào, chế độ đó, tự nó, nó muốn « tàn dần. »

STEPHEN SPENDER

PHẦN THỨ NHÌ

Phần thứ hai (sáng tác văn nghệ) của Văn Hữu số 17 này hoàn thành với sự trợ bút của các bạn văn : Võ Hồng — Sơn Nam — Xuân Phụng — Đức Quang — Trương Linh — Hòai Khanh —

VỖ HỒNG

Ngày xuân êm đềm

CHIỀU hôm ấy khi đi học về, An thấy trên ven mép sân vừa trồng một hàng cúc vạn thọ. Mừng quá, An không kịp bỏ mũ bỏ sách, nhảy tuốt ra nhà sau tìm chú Ba.

— Chú Ba ơi ! Chú Ba ! Chú Ba trông vạn thọ hả chú ? Gần tới Tết rồi hả Chú Ba ?

Câu trả lời của chú, An đoán trước được nhưng An vẫn thích hỏi. Còn ai vào đây trồng hoa nữa ? Ba, bốn năm nay từ khi An có trí khôn, An thấy cứ gần Tết là chú Ba đi xin cây vạn thọ hoặc ở chùa Châu Lâm hoặc ở vườn thẳng Kiết về trồng một hàng quanh mép sân. An không biết xem lịch in bằng chữ Nho, cuốn lịch cha treo ở khung cửa sổ bên cạnh cái bàn toán. An cũng không lưu ý tìm xem tháng này là tháng gì. Đối với tâm hồn ngây thơ của nó, cảnh và vật nói nhiều hơn tháng ngày. Nghe con tu hú kêu nó nghĩ đến những chùm

trái vú dê chín vàng ngọt lịm và nó nghĩ : « Tháng ba. Mùa gặt tới ». Nhìn bà hăng gánh đôi thùng xếp đầy những trái bắp nếp luộc hơi nóng lên nghi ngút, nó cảm nghe mùi ngọt thơm của hạt bắp dẻo nghiến tan dưới răng và nó nói thầm : « Tháng tám rồi. Sắp mưa lụt ». Còn ngày Tết thì luôn luôn được báo hiệu bằng dây cúc vạn thọ. An nhìn triu mến dây hoa vừa trồng. Mỗi cây đứng trong một cái lỗ khoét to bằng cái bát sứ. Cây cao hơn mặt đất không quá hai tấc và đứng gục đầu xuống, lá buông ủ rũ. An có cảm tưởng chúng như đàn nhợ bầy, như cái vật đất nhỏ nơi đó người ta gieo chúng, nơi đó chúng lớn lên cạnh những anh em của chúng cùng một hoa mẹ sinh ra. Có đôi cây yếu quá tưởng như chúng không thể sống qua đêm nay. Sự lo lắng thương hại của An khiến nó thấy cái thái độ lằm lỉ lạnh nhạt của chú Ba là đáng ghét. Người lớn trông họ vô tâm đến tàn

ác. Mấy cây hoa đào đón ử rữ thế kia mà họ vẫn có thể thần nhiên bỏ đứng bơ vơ một mình không sẵn sóc đến. Đêm đến, khi leo lên bộ ván gỗ nằm ngủ, An cứ loay hoay nghĩ về mấy cây hoa đáng thương. Và mới sáng tinh sương khi bừng mắt dậy, nó nhảy vội ra sân thăm từng cây hoa. Mừng quá ! Dù có cây thân còn cong lại chưa đứng thẳng nổi nhưng cây nào đợt cũng xanh tươi, chỉ những lá gần gốc là héo sẫm lại mà thôi. Dăm ngày sau, cây bén rễ và tới một độ nào đó An không nhớ nữa, những cây hoa lớn vụt thật mau, đâm chồi thật nhiều. Những khoảng cách giữa các cây hoa trước kia trống trải mênh mông, giờ đã bị che mất bởi tàn lá. Cùng với sự phát triển của dãy cúc vạn thọ, cái Tết như cũng lớn dần. Manh nha từ đầu tháng mười một với những cơn mưa nhẹ, mưa gieo cải, cái Tết thấp thoáng mờ hồ với những rò cải, ngò, xà lách, tàn ô nằm vuôn vắn ở hầu hết mọi sân nhà. Cái Tết lớn dần lên với những bụi hoa, vạn thọ, cúc đại đoá, thực được phát chồi sum sê và bắt đầu ra nụ. Càng đi sâu vào ngày tháng, cái Tết càng hiện rõ thêm, in dấu vết trên mọi cảnh mọi vật và mọi hoạt động của con người. Chũ Tết được nhắc đi nhắc lại một cách thân mến

êm đềm trong mọi trường hợp sinh hoạt ở gia đình. Cha nói : « Mấy dây dưa leo chắc ra trái không kịp Tết. Bậy quá. Bị mưa làm thúi giống gieo kỳ trước ». Mẹ nói : « Thăng Ba coi chừng mấy con gà thiến. Đề qua nhà lão Dân chó cắn chết thì nghỉ ăn Tết đó nhé ? » Ở lớp học bạn khoe với nhau : « Tết này tao được đi thăm cô tao ở Phước Lân... Bà ngoại vừa gửi cho mẹ tao một trái bí đao to để làm mứt Tết. » Ở ngoài đường, chũ Tết len lỏi trong những câu chuyện : « Chợ Tết cũng mệt... Tết năm nay ở Phú Mỹ có bài chòi... »

Thôn Quảng-đức đa số làm nghề gốm và buôn vôi thế mà sự sinh hoạt cũng hồi hả theo cái đà của ngày Tết cứ sừng sững đến gần. Đồ gốm sản xuất ra, chở đò dọc đem bán ở các chợ xa : chợ Đền, chợ Đồng dài, chợ Gò chai, chợ Gành, chợ Thử... Tiếng ốc tù và của chủ đò thúc khách quá giang chuyển hàng cho gấp xuống đò vang lên trong đêm khuya. Càng gần Tết sự mua bán càng hồi hả rộn rịp nên chợ nào cũng vẫn chậm. Đò xuôi chở khách về cũng mãi khuya mới tới bến. Bến đò thành ra ồn ào rộn rịp suốt đêm. Những cây đèn chai làm bằng một đoạn tre trong tấm dầu, cháy rực sáng

cả bụi sông, in ngược bóng xuống nước rung rinh, loé đỏ cả một vùng. Trên đường đi xuyên qua xóm, những dáng người gánh gồng vội vã đi chập choạng theo ngọn đèn chai cầm lắc lư dưới tay. Đèn chai ở đây là một cái đèn dầu nhỏ được một nửa cái chai up lên để chắn gió. Tiếng chuyện trò lanh lảnh vang trong đêm, hồi hải theo bước chân chuyển từ đầu xóm sang cuối xóm. Trong đêm tối mà mọi vật như xóa nhòa hết cả hình nét để tan vào bóng đen, mà mọi sinh vật đều như mỗi một, tiếng nói chuyện tỉnh táo rõ ràng dường giữ đủ cả sắc cạnh. Ở dưới bước chân, bóng người in đen được phóng đại ra, nằm trải xuống mặt đường, nằm vắt qua bờ rào, chập chờn di chuyển theo bước đi.

Một bữa An thấy chú Ba hí hoáy nắn một vật gì trông tựa cái lưỡi cày mà bằng đất sét. Chú lấy mũi dao liếc thật nhẵn mặt. Chỗ tay cầm cũng được gọt thật đều. An hỏi :

- Chú làm cái gì thế ?
- Tao làm cái bàn ủi.
- Làm bàn ủi để chi vậy chú ?
- Để ủi quần áo chớ chi.

Giọng nói của chú lơ đãng. Trong giọng ấy còn có vẻ tự phụ vì chú

neho mắt ngắm nghía ra dáng bằng lòng lắm. Rồi chú nói chầm rãi tiếp theo, như nói với cái bàn ủi chứ không phải nói với An :

— Một tới phiên lò ông Hương Lạc đem gởi nung. Chín rồi lấy ra đem ngâm nước. Thế là giặt quần áo dễ sẵn đó. Đem đặt bàn ủi lên lò than nóng rồi cứ thế ủi lên mặt áo mặt quần. Quần áo dầu cũ mà trông như mới.

Cũ mà trông như mới ! Thật là kỳ diệu, An nghĩ. Nó nhìn xuống cái áo cũ nó đang mặc, tưởng tượng rằng cái áo ấy sẽ mới và nó ngó sang cái bàn ủi một cách khâm phục. Cái bàn ủi ấy được đem đi nung, điều ấy quả có thật. Chính mắt An nhìn nó chuyển từ màu xám của đất phơ sang màu hồng nhạt của đất nung. Cũng lại chính tai An lắng nghe tiếng « boong boong » khi cầm nó lên để gần tai, An cung ngón tay gõ nghe thử. Nhưng chắc chắn là An chưa hề thấy chú Ba dùng nó để ủi cái áo của chú cho từ cũ hóa « như mới ». Có lẽ chú đã lên thí nghiệm nhưng bị thất bại nên sau đó chú không tuyên bố gì ráo.

Ngày 26 tháng chạp phiên chợ Hôm, mẹ nói :

— Hôm nay An có đi chợ Tết không con ?

An vội vàng như sợ ai kịp phản đối.

— Có ạ, Lát nữa thằng Tòng lại rủ con đi.

Tòng là bạn học lớp Tư của An. Vì sao mà quen thân nhau, An cũng không nhớ rõ vì nhà Tòng ở mãi tận Hội-tín đi học khác đường mà tính tình thì hai đứa không giống nhau. Cha Tòng làm thầy phù thủy. Có lần nó rủ An đến nhà chơi thấy gian nhà giữa đầy những tượng những hình ông thần, ông tướng, những cò những đèn, trống chiêng thanh la náo bạc khiến An sợ khiếp núp không dám vào. Cha Tòng có một cái trán quá cao. Nhìn gần thấy chân tóc mọc nên An biết trán cao là vì tóc bị cạo. Sau này lớn lên được biết nhà Tòng vừa làm phù thủy vừa hát bội, — hai nghề này có họ hàng với nhau vì hò hét điều động âm binh cũng là một cách hát bội, — nên cha Tòng phải để trần cao mà đội cái mũ. Lúc Tòng lớn, Tòng nghỉ học sớm và kể nghiệp cha. Cái trán của Tòng cũng được cạo lên thật cao và chân đi chữ Bát. Lúc nói chuyện là hai tay vung vẩy như múa. Đó là kết quả của nghệ thuật tiêm nhiễm vào cuộc đời.

An thay áo quần xong thì Tòng đến. Tòng mặc quần trắng và áo

cụt lưa màu hồ thủy. Những nếp gấp làm hai ống quần lép lại và gây ra làm ba Tòng đội một cái khăn lông màu vàng nghệ và chạy sọc xanh đỏ. Uپ lên trên khăn lông là cái mũ kaki. Trông Tòng nửa giống như một chú nhỏ ở trong tranh vẽ, nửa giống như một tên lính Tàu thời cổ. Chắc Tòng chịu ảnh hưởng của những tấm tranh màu treo la liệt trên tường nhà nó.

Đường xuống chợ có nhiều chỗ lõm thấp xuống : đó là khi con đường đi sát cạnh những cái bầu nước. Mỗi bầu nước mang một tên bí mật : bầu ông Chì, bầu ông Lôi. Mỗi lần đi qua một cái bầu, An khếp nẹp đi sát vào Tòng vừa liếc mắt xuống mặt nước đầy rong, ầu xanh um. Những gốc tre già xám đen, những thân cây sung cong vẹo in bóng xuống mặt nước làm cho các tên ông Chì, ông Lôi được trùm trong một không khí rùng rợn. Người đi và người về tránh nhau trên con đường hẹp. Lũ trẻ con đi chợ về trên tay thế nào cũng có những món đồ chơi, hoặc con gà cồ bằng đất, khi thỗi ở lỗ khoét ngang hông thì cất tiếng gáy « cô... cô » hoặc con « chút chút » khi kéo ra đẩy vào thì phất ra tiếng kêu chút chút. Nhiều đứa hãnh diện cầm ghim pháo tre, những bó pháo

thăng thiên đi cạnh mẹ. Đến gần chợ thì nghe tiếng mua bán xì xào vang lên. Thỉnh thoảng có tiếng pháo tre nổ « ùng » khiến cho trái tim của hai đứa như nhảy cồm lên. Không ai bảo ai mà cả hai đều rào bước. Đến đây rồi, chợ Hòm ! Những dây lều mái bằng tranh rạp cột tre yếu ớt sắp chạy từng dãy. Có nhiều hàng bày bán ở giữa trời, như hàng hoa quả, cá mắm. Hai cây đa to tỏa bóng mát cả một khu chợ. Lá đa dày san sát ở trên từng cao làm thành một vòm xanh lao xao cử động. Tiếng rì rào vừa phát tự ở dưới đất nơi người ta buôn bán trao đổi vừa phát tự trên cao do gió lay cành lá. An gặp chị Thắm bày bán đồ gốm ở gần gốc đa. Chị Thắm ở cạnh nhà An, hàng ngày vẫn sang cái giếng nhà An xách nước nhưng sao hôm nay trông chị lạ hẳn đi. Có lẽ vì chị mặc áo dài và đi guốc chằng ? Hay vì đặt chị giữa cái khung cảnh lạ mà người chị trông cũng lạ đi. Những đồ gốm: ấm, chậu, hỏa lò, lon, vò, cây đèn, v. v... hàng ngày vì quá quen mắt An coi như không có giá trị gì nữa, coi như những đồ chơi vô nghĩa, thể mà người đến xem xét trả giá tấp nập. Chị Thắm đóng vai trò một cách rất nghiêm trang, từ chối rất quyết liệt, thách giá rất chắc chắn. Cái ấm cái chậu bỏ lăn

lóc ở xung quanh hè nhà chị Thắm thỉnh thoảng An lơ đi vô ý đá phải ngã lăn ,nay thấy người mua mặc cả giá từng đồng, móc túi đến từng tờ bạc để trả và cuối cùng nâng niu xếp lên rồi bùng đi. Tòng nói :

— Tụi mình ra hàng pháo xem.

Hai đứa cầm tay nhau đi. Hàng pháo ồn ào nhất nên không mất công tìm. Nó ở cách biệt ra một góc chợ xa những hàng khác vì tiếng nổ không ai ưa, nhất là những người đi chợ hầu hết là đàn bà. Bác bán pháo là một người đàn ông vạm vỡ. Chỉ bán có pháo tre và pháo thăng thiên bác đứng trong một cặp bồ lớn. Một số pháo bày làm mẫu được dàn trên một chiếc chiếu nhỏ. Người mua pháo bắt đốt thử. Bác tháo ở gắp tre lấy một chiếc pháo, bóc giấy (miếng giấy xanh đỏ dán đề lên ngòi) rồi đặt lên một tấm gạch cách xa bác một sải tay. Bác cầm cây hương cháy châm lên ngòi. Ngòi pháo xì khói, bác quay mặt sang một bên và một tiếng nổ « ùng » rền lên, chất tai. Xác pháo là một vòng nan tre bị cháy xém bay tung lên cao rồi rớt xuống. Hàng hoa quả không hấp dẫn bằng ngày thường vì không có những miếng mít múi vàng óng ả, những trái măng cầu nứt gai chảy mật, những quả ổi thơm, những trái xay, trái sim, trái đất.

Hôm nay người ta chỉ bày bán những nải chuối xanh mà chuối xanh thì trẻ con không thích vì không ăn ngay được. Trẻ con không có tính kiên nhẫn đợi chờ. Ngày thường mẹ đi chợ về An lật rở ra xem mà thấy bí thấy rau thấy cá là An ghét lắm. Kẹo, mít, bánh rán... mới là những món An hoan nghênh. An và Tòng đưa nhau sang hàng thịt cá. Thật đáng thương hại cho những bà hàng này quanh năm phải bán y một món không thay đổi. Áo quần thì đen đũi, món hàng thì tanh trời, thật không có một vẻ Tết vẻ Xuân nào cả. Chả bù với hàng bánh mứt họ bày bán trong những cái quả sơn quang dầu đỏ thắm trông vui như những đám cưới. Các cô bán mứt đều xinh, tóc vấn trần chải dầu dừa láng mượt, áo dài vải trang đầm bó sát người. Kề ngay hông chợ là dãy phố Hoa kiều. Đó là tiệm chú Năm Heo và tiệm ông Ngâu. Khách vào ra đa số là đàn ông đi mua rượu, tranh sơn thủy, chén bát, nho táo. Tiệm chú Năm Heo bán thuốc Bắc. Những người đến cân thuốc xách đu đưa những gói thuốc bước ra khỏi tiệm, mặt trông buồn giữa cái khung cảnh nhộn nhịp của ngày Xuân vui. Chợ ngày Tết đề đau bệnh thật là không phải lúc.

Đi loanh quanh một lát hai đứa

đã bắt đầu chán. Chợ ngày Tết khi chưa tới xem thì thấy háo hức là thế nhưng đi lại đôi vòng chúng đã khám phá hết mọi bí mật. Sự thỏa mãn có pha một ít chán chường như khi đọc một cuốn truyện cổ tích được người ta quảng cáo là hấp dẫn nhưng đọc xong một lượt thấy không còn thêm thưởng nữa. An nhìn trở lại khung cảnh chợ. Những dáng người đi lại chen lấn, cúi xuống lựa chọn mặc cả, những tiếng xì xào, cả ngay đến bóng rợp của cây đa cao An đều thấy quen thuộc hết.

Ngày 27 tháng chạp chú Ba đi hái lá me và trái me về giã nhỏ ngâm nước chùi đồng. Công việc thật nặng nhọc vì những bộ lư đèn ở ba bàn thờ tổ đều to lớn bề bộn. An cũng xen vào công việc cho vui nhưng chỉ chùi được những cái hộp thau mặc nhẫn. Nắp lư hương có hình con lân con phụng bị chú Ba hất hủi nhất vì những kẹt khó chùi. Người dày tớ phải lau dọn sẵn sóc thật khó có thể đồng quan điểm với người thợ đúc khéo tay và người chủ nhà yêu mỹ thuật. Việc quét nhà cuối năm cũng không kém nặng nhọc. Chú Ba bắc thang leo lên rầm cao, cầm cái chổi có cán dài để quét bụi và mạng nhện ở mái nhà. Chú bịt đầu bằng một cái áo đen cũ. Lúc bước xuống thang, mặt

chú mốc thếch vì bụi trông lạ h lẫn và như già đi.

Mẹ lo rim mứt. Hết chảo này đến chảo khác, mẹ ngồi trở mứt, mứt bí, mứt gừng, mứt chanh, mứt dứa... mà không hề la mồi. Có đêm An mơ màng ngủ mà hễ chợt dậy là vẫn thấy mẹ ngồi cạnh chảo mứt cầm đũa đảo qua đảo lại. Tiếng nước đường sóng sánh. Hình như cả đêm mẹ không ngủ. An nghĩ : Chỉ có mình là sung sướng nhất, chả phải làm gì hết. Thế mà lại được ăn nhiều nhất. Những miếng mứt vụn An ăn từ hồi còn dẽo. Khi mứt khô vớt ra nia phơi thì An vét chảo ăn đường. Chỗ nào có An là có cặp tay phá khuấy và cái miệng ăn không ngớt.

Ngày 29 gói bánh tét. Lại cũng chỉ mẹ và chú Ba là bận rộn. Những đòn bánh to bằng bắp vế thế mà cũng do mẹ thoăn thoắt sắp lá, đóng nếp, đồ đậu xấp nhân thịt, gói, buộc lạt. Chú Ba, ngồi cạnh phụ tay. Cha trông vậy mà cũng dờ. Cứ đi lên đi xuống ngó chừng và nói vô ích làm mẹ mất công trả lời. Chẳng hạn :

— Đừng buộc chặt tay quá kéo bánh không chín đều. Hôm đám giỗ ông nội bánh bị sống...

Cha bở lửng câu thì mẹ nói :

— Nhớ rồi.

Chẳng hạn :

— Còn dư nếp đủ gói một đòn nữa. Thế là một, hai, ba, bốn... đúng mười hai đòn cả thấy.

Mẹ nghe cha nói, miệng vừa cắn một đầu sợi lạt một tay cầm đầu kia siết cho chặt vừa đưa mắt nhìn xuống số đòn bánh tét mà cha vừa đếm. Quả cha đếm không sai, nhưng số bánh không nhờ cha đếm mà tăng thêm. Cha chỉ làm được một việc mà An thích : đó là chôn một cột trụ giữa sân để chong cây đèn gương. Có lẽ cha cũng sẽ sai chú Ba đào lỗ chôn nếu chú Ba không bận tay. Cái đèn hình lục lăng, tối thấp lên sáng cả sân, đứng làm bạn với An khi nó phải trèo lên nằm ngủ trên chiếc ván gỗ rộng ở nhà trên. Những ngày mùa đông gió mưa lạnh trời tối đen như mực mà một mình nằm ở nhà trên rộng mênh mông thật là cô đơn. Lắm lúc An có cảm giác rờn rợn rằng thân mình đã tan ra để lẫn mất vào bóng đêm. Khổ nhất cho An là khuya chợt thức buồn đi tiêu mà lò mò mãi trong bóng tối không biết cửa ở về phía nào để mở. Trẻ nhỏ nằm ngủ trên bộ ván rộng thì tha hồ mà quay. Đến chừng tỉnh giấc nhắm chừng mò ra cửa nhưng lại cứ đi xông ngược vào bàn thờ. Rờ chỗ nào cũng thấy những bàn những ghế. Sao mà lắm bàn ghế thế ? Đêm nay nằm nhìn ra cửa sổ thấy

ánh đèn sáng. An vui quá không muốn ngủ nữa. Ở dưới nhà ngang còn nghe tiếng lục cục của mẹ làm việc. Hồi chiều chú Ba làm thịt một lần hai con gà trống thiện và ba con vịt. An lẻo đẻo theo đứng một bên để nhìn. An hỏi :

— Sao giết gà vịt một lần nhiều vậy chú ?

— Chớ mày muốn đề sáng mồng Một sát sanh hả ? Làm thịt bữa nay để cúng hai bữa.

An nhìn dòng máu đỏ chảy từ cái vết cắt ở cổ chảy ròng ròng xuống cái bát, nhìn những cặp mắt mở to rồi mờ dần yếu dần cho tới lúc nhắm hẳn. Cái chết đến im lặng, nhẹ nhàng như một trò chơi dễ. An thấy thương hại cho con gà trống oai vệ, cho con vịt hiền lành. An chép miệng :

— Tội nghiệp mấy con gà, con vịt chú nhỉ ? Chú giết nó không sợ nó báo oán sao ?

Chú Ba quay phắt lại liền :

— Thăng này dóc tở. Tao thấy xào nường bùng lên là mày gắp liền tay. Mày ăn thì nó báo oán mày chớ mắc gì đến tao ?

An thấy chú Ba nói cũng có lý nên định bụng thôi lần này không ăn thịt gà thịt vịt nữa. Nhưng ý định đó An quên ngay khi chú Ba rửa ráy xong bùng rồ gà vịt đi mất

và nó thần thơ đi tìm xem chuyện khác.

Sáng mồng một tiếng pháo nổ rầm rầm làm An choàng tỉnh dậy. Hồi chú Ba thì là pháo ở tiệm khách Tụn. Nhìn vào bàn thờ thấy nến thấp sáng trưng và cha đã khăn áo chỉnh tề đứng khăn rì rầm. Trông cha uy nghi thật phù hợp với cái không khí nghiêm trang nơi đây. Đề tăng thêm vẻ đường bệ, mọi cử chỉ của cha đều chậm chạp: rót rượu, châm nước, đốt hương, sửa nến. Cha đọc từng hàng chữ Nho : « Đại nam quốc, Phú yên tỉnh, Tuy an phủ, An sơn tổng... » Chú Ba đem pháo tre ra đốt. Chú thích pháo nhưng nhất không dám cầm cây hương đốt mà phải cầm một thanh củi dài có đầu lửa đỏ. Mười tiếng nổ đùng liên tiếp, tiếng nào tiếng nấy bùng tai. Mẹ nói :

— Pháo năm nay hay.

An ngạc nhiên. Trông bộ mẹ lục đục suốt ngày như chỉ biết chú ý đến công việc làm thể mà không ngờ mẹ cũng lưu ý đến tiếng pháo vui chơi. Cha tươi cười vì câu nói của mẹ còn ngầm ý bảo : Năm nay làm ăn có hy vọng khá vì pháo nổ chắc tiếng. Cả thôn Quảng-đức chỉ có chú khách Tụn đốt pháo dây còn thì các nhà khác chỉ đốt pháo tre có nhà mười tiếng, có nhà 3 tiếng, 5 tiếng.

Vừa bánh mắt đã có mấy tay cầm cái xúc đĩa chia nhau từng chặng trải chiếu trên con đường xóm. Lũ trẻ con bâu quanh liền. Chú Ba bên chôn ra mặt khi nghe tiếng 4 đồng tiền rủng rểng của hàng xúc đĩa tổ chức ngay ở góc rào nhà. Chú ham đánh xúc đĩa và ích xì hơn ăn mút ăn bánh. Chú cứ đi ra đi vào như người mất hồn. Khổ cho chú hơn nữa là ở ngoài góc rào tiếng lũ nhỏ cứ reo lên :

- Bán chẵn này.
- Lạy trời ra cái lẽ nữa đi.
- Đặt bên chẵn một tiền rưỡi.
- Lẽ ! lẽ ! Coi chừng nhà cái chạy làng.

Đường cái vang lên tiếng guốc. Nghe tiếng guốc có thể đoán biết được người mang. Tiếng guốc lỏng công gõ vội vàng là tiếng chân của một đứa bé mới tập đi guốc lần đầu. Tiếng guốc chậm chạp thỉnh thoảng dừng lại là tiếng guốc của người mẹ, người chị đi kèm lũ trẻ. Tiếng gõ chắc chắn nện mạnh trên đường sỏi là tiếng guốc của người đàn ông. Con đường sỏi đá gập ghềnh làm nhiều đứa nhỏ đi trượt guốc cứ phải tụt lại đằng sau đứng sửa. Lắm đứa đã chán với cái trò chơi đi guốc rồi nên cặp guốc lại cầm ở tay và đi chân đất như

thường ngày. Lối đi này thoải mái dễ chịu hơn cả. Đường cái rộn rịp nhưng nhà cửa thì vắng vì cửa ngõ cửa ra vào nhà ai cũng đóng im ỉm hoặc mở hé hé. Xóm làng thành ra mang một vẻ uể oải giả dối. Vì ở đằng sau cánh cửa đóng là cả một sự hoạt động rộn rịp. Gần trưa, cha An tiếp những ông khách lễ mễ trịnh trọng trong những cái áo dài đen và cái quần trắng. Những ông nhà nông mà thường ngày mặt mày không lúc nào khỏi đầy bụi bặm, râu ria tua tủa, áo vải to dày cộm thấm đầy mồ hôi, hôm nay mặc áo quần mới trông trẻ và đẹp ra. Nhưng An không thích nghe tiếng chân ghế kéo chạm vào mặt đất khi khách sắp ngồi và khi khách đứng dậy sửa ra về. Những câu chuyện trao đổi giữa cha mẹ và các người khách cũng vậy. Toàn nói những thứ gì An không hiểu thế mà họ cũng cười với nhau một cách thích thú thành thật. Những lúc này An tỉ tê theo gõi chuyện với chú Ba. Những điều An hỏi, chú Ba đều trả lời được :

— Sao đánh xúc đĩa, chị Lượm đặt tiền lại quay thành một vòng ở dưới chiếu hờ chú ? Sao không đặt một ụ như người ta ?

— Hể nó ngồi bên phía chiếu lẻ mà nó muốn đặt chẵn thì nó đặt

tiền quay thành một vòng. Nếu nó để thành ụ, thành đồng thì tức là nó đánh lẻ.

— Sao chị ấy không đặt sang bên chiếu phía chẵn cho nó tiện ?

— Tại ngồi xa nó với tay không tới.

— Họ chúc Tết « bách niên giai lão » là sao hở chú ?

Chú Ba vừa nhai miếng cơm vừa nói :

— « Dai » lão là sống dai.

An hết thắc mắc, với tay vào đĩa lấy một miếng cơm ăn theo chú. Đây là phần bánh mứt mẹ sót vào một đĩa lớn dành cho chú. Trong số những vò, hũ, chum... bỏ trống ở nhà bếp, chú chọn một cái vò để cất đĩa bánh mứt vào đó. Khi đi chơi về, hoặc vào trưa hoặc lúc khuya, chú mở vò bưng đĩa ra lấy ăn. An chia phần với chú và ăn thấy ngon hơn là khi ăn chung với cha mẹ.

Ngày mồng Hai cha nói :

— An có muốn theo cha xuống núi Một thăm ông Cửu-Nghiệp không ?

An mừng quýnh trả lời vội vàng:

— Có.

Ông Cửu-Nghiệp giàu nhất vùng và nhà ông xây hai tầng. Suốt một

phủ Tuy-an chỉ có bà Cửu Phần và ông Cửu Nghiệp là ở nhà lâu mà thôi. Ông là chỗ bạn thân của cha nên mỗi khi đi ra tỉnh tiện đường ông đều ghé nhà. Cha tiếp ở nhà trên, ngay gian giữa. Hôm nay theo cha, An mặc áo dài đen cầm nhang. Sự trịnh trọng này do một ngẫu nhiên may mắn mà có được. Số là xấp hàng cầm nhang cha đưa may cắt thế nào mà rút cuộc còn dư cỡ một đoạn. Tính toán đủ lối vẫn không có cách nào dùng được cả nên cuối cùng mẹ đề nghị : để may cho thằng An cái áo dài. Đó là cái áo dài đầu tiên của nó. Bước ra đường, An được lũ trẻ trầm trồ nhìn. Hơi ngượng một chút nhưng mà thầm thích thú. Con đường hôm nay không chỉ có những người đi dong chơi mà còn có nhiều người đi làm ruộng. Người ta đã cởi bỏ bộ quần áo mới mà khoác trở lại bộ áo quần lam lũ thường nhật. Có người như còn nuối tiếc nên vẫn cố giữ hoặc một cái quần hoặc một cái áo vải mới. Thân người nửa mới nửa cũ hóa ra màu cũ trông tàn tạ thêm, Cày cuốc ngự trên vai.

Đi quá khỏi xóm thì tới cánh đồng Hòa-mai. Ruộng đang mùa cày bừa trông thấp hẩn xuống. Vài đám mới cấy, bụi lúa cắm như chân hương vàng vọt. An thường

quen mắt với đồng lúa mướt màu xanh lá lúa gợn sóng hoặc cánh đồng lúa chín vàng hạt lúa nặng làm gục đầu thân lúa nên trông cánh đồng hôm nay có vẻ trần truồng và lam lũ. Con đường ruộng, từng chặng, nhảy nhua những khối bùn do các cô thợ cấy ném lên khiến An phải đi rón rén cẩn thận. Đưa mắt nhìn quanh sang các xóm làng bao quanh cánh đồng, An thấy chỗ này chỗ kia có từng đoàn người đi, màu áo đen thẫm trên điểm nón trắng. Thỉnh thoảng nhô lên cái ô đen. Nó lằm nhăm lẫn lộn không biết phía đó là Hòa-tú hay Hòa-chiều, phía kia là Hà-yến hay Trường-xuân. Cha chỉ một xóm trước mặt, nói :

— Núi Một kia.

Đó là một ngọn núi thấp nằm dài mình mang đầy cây cối xanh um. Dưới chân núi các nông trại chia nằm rải rác từng nhóm. Theo tay cha chỉ, An chú ý nhìn vào khu vườn nhà ông Cửu Nghiệp xanh um màu tàu chuối tàu cau. Thân cau trắng mốc đứng vươn lên thành hàng song song. Nỗi vui được thấy cảnh lạ làm An quên nghĩ đến con đường còn lại phải đi. Thoáng mới đó mà đã già từ con đường ruộng để bước lên con đường đá đánh vòng đai Núi Một.

Những bụi gai thấp, những chùm táo nhơn thưa, những thân chuối rậm rạp xanh mướt trông quen thuộc. Bước vào vườn chuối, An thấy êm mát vì ánh sáng lọc qua lá chuối non đổ xuống xanh xanh. Thân chuối bụi bám đứng cao vút như muốn vượt theo thân cau. Ở vườn nhà, chuối thấp hơn và thân cau cũng gầy hơn. An nghĩ thầm : « Cái gì của ông Cửu Nghiệp cũng oai ». Những cây mít mang trên mình đầy trái. Trái lớn quây quần dưới gốc còn rải rác trên thân cây là những trái hạng vừa nằm thườn dài trông như những cái vú chảy. Bưởi cam cũng không thiếu. An thêm thương cái địa vị của người con ông Cửu Nghiệp được sống giữa những món ăn ngon này. Sao ở nhà nó lại chỉ có toàn những lúa và nếp thế ? Có lần nó thỏ thẻ so bì với mẹ :

— Nhà con Bông làm kẹo nên nó sướng hơn con. Kẹo bẻ là nó ăn. Véo chỗ kẹo dẻo nào cũng bỏ vào miệng được. Nhà mình thì chỉ toàn lúa nếp. Lúa ăn không ngon. Sao mẹ không làm nghề kẹo có sướng hơn không.

Mẹ cười mà không trả lời.

Tiếng chó sủa ồ ồ làm An giật mình. Tiếp theo, tiếng sang sang vang trong nhà :

— Có đưa nào ra coi chó, bay.

Đúng là tiếng của ông Cửu Nghiệp, giọng chậm rãi của người giàu không cần vội vàng. Người ở là một anh lực điền ra mở cổng. Ba con chó cao to như ba con bê nhảy xò ra khiến An bầu vào áo cha. Cha vẫn đứng yên nhìn vào anh lực điền đang lấy tay gỡ sau ót lí nhí thừa :

— Dạ thưa thầy xuống dưới này.

— Ờ ! Có ông Cửu ở nhà không ?

— Dạ có.

Cha ung dung bước vào khiến ba con chó đứng dật ra. An bước theo, lấy cái can đảm của cha. Ông Cửu Nghiệp ra đứng trước hiên vái chào. Ông đội khăn nhiễu đen, mặc áo xa tanh màu lam dẹt bông to, chân đi giày Gia-định. Cha cúi xuống chấp tay vái trả lại. Ông Cửu quay lại xoa đầu An và nói :

— Con đi xa có mỏi chân không? Đề bác mừng tuổi cho con. Ông móc túi lấy một cắc bạc trắng tinh đặt vào lòng bàn tay An. An lúng túng không biết nên làm sao. Chợt nhớ tới cha và ông Cửu chào nhau lúc nãy. Nó chấp tay cúi xuống vái. Lát sau khi đã bình tĩnh lại nó

thấy ngượng vì cái vái vô duyên. Đáng lẽ phải nói « Con cảm ơn Bác ».

Cha và ông Cửu ngồi ở một cái bàn tròn trên xếp đầy những đồ dùng mà thoáng nhìn An đoán là rất quý, rất đắt tiền. Bộ bình trà có chạm rồng nổi mạ vàng. Ve rượu bằng thủy tinh trong suốt có một cái bầu rất thon và cái vòi nhỏ uốn cong dịu dàng. Ly rượu toàn viền vàng. Cái điều thuốc lào khảm xà cừ với cần trúc uốn dài cong vút. Hộp trà, khay kỷ, đĩa bánh mứt, tất cả đều choáng lộn hoặc màu xanh đỏ óng ánh xà cừ hoặc màu vàng quý phái hoặc màu trắng muốt nõn nà. An ngồi ở cái trường kỷ tay mân mê những chỗ chạm trổ hình rồng hình phụng. Quả hồng tàu ông Cửu cho, nó nằm mà không ăn. Nó cứ đưa mắt nhìn cái nhà rộng thênh thang với cái trần cao trong bày biện toàn những đòn, lợ, sập, ghế. Nó nhìn lại ông Cửu thấy ông bé quá so với cái nhà. Đề che nắng che mưa chắc chắn ông Cửu không cần một cái nhà to như vậy. Nó chợt thấy khâm phục con người nhỏ nhắn mà có thể tạo tác ra một công trình to lớn dường ấy. Ở đằng bàn tròn, ông Cửu và cha chuyện trò tương đắc. Khói thuốc tỏa ra bao vây chỗ hai người khiến trông họ như ngồi sau đám sương

mờ mờ đục. Khi cha đứng dậy cáo từ, ông Cửu nài ở lại nhưng cha lấy cớ ngày Tết có khách đợi ở nhà nên không chịu. An lãnh thêm hai quả cam ông Cửu cho, cúi đầu chào và theo bèn gót cha. Ông Cửu đi tiễn đến mãi đầu đường mới trở lại. Khi còn lại hai cha con, An nói :

— Cha hẹn cho con coi lâu ông Cửu Nghiệp mà con không thấy lâu đâu cả.

— Thì nhà lâu đó.

— Nhà lâu gì vậy ? Phải leo lên trên lâu mới gọi là lâu.

— À quên ! tao tưởng mày biết rồi. Nhưng mà... cũng vậy đó thôi, cũng như hai cái nhà chồng lên nhau.

Về đến nhà đôi chân An mỏi như. Tuy vậy nằm nghỉ một lát là An lại nhập bọn với lũ trẻ và như thể là ngày mồng Hai nhẹ nhàng trôi qua. Mồng Ba cũng vậy. Ngày mồng Bốn cúng tiền ông bà. Giấy tiền, giấy vàng bạc chất đầy nia to, chú Ba vừa đốt vừa nheo mắt tránh khói khiến cái miệng méo xệch. Chú lấy một xấp giấy vàng bạc phết hồ lên lưng từng tờ đem dán vào cái cối xay, cái cối giã, mấy cái chày, cái thúng, cái giếng, cửa ngõ, cây mít... Không biết có

qui chế nào ghi rõ món nào phải dán không nhưng cứ xem vẻ mặt của Chú khi cầm tờ giấy vàng bạc dính đầy hồ đứng lưỡng lự trước chuồng heo và cây ổi là An đoán. Hình như chú phải kiểm cho ra món để dán kỳ hết xấp giấy vàng bạc. Được tờ giấy vàng bạc dán lên mình, mấy đồ vật tầm thường như có thêm tinh thần và đang dự vào một cuộc sống huyền bí. Trong lễ cúng tiền, bao nhiêu pháo còn lại đều đốt hết. Bảy, tám đòn bánh tét cũng đem chất đầy ghế. An nhìn ánh lửa thiêu vàng mà bùi ngùi. Phải một năm sau mới gặp trở lại, một năm trọn vẹn vì cuộc hành trình mới vừa khởi đầu. An thấy buồn chán nản.

Tuy vậy, tháng ngày cứ nhẩn nại và lặng lẽ đi qua, như một lũ nhỏ cầm tay nhau đi vòng, đi mãi rồi thế nào cũng gặp lại chỗ cũ. An lớn lên dần và cái thôn Quảng-đức cũng già nua dần đi. Những ngày Tết nối tiếp nhau theo cái tốc độ chậm chạp của nó nhưng khi ngoái nhìn trở lại trong dĩ vãng, tính nhẩm số tuổi thì An lại thấy chúng đi mau. Mỗi lần Tết đến hoa cúc vạn thọ lại nở trước sân nhà, tiếng đồng tiền xóc đĩa lại rùng rền khắp ngõ xóm. Ngồi lẩn lại ký ức An thấy yêu mến hết sức cái Tết năm đó An theo cha xuống thăm nhà

ông Cử Nghiệp là hình ảnh của sự sung túc, của cuộc đời an nhàn lý tưởng trong những ngày bé thơ của An. Sau đó chừng mười năm khi An lớn lên phải đi học xa, An sống xa dần cái khung cảnh êm đềm ngày xưa và những người quen thuộc cũ. Một lần đột nhiên hỏi về ông Cử Nghiệp, An nghe cha nói một cách buồn ngủi :

— Ông Cử về ở trên Đồng Tranh từ năm kia. Nghe nói bây giờ túng lắm. Bà Cử phải làm hàng xáo.

An sửng sốt.

— Ông Cử giàu như vậy mà sao lại nghèo chóng thế.

— Vì mấy vụ kiện vẫn vơ. Chuyện tranh giành ruộng hương hỏa tuyệt tự đáng lẽ có thể thu xếp ổn thỏa nhưng vì tức khí lại bị hương lý và lũ nha lại xui nguyên giục bị nên cứ theo kiện mà sạt nghiệp.

— Còn cái nhà lầu.

— Sở vườn đem thực để chạy kiện rồi đoạn mãi luôn. Cái nhà lầu bán cho chú khách Lê ở Hàng Dao. Ông Cử phải về ở trên Đồng Tranh là quê của bà Cử.

An buồn như nghe tin chẳng lành xảy đến cho người thân thích của mình.

Ngày chiến tranh bùng nổ, cái nhà lầu của ông Cử Nghiệp bị phá hoại. Vôi gạch đổ xuống từng đồng. Nền xi măng chú khách Lê cho người ta gặt nhờ để đập lúa. Mỗi ngày gặt, được một gia lúa cho thuê sân. An ngậm ngùi nhìn cái di tích của thời ấu thơ êm đềm nay không còn nữa, có còn chăng cũng chỉ ở trong cái ký ức bề bộn của chàng thôi. Lâu lâu khi có dịp, An ra đầu xóm đứng nhìn về chân Núi Một. Chòm lá chuối lá cau xanh ngắt của vườn ông Cử Nghiệp còn đó. Những thân cau vẫn một màu trắng mốc đứng vươn lên từng hàng song song. An tưởng tượng thấy ở nơi cái vườn sum sê hoa lá ấy những con chim sẻ vẫn say mê mổ thóc rụng, những con chích choè vẫn nhí nhảnh chuyền trên cành lá lục lợi tìm sâu, những con chiến chiến vẫn mãi miết tước lá cau lấy sợi về làm tổ. Ở dưới các con mương nhỏ mọc đầy khoai môn khoai sấp, lũ cá sặt cá rô vẫn tinh nghịch đớp mồi và lũ châu chấu cào cào vẫn xòe cánh mỏng màu lúa non mà bay sè sè trong nắng. Sự sinh hoạt của cảnh và vật vẫn bình thản êm đềm nhưng còn đâu nữa ông Cử hào hoa và ngôi nhà lộng lẫy ?

VÕ HỒNG

NGUYỄN ĐÌNH HÌNH

Vương vương

Gặp nhau một lần cuối
Hôm nào trời đầy sương
Trông em cười tiếc nuối...
Lên tàu — anh đi luôn.

Phương xa mờ mờ đục,
Khói xám tàu trào tuôn...
Mây Trường-sơn đen nhạt
Xóa mờ nẻo cô thôn...

Nhớ thương con đường đất.
In bàn chân người xưa,
Bây giờ còn hay mất,
Tháng năm chầy nắng mưa.

Đèo cao ôm ấp nắng,
Đá, sỏi, nằm chờ vơ...
Nhớ thương con đường dốc,
Hoa dại nở ven bờ.

Hoàng-hôn pha màu tím,
Tàu băng đời hoa sim,
Núi, rừng, núi, rừng — Tím.
Núi rừng, núi rừng — im...

Gió chiều vương ngọn mạ,
Thung lũng nằm cô đơn
Trâu nhà ai gặm cỏ...
Trâu nhà ai thả đó!

Tất cả chìm — lãng quên !

Viễn phương mờ ảo ảnh,
Màu trắng nào tàn phai ?

Tóc buông nghiêng bóng sông dài,
Xóm quê ta nhớ thương hoài ngàn năm.

Nguyên tác : HENRI THOMAS

Bản dịch : ĐỨC QUANG

SANDY

Lời tòa soạn. — Đây là một truyện ngắn chưa xuất bản của Henri Thomas, tác giả được giải thưởng Femina năm 1901 vừa rồi.

TÔI vẫn tự hỏi phải chăng anh chàng Sandy này là một tên bợm. Tôi thường nghĩ như thế mỗi khi nhớ tới thái độ hần kè từ buổi chiều mà hần cùng bà Gatt ở sông bài về, nơi mà bà ta vừa quen biết hần. (Hôm ấy, đã muộn lắm, vừa ra khỏi phòng tôi trông thấy một người đàn bà Gia-nã-đại ăn mặc hơi lam lũ, ngồi sưởi ở căn phòng phía ngoài).

Tôi đã nhận thấy ở hần cái mà người ta gọi là đề tiện một vẻ thâm hiểm và láu cá vặt. Hần đã biến căn phòng mà bà Gatt dành cho hần ở giáp bếp thành một tổ chuột vì tính bừa bãi và lơ là, nhưng thực ra chính vì hần suốt ngày ở căn phòng rộng phía ngoài, tụ tập với đám bè bạn mà hần rủ rê đến đấy. Rồi những canh bạc nhóm lên thâu đêm suốt sáng, đôi khi suốt một ngày đêm và cả ngày hôm sau nữa. Từ dạo bị hãng Dunlop thải ra, nếu hần chưa phải hoàn toàn ăn bám vào bà Gatt chắc là vì hần còn kiếm chác được trong cờ bạc.

Bảo rằng hần bịp bợm thì cũng quá đáng, nhưng hần biết xoay xở trong hoàn cảnh thuận tiện và việc ấy còn làm cho hần bận rộn hơn là kiếm một nghề sống hần hỏi. Tổ vẽ say mê bà Gatt, tổ chức sông bài, liên lạc thường xuyên với đám cón bạc bằng điện thoại, thỉnh thoảng giả bộ đương sửa soạn kỳ thi để kiếm có lưu lại khu phố này, giữ một thái độ khiêm nhượng đặc biệt là đối với riêng tôi bởi vì tôi trả tiền phòng hần hỏi, tất cả những cái ấy hợp lại thành một công việc liên tục và lâu ngày rồi cũng hóa ra vất vả. Sau hai ngày hai đêm đánh bài, hần mệt lã, ngủ vui trong cái ổ lợn của hần, mặc cho người ta làm ầm ầm trong gian

bếp bên cạnh. Bực quá, tôi cũng chẳng thêm giữ gìn nữa và Nicky, đưa con trai bà Gatt, thích thú đập thành thành vào cánh cửa phòng hắn, hét lên inh ỏi : « Sandy, dậy đi thôi, người ta đã dậy cả rồi đây nè. » Sáu giờ chiều hắn mới lóp ngóp từ trong phòng ra, mặt xanh xao, đầu tóc bù xù, choàng chiếc áo ngủ cũ màu lơ, đi quẹo về phía buồng tắm, miệng nói xin lỗi rồi rít ; một lát sau người ta thấy ngay mẩu tàn thuốc lá gần trên miệng bồn tắm. Thế rồi, máy điện thoại lại hoạt động đề triệu tập các tay chơi hộp canh bạc mới, thường thường họp ngay vào chiều hôm ấy.

Đạo đầu họ chơi trong gian phòng rộng trải thảm dày, có gối đệm cho con bạc nằm ngồi ngả nghiêng chung quanh chiếc bàn thấp gần sát đất, bên cạnh máy sưởi điện. Một buổi sáng bà Eliot, người u-già trong nhà đã từ chối không chịu quét dọn căn phòng mà nằm người ngồi đánh bài suốt đêm trước đã liệng tàn thuốc lá bừa bãi khắp nơi và đánh đổ nước ra chiếc ghế da. Cả ngày hôm ấy Sandy biến đầu mất. Đến tám giờ tối, sau khi để cho Nicky ngủ yên, bà Gatt choàng lên người chiếc áo lông cừu (vì trời đổ tuyết) rồi ra đi. Tôi chợt thức giấc vào nửa đêm vì tiếng động cửa ở căn phòng ngoài. Nhà bếp ở xa phòng tôi nhưng bà Gatt và Sandy vui nhộn quá nên tiếng cười của họ làm cho tôi thức mãi không ngủ lại được. Cả hai người đều say mềm đến nỗi trong lúc sửa soạn bữa ăn khuya họ khua nôi đập soong kêu loảng xoảng. Họ ngồi vào bàn ăn và tôi khoan khoái tưởng đã ngủ đi được trong sự yên tĩnh của ban đêm thì chợt có tiếng chân bước ngập ngừng ở phía buồng ngoài sát ngay chỗ cửa vào phòng tôi. Tiếng chân im bất một lúc lâu rồi lại vọng lên dồn dập hơn, ngừng lần nữa, lại tiếp tục. Tiếng động qua lại như bước chân một con vật nhỏ đương lăn mò vì bị giam trong gian buồng phía ngoài. Tiếng động ấy không có gì là bí mật cả ; không phải là lần đầu tôi nghe thấy thằng Nicky chân không dây dép đi lang thang ngoài hàng ba ; thường thường buổi sáng nó thức dậy trước nhất, đi đánh thức mẹ nó hay chị Edith nó mỗi khi chị nó từ trường học về Luân-đôn nghỉ mấy ngày. Đôi lần nó vào cả trong phòng tôi, chào tôi một câu rồi đứng nhìn tôi một cách tò mò. Lúc ấy tôi cũng chẳng muốn lưu nó lại trong phòng làm gì. Cuộc sống của bà Gatt và đám con bà đối với tôi không quan hệ. Vả lại, trước khi Sandy đến ở đây, cũng không có điều gì buộc tôi phải can thiệp tới việc họ.

Đến hôm ấy, lúc đầu tôi cũng chẳng chú ý gì nhưng rồi tôi tự hỏi — lần đầu tiên tôi tự hỏi — có lẽ chuyện gì đã xảy ra chẳng. Tôi ngồi bật dậy. Tôi không bật đèn và lần tay mở cửa. Thắng Nicky đứng ngay gần chỗ tôi. Nó xây lưng lại phía tôi, đầu ngược lên như đương nhìn ngọn đèn ở cuối phòng nó. Tuy vậy, tôi cũng có thể nhìn thấy rõ hai tay nó nắm lại để lộ ra dưới cánh tay áo ngắn ngủi, và tôi biết rằng nó không nhìn ngọn đèn. Nó không nhìn gì cả, nó sắp gào lên, khóc lên, nó đương lấy đà như tôi đã thường thấy. Nói cho đúng, nó không khóc ; nó chỉ có vẻ mặt của kẻ sắp khóc. Nó nấc lên những tiếng nức nở não ruột làm cho người khác phải kinh ngạc khi nhìn thấy cặp mắt nó ráo hoảnh trên bộ mặt nhàu nát vì điên cuồng và thất vọng của nó.

Tôi đợi chờ. Chắc là bà Gatt sẽ để cho nó kêu gào một lúc rồi bà sẽ tới, lặng lẽ tát nhẹ nó vài chiếc, lôi vôi nó lên giường. Nhưng bà ta say quá rồi...

Thình lình Nicky cúi đầu và dậm chân nhiều lần ; vì nó không mang giày nên chỉ có mình tôi nghe rõ tiếng dậm chân yếu ớt của nó trên nền nhà. Thế rồi, nó cầm đầu chạy về buồng và tôi nghe thấy nó vùi mả vào mình vào giường. Chắc nó đã ngủ ngay sau đó. Về phía bếp, những tiếng động cũng đã im bật từ lúc nào. Bà Gatt và Sandy kéo nhau vào căn buồng phía trong.

Cái vụ mà người u-già gây ra rốt cuộc lại chỉ có lợi cho Sandy. Nó làm cho hần chụp được cơ hội hãn hữu để hiểu rõ quyền lực của hần đối với bà Gatt nhu nhược kia. Còn hần, hần không lạm dụng quyền lực ; trong mấy hôm đó hần tỏ ra một cách xử trí rất ôn hòa, khiến hần có thể phát huy chiến quả của trận thắng lợi trong một đêm. Có lẽ trong một ngày rời khỏi căn nhà bà Gatt để lặn lội trong bùn dưới tuyết, hần đã nghiền ngẫm được chu đáo chiến thuật của hần hoặc đã đi vấn kế được một tên bạn nào đó già kinh nghiệm hơn bởi vì hần quả có được một thái độ hành động chín chắn đáng làm người ta ngạc nhiên ở một đứa trẻ hai mươi tuổi như hần (« Một đứa trẻ — bà Gatt vẫn thường nói — một đứa trẻ đáng thương »). Chính hần, ngay ngày hôm sau đã ra mở cửa cho u-già và xin lỗi bà này về việc làm bừa bãi ngày hôm trước bằng một giọng vui vẻ nhã nhặn thật là khéo léo. Bà Eliot to béo phá lên cười y như là người ta đã khéo cù trúng vào nách mụ. Lẽ tất nhiên, trong một

vài câu nói, Sandy chưa thể xóa bỏ đi được sự bất bình chồng chất của bà Eliot đối với hần đã từ hơn một tháng rồi, nhưng hần có thể làm cho bà ta trong một thời gian nào đó không tỏ được bất bình với hần vì sự nhũn nhặn khôi hài của hần đã làm nguôi cơn oán giận. Sau cái phút bị Sandy « tước khí giới », u-già đến quét dọn phòng tôi. Hình như bà ta nháy mắt với tôi, ra hiệu có cái gì ở phòng ngoài, nhưng vì bà ta chỉ nói với tôi những câu như thường lệ nên tôi giả bộ không chú ý gì cả. Luôn mấy hôm sau, bà ta vẫn nháy mắt với tôi như thế giữa những câu chuyện tầm thường về gia sự. Cứ chỉ ấy chắc hần là một cái tật mà bà Eliot biểu lộ một cách vô ý thức. Tuy vậy, cái nháy mắt của bà ta đã có lần xảy ra trong những hoàn cảnh làm cho nó có ý nghĩa : hôm ấy, đã mười một giờ, Sandy còn ngủ, người chị họ của bà Gatt trông thấy bà phải bùng đồ ăn sáng vào cho hần nên lấy làm bất bình, bô bô nói xấu anh con trai ấy khiến cho khắp nhà ai cũng nghe tiếng. Không thể nào phân biệt được cái tật nháy mắt với cái nháy mắt có ngụ ý của bà Eliot nữa, tôi đành phải thận trọng không dám tỏ thái độ gì hết trong mọi trường hợp. Nhưng từ hôm ấy, tôi bắt đầu lo nghĩ về việc tìm nhà trọ khác, nhà trọ thứ sáu kể từ ngày tôi đến Luân-đôn cách đây 15 tháng.

ĐỨC QUANG

đã có bán tại các hiệu sách

THÂN PHẬN

Tập thơ thứ hai
của HOÀI KHANH

- Gồm 50 bài thơ trong đó có 24 bài lục bát
 - Bìa và trình bày do họa sĩ Đinh Cường
 - In thật đẹp trên giấy vergé bìa giấy Ingres
- GIÁ 32 đ.**

Các bạn ở xa muốn mua xin liên lạc với tác giả, số 5. Nguyễn hữu Cánh, Biên Hòa

PHAI TÀN

*Thu vừa héo xuống quê hương
Đốt trăm ánh nến ngàn gương vẫn mờ
Mùa tàn gợi ý tro vơ
Tình đi rời rã lệ mờ mắt xanh
Đem theo nước mắt đã đành
Còn đem theo những ân tình mộng mang
Tháng qua, ngày đến phai tàn
Hồn hoa lá cũ khóc ngàn trăng xưa ?
Người ơi buồn tự bao giờ ?
Mà cho lá úa làm thơ gọi hồn
Mình ta với nắng cô thôn
Với sầu hiu quạnh với hồn hoang liêu
Mình ta với nắng tan chiều
Lũng sâu vừa khép ngày nhiều sương quạnh
Cho tôi nước mắt đã đành
Xin cho tôi những màu xanh úa vàng.*

HOÀI-KHANH

TRẦN ĐỨC UYÊN

Cánh rừng trước mặt

CHỚM đông năm đó trời bỗng nhiên trở nên rét hơn mọi năm. Thời tiết ẩm ướt suốt ngày. Mưa xuống đục lờ cả một cánh đồng rộng bát ngát.

Đứng trên lô cốt Phiên nhìn thẳng xuống cánh rừng trước mặt, lòng lạnh run. Gió thổi ào ạt. Đám cây rừng lô xô rạp cả về một phía. Bầu trời mây chì vông thấp chạy lang bạt. Quanh lô cốt cảnh vắng teo. Những thửa ruộng trơ gốc rạ thâm hình như không có bờ nối nhau giải rộng mãi ra. Mấy khóm cây đơn mộc lác đác trên đường, đứng lảm lì dưới mưa. Phiên kéo thêm chiếc mũ xuống để che những giọt nước hắt vô mặt. Cái chòi nhỏ khằng kheo mỗi lần bị gió thốc lắc lư và kêu ken két như muốn sụp. Phiên có cảm tưởng cả chiếc lô cốt đang bỗng bênh trôi đi. Lầm phen chàng loạng choạng phải níu lấy thành tường. Chiếc áo mưa quân đội sũng nước nặng trĩu. Phiên thêm thuốc lá. Chàng đặt cây súng ghếch lên chiếc ghế nhỏ. Mặt ghế loáng nước ngả màu thâm, nơi mà ngày này qua ngày khác Phiên vẫn ôm súng ngồi gác. Phiên rút trong túi quần bao thuốc lá lấy một điếu. Chàng quay lưng chắn gió quệt lửa lên hút. Hơi thuốc ngon tuyệt trần. Phiên thấy đỡ lạnh.

Vừa đúng một năm nhập ngũ, Phiên được lệnh dời lên đây cấp tốc cùng với đại đội trấn giữ vị trí quan trọng này. Cuộc vật lộn với địch kéo dài suốt cả mùa thu rồi sang đầu mùa đông thì tạm yên ổn. Kẻ nghịch rút hết vào rừng, thỉnh thoảng xuất hiện quấy phá nhưng bị đẩy lui ngay. Những ngày mới tới Phiên chán nản, không còn một chút hy vọng, một tia sáng báo hiệu cho điềm tốt lành mai sau. Phiên buồn bã viết thư về nhà kể rõ thời sự và báo vợ : « Trong 6 tháng nếu vắng tin anh, em cứ việc đi lấy chồng khác ». Dù vậy cả một mùa đen tối ấy, giữa sự sống

và sự chết chỉ còn cách xa nhau cái tơ cái tóc, Phiên đã biết thêm được rất nhiều kinh nghiệm đánh nhau. Chàng hơi già đi. Mái tóc xanh tốt của Phiên khi chàng ở hậu phương mỗi tháng hai lần cắt mà nay ở vùng đi đốn này thì như không thể mọc được nữa. Hết một mùa vật lộn tâm hồn Phiên se lại, đánh và khô, trong cái cô quạnh của miền hẻo lánh Phiên đã dành tất cả thì giờ nghĩ đến cây súng, viên đạn. Đôi khi lâu lâu không thấy địch quấy phá tự nhiên Phiên thấy nhớ, rồi ngửa tay chàng muốn bắn bừa vài phát vô cánh rừng để nghe âm thanh của tiếng đạn nổ vang vọng bốn phía. Có điều hơi lạ là Phiên ít nhớ nhà, ngay cả những đêm mùa lạnh.

Tình trạng báo động thường xuyên đã khiến Phiên phải luôn luôn tranh bị đầy đủ và đề phòng. Lờn ông trưởng đồn được đóng khung trong ó Phiên « không bao giờ rời súng, cấm uống rượu, cấm đánh bạc. Sẵn sàng mọi thứ trên vai khi nào có lệnh rút lui thì phải rút ngay ». Thứ tới sáu điều tâm niệm, bốn điều phải làm. Các điều này Phiên học thuộc lòng như kinh nhật tụng. Chàng thường ôn lại : « Một là nghe hiệu kèn (ư a) tiến quân mà không tiến thì bắn (chấm). hai là không có lệnh lùi (ư a) mà lùi thì bắn (chấm)... ba là... (ư a), bốn là (ư a). »

Đồn Phiên đóng được gọi là đồn C.K. thuộc phía nam Trung phần, trên một dãy đồi trọc. Lô cốt chính dựng trên đầu quả đồi to nhất, còn hai cái phụ ở hai quả đồi nhỏ làm tiền đồn, tạo thành cái thế ỷ dốc chân voi. Khi Phiên tới, Củ Khê đương lâm cảnh hỗn loạn. Dân chúng sống trong chiến tranh đói khát, bệnh tật đã diu dắt nhau đi, bỏ tuốt ruộng đất. Chỉ lại vài cụ già già cầm gậy điếc. Phiên hỏi họ thì họ lắc đầu nguây nguây nói ú ớ. Hàng ngày mấy người già đó phải vô rừng kiếm củ ăn. Phiên và đồng đội mất khá lâu mới dần hồi được trật tự.

Vào một sáng cuối thu Phiên nhận được thư của vợ báo cho biết nàng đã có thai. Chàng sung sướng ấp lá thư vào ngực cầu xin được đưa con trai đầu lòng.

Từ khi có chuyện thầm kín này Phiên sống vui hơn. Chàng nghĩ đến ngày về phép được bỗng đưa trẻ trên tay : « Nhất định, con trai mà Cục cưng của dòng họ Vũ đây. Trông nó khá khinh quá, hai má trắng bầu, cười nóm đồng tiền có duyên tề. » Phiên sẽ bảo vợ thế này : « Nghe ngoan lắm, em phải nâng niu, chiều chuộng thằng nhỏ như hòn vàng

Nhớ nhé, đừng đánh con trong khi bố nó đi xa. Ngày nào đẹp tan tụi khốn kiếp anh về với em để giữ gìn hạnh phúc. Chắc ngày ấy con nó nhớ rồi. Hãy cho nó đi học, dẫu nghèo đến đâu chẳng nữa. »

Một tia chớp lóe lên nhằng nhằng, rồi một tiếng nổ. Phiên giật mình tưởng đâu như ngay bìa rừng. Mưa đã ngớt hột. Gió thì mạnh thêm. Trên bầu trời mây chuyển đi vùn vù như thác chảy. Những đợt mây đen vẽ hình tượng trên không bay qua đầu Phiên. Điều thuốc giữa hai ngón tay thô và đen đã cháy gần hết vì những hơi kéo vội vàng. Bây giờ điều thuốc chỉ còn một mẩu nhỏ, phía đầu lửa nhọn ra trông như viên đạn. Phiên cong ngón tay búng mẩu thuốc lộn vòng xuống chân lô cốt. Không gian tối sầm Phiên nhìn đồng hồ, bốn giờ mười lăm. Sắp đổi gác. Phiên lột chiếc áo mưa ra vì chợt thấy hấp nóng khó chịu. Con gió thổi vù như bắt đầu từ trong rừng ra, Phiên rung mình. Hơi lạnh thấm vào thịt hình như đọng lại trong phổi vài phút rồi tan đi. Phiên luôn bàn tay to bật vỗ ngực, sức nóng từ đó tỏa ra nghe ấm. « Trái tim đập nhanh quá. » Phiên nghĩ thầm và chàng đưa mắt vô tình nhìn xuống cánh rừng dưới kia : « Chỉ một phát bắn trộm của bọn chó đẻ là mây sẽ ngừng lại ngay. » Bất ngờ chàng mỉm cười, cái cười tự tin và đồng thời vừa chán chường. Chàng nói nhỏ trong lúc mắt vẫn không rời khỏi cây đèn sấm : « Mai sinh chưa nhỉ, con trai hay con gái. Nếu con gái thì tóc nó phải đen mượt. Không, mà con trai đầu lòng thú hơn. Hãy tìm một cái tên coi, Vũ... gì được... ? Phải rồi Vũ Minh. Nghe chán lắm, Vũ Ngọc Minh. Cũng vút đi. À thôi giản dị, Vũ Văn Phiên là xong. Đúng đấy, Phiên Phiên kìa cũng hay. »

Thoáng Phiên nhớ tới người cha đã chết khi chàng mười lăm tuổi. Ông khổ sở vì thất bại, những việc dự tính liên tiếp đổ vỡ nhưng ông nghiêng rặng chịu đựng một mình. Cái nhẩn nại, âm thầm đi đôi với sự cố gắng, cần cù vẫn không thể thắng được số mệnh. Sau bao năm cơ cực chạy xuôi chạy ngược để gỡ lại chút ít danh dự chỉ còn mỏng bằng lá lúa sắp tiêu tan, ông xung phong vào lính đánh thuê cho Pháp. Ông sống với tụi Lê dương, chung chạ với chúng dần dà con người ông có một thứ Lê dương tính ở trong. Ông say sưa, liều lĩnh, tàn bạo. Rồi một hôm vào đầu mùa hạ, ông bị chính tụi Lê dương bắn chết vút xác ở giữa cánh đồng khô.

Phiên đang ôn lại những kỷ niệm về cha chàng một cách nồng nhiệt. Chàng thương cha quá đỗi. Phiên móc ví ra và chàng moi lấy từ ngăn trong một chiếc túi áo màu vàng ; hình tròn, trên mặt khắc nổi một thanh kiếm có dây cù buộc ở chuôi. Đó là thứ túi đựng vào áo dạ của nhà binh Pháp mà Phiên đã rút ra từ chiếc áo cũ của cha chàng. Phiên dùng hai ngón tay mân mê chiếc túi, chàng như nhìn thấy hình ảnh người cha quắc thước có gương mặt vuông, cặp môi dày đã đem tất cả nghị lực của tuổi bốn mươi vào nát sau những lần thất bại sâu cay. Lớn lên Phiên dựng một tấm bia đá xanh bên mộ cha đề tên họ, ngày chết ; cuối cùng thêm dòng chữ : « Cha tôi, người đã bị Lê dương giết ! » Cái thâm ý của Phiên là muốn rửa thù.

Mẫn lên đòi gác cho Phiên. Mẫn nhỏ nhắn trông thì nhanh nhẹn nhưng chàng có cái dáng mệt mỏi của sau một giấc ngủ dài chưa chán, nên vừa đứng cạnh Phiên, Mẫn đã ngáp luôn mấy cái. Phiên đưa Mẫn một liều thuốc rồi cuộc đối thoại bắt đầu : Trong khoảng tối nhờ nhờ hai người như hai chiếc bóng linh động. Tiếng nói nổi lên nhưng người ta không nhìn thấy miệng họ mấp máy bởi cả hai người đều quay mặt về phía khu rừng bây giờ sừng sững như một trái núi dưới màu trắng nhợt nhạt. Phiên giờ tay chỉ về phía trước :

- Đem bom lửa thả xuống đó thì yên.
- Chẳng cần. Đại bác cũng đủ tiêu diệt. Rừng nhỏ mà.
- Chúng nó sống như đàn chuột và hoàn toàn vô vọng. Chẳng biết có vợ con gì không.
- Mình phải dẹp tan chúng nó đi. Để mãi vô lý lắm. Chịu không được.
- Đồng ý. Nhưng giết chúng làm gì.
- Sao ? Chịu thua à ?
- Không, mình đã thắng. Hãy để chúng nó sống như thế.

Bỗng im lặng. Đốm lửa trên đầu thuốc hai người thi nhau sáng lên. Sự vắng lặng mênh mông và xa xôi trùm hết cả cảnh đồng rộng. Gió lùa ào ào như tiếng ca loạn cuồng, đôi khi chìm hẳn xuống rồi mất hút, lúc lúc lại vùng lên có phần mãnh liệt hơn. Nhưng cũng có khi buồn buồn kéo dài lê thê tưởng như bài hát con đò đưa xác. Hai người vẫn đứng im. Có lúc họ như cái bóng của người chết, không cử động mảy may.

Giọng Mẫn bỗng bốc lên đột ngột :

- Thèm thịt tươi quá. Ăn đồ hộp nhiều phát sợ.
- Minh sẽ được đổi về hậu phương. Vợ tao sắp đẻ rồi.
- Dù vậy những ngày ở đây cũng khó quên, tao sẽ đi buôn sau khi giải ngũ.
- Đi buôn gì ?
- Ít vốn. Tính đem số vốn cho vay lãi trong một năm, xong đi buôn lậu.
- Buôn lậu à, thích nhỉ. Đã định hàng gì chưa ?
- Đô la.
- Nhiều người chết vì đô la rồi đó.
- Ăn nhằm gì. Tao đâu có sợ nguy hiểm. Coi như mình đã vong mạng ở đây.
- Sao lại vong mạng. Hy sinh chứ.
- Ừ, được ăn cả ngã về không. Phải liều một chuyến. Vả lại chết thế cóc nào được. Hồng phúc nhà tao lớn lắm.
- Buôn đô la về bán chợ đen à ? Lãi phải biết.
- Dĩ nhiên. Hồi trước chạy giặc bị máy bay thả bom ngay trên đầu không chết. Đạo đó thật kinh khủng, tây về vây làng luôn. Giữa mùa một tết, chúng nó nhảy dù, trên trời phi cơ yểm hộ, dưới đại bác bắn như mưa. Tao làm gan không thèm trốn cứ ngồi trong nhà cho đến lúc nghe tiếng ầm cực lớn tưởng vỡ tai. Tao, bị văng ra sân nằm ngất xỉu. Khi tỉnh dậy nghe tiếng phi cơ hú vọt vàng chuồn xuống hầm.
- Thế có ai việc gì không ?
- Nhà còn mỗi tao và mấy đứa em nhỏ. Tụi tây ném bom làm sụp mẹ mất hai gian nhà.
- Chắc, chắc ! Chắc trái bom lớn lắm nhỉ ?
- Hai tạ rưỡi. Máy đứa nhỏ sợ quá chui vào gầm ghế ngựa.
- Hay thực, hay thực.
- Chả thế tao lại bảo hồng phúc lớn.

Rồi hai người lại trở lại chuyện buôn lậu. Mẫn nói :

— Năm 49 tao ra Hà-nội và bắt đầu liên lạc với bọn ngoài chiến khu.

— Đề buôn lậu à. Mạo hiểm gớm. Gan cóc tía !

— Tụi ngoài đó thiếu đủ thứ : thuốc tây, thuốc lá, vải v. v... Mình mua một, lúc bán lời gấp năm gấp sáu. Có lần đưa gần chót thì bị tịch. Hết bố cả vốn.

— Bị tù chưa.

— Rồi, ba lần tất cả. Nhưng mỗi lần vào được một vài tháng lại tìm cách trốn ra. Dễ ợt, chỉ cần liều là ăn. Tao nghĩ mình cũng chưa thể chết được, nên cứ bật mạng, rồi cũng chẳng sao.

— Sống thế mới khoái. Cái chết cầm chắc mà vẫn đùa cợt với nó. Tao không thích đi buôn lậu, chỉ muốn được ngao du sơn thủy.

— Ăn cỏ à ?

— Tất nhiên phải giàu trước đã. Mày tưởng tượng xem một chiếc thuyền nan đứng đỉnh khắp nơi, buổi chiều nọ bỗng lạc đường vào động thiên thai như Từ Thức, tuyệt lắm chứ.

— Tao ghét thích mơ mộng. Anh nhớ, buôn lậu cũng không phải vì muốn nhiều tiền. Tôi ưa cuộc sống bạo động, đề phòng, đối phó, càng gay cấn càng vui.

— Tao thì chịu rồi đó.

Đến đây hai người xoay qua chuyện khác. Phiên hỏi :

— Thăng Mác gác sau giờ của mày phải không ?

— Ai, thăng Các-Mác (tên hắc là Mác, nhưng bạn đồng đội gọi đùa là Các Mác) vô rùng rồi. Tao gác luôn phiên nó.

— Nó khùng à. Vô rùng cho tụi khốn làm thịt còn gì.

— Nó thèm thịt tươi như tao. Tao bảo nó trốn vô đó mà kiếm.

— Liều quá, liều quá. Thăng Mác xưa nay bướng thượng hạng, phàn này đi đoong mất.

— Chết thế nào được. Nếu sáng mai nó không về mới lo.

— Tao phải đi tìm.

NGAY tối hôm đó đồn C. K. bị địch tấn công. Suốt một đêm chống cự kịch liệt đại đội Phiên đã đẩy lui được chúng. Bên Phiên toàn thắng nhưng chết mất ba người, trong số có cả Mẫn. Kẻ thù bỏ xác nhiều lắm. Chúng đánh cũng hăng song lại thế nào nổi với một đại đội, có tiếng la bừa bãi, bướng bỉnh, nhưng gan lì và can đảm như đại đội Phiên. Trong lúc đánh nhau Phiên vẫn tỉnh táo nghe hiệu lệnh của trưởng đồn. Ông quát lên âm ỉ : « tiến, tiến ». Nghe tiếng quát Phiên đứng vững dậy ôm cây đại liên tì vào bả vai bắn ào ào như gió. Mãi tới rạng đông lực lượng địch, hầu như bị tiêu diệt hoàn toàn, còn lại dăm tên lủi vô rừng mất bóng.

Sau khi thu dọn chiến trường, Phiên lần vào rừng tìm Mác. Súng đeo vai, Phiên bước nhàn tản như người đi săn. Đến ven rừng chàng đứng lại, nhìn xuống chân : một đống máu đọng khô trên cỏ, rồi từ đó rải rác từng giọt ăn sâu vô rừng. Phiên theo dấu máu tiếp tục đi. Chàng huyết lên mấy hồi sáo miệng. Trận mưa hôm qua còn để lại từng vũng nước lớn. Mặt trời đã cao, bằng độ hai con sào. Ánh nắng buổi mai, sau một trận mưa lớn, vàng tươi, rực rỡ. Lá rụng lào xào. Nhiều chiếc bay qua mặt Phiên, có chiếc đậu cả xuống vai xong trượt xuống nhẹ nhàng như một cái vuốt khẽ. Phiên lặng lẽ bước đi, chàng cho rằng hết mùa đông năm nay chàng sẽ được chuyển sang vùng khác, có thể yên tĩnh hơn. Nghĩ đến Mác Phiên nhớ tới bộ mặt của hắn, nó choắt lại và trán thì nhô ra một cách ương ngạnh. Đôi mắt lồi sau hàng mi ngắn như không bao giờ chớp.

Đột nhiên có tiếng soạt trong bụi rậm. Phiên nhanh nhẹn hạ súng xuống lén đạn. Không có gì. Phiên lại tiến sâu thêm. Từ lúc đánh nhau Phiên đã có ý ngờ Mác ! « Anh chàng theo giặc, nếu thế thì mày sẽ bỏ đời con a ! » Phiên làu bàu : « Chưa biết, chắc nó không điên đến nỗi đó. »

— « Mẫn chết một cách thản nhiên như không. Đang đứng gác bị phát đầu tiên nhào từ mặt lò cốt xuống và không biết gì nữa. Gọn thật !! Phiên tính rằng gặp Mác chàng sẽ kể cho hắn nghe như thế. Rồi chuyện ông trưởng đồn ném lựu đạn hai tay, mỗi tay một quả. « Giỏi lắm, giỏi lắm » Phiên lẩm bẩm. Còn chuyện một nữ tặc bị thương vào đùi kêu oai oái lúc Phiên vác súng đuổi địch : « Đồ khỉ, đồ khỉ, đàn bà ngu thật. Đi theo chúng để làm trò gì mới được chứ. ». Phiên cầu nhàu một hồi.

Chàng lắng tai nghe, tiếng quạ kêu gần đây. Phải hàng đàn chứ không ít. Phiên rảo nhanh hơn. Chui qua một đám cây um tùm mà dây leo chẳng chịt ngang dọc lung tung. Phiên tới một khoảng đất bằng phẳng. Chỗ này nổi gò lên, đất sỏi nên cây cối không mọc được. Phiên đảo mắt nhìn quanh quẩn. Thoáng, chàng thót giật mình, ở giữa khu đất một xác chết nằm sấp, chân tay co quắp. Phiên chạy tới. Chàng nhận ngay ra Mác. Mác bị đâm bằng dao ngắn ngập đến cán. Chuôi dao đen, bóng láng dựng đứng trên lưng Mác. Phiên đưa tay nắm nhẹ lấy cán dao, xoa vuốt rồi lay thử : « Chặt gớm, bề nào cũng phải rút mảy ra. » Nơi vết thương máu đọng tím, màu da bở quần, trông như một chiếc miệng sủi bọt đang cắn chặt lấy lưỡi dao. Phiên đứng khum người, nắm thật chắc chuôi dao nhỏ lên, chàng phải rung rung và lắc mấy cái. Xác thẳng Mác rướn lên. Tụp, một tiếng kêu ngắn, cả lưỡi dao bết máu tuột ra. Phiên giơ con dao lên trước mặt súc động : « Các Mác ơi ! » Sau tiếng thốt bất ngờ Phiên chúi con dao xuống bên đùi. Máu vải kaki bỗng xám xỉn một vệt dài nham nhở. Phiên nhìn trằm trằm vào vết thương bây giờ há ra, máu tím từ đó rỉ xuống thành vũng trên mặt đất. Chỗ này cây cối thưa. Ánh nắng soi hắt xuống lưng Phiên từng mảng mỏng tanh. Phiên thấy ảm nửa người, chàng khoa con dao trong nắng. Lưỡi dao chưa sạch máu ánh ngời chói mắt. Chàng đứng dậy và theo thói quen nhà binh thẳng người ngoắt tay lên thái dương chào bạn. Hai chân Phiên nện mạnh vào nhau : Cốp. Gió rừng chạy từng luồng xao động. Phiên nhìn tẩm thân thẳng Mác lần cuối cùng rồi chậm rãi bỏ đi. Tiếng quạ léo xéo dần cho tới lúc Phiên nghe chỉ còn như mơ hồ. Phiên không trở về đồn. Chàng tiến mãi, và vô định. Hai ngón tay vào chuôi dao, Phiên vung vẩy nhẹ nhẹ, miệng khẽ hát bài quốc ca. Điệu nhạc hùng dũng hình như đẩy Phiên lên, chàng thấy tâm thần có phần nhẹ nhàng. « Xứng danh nghìn năm dòng giống Lạc-hồng. » Lời cuối cùng của bài ca chấm dứt. Phiên nghe như lá cây và gió cũng hòa theo giọng chàng. « Thẳng Mác, hỡi thẳng Mác, bạn ta, mảy đã xứng đáng với truyền thống tổ tiên mảy. Mảy chết oanh liệt làm tao hồ thẹn. Mảy đã hy sinh vì tổ quốc, vì dân tộc, vì chính nghĩa... vì... vì... » Phiên la diên đại, chàng không còn biết gì trong khi chàng hét lên như thế.

Hốt nhiên từ trong bụi phóng ra một con thỏ trắng tinh. Sự thêm thắt sống đến rất nhanh với chàng. Chàng tưởng tượng có thể xé ngay chú thỏ đó ra mà ăn ngấu nghiến. « Hay hơn nữa, hầm sốt vang thì chưa

quá, nhưng ở đây kiếm đâu những thứ quý đó. Ôn thỏa nhất là nướng ngay tại chỗ. »Cùng với ý nghĩ chân chàng tự nhiên như cái máy, chạy theo con vật. Còn cách một khoảng dặm thước Phiên phóng vút con dao lên. Bị trúng gáy thỏ ngã lẩn, chàng tới xách lấy hai tai hăn. Chuôi dao để chìa ra một cái ngạnh. Lòng thỏ trắng mướt bắt đầu loang đỏ. Phiên nhìn vào mắt con vật. Nó chưa chết hẳn, đôi mắt còn mở tròn đen rưng rức ngó chàng như thù hận. Bất giác Phiên liền tưởng tới đôi mắt của thằng Mác lúc sắp chết. Rồi mắt Phiên bỗng mờ đi và xác con thỏ bị xóa hẳn. Xác thằng Mác, thay vào, Phiên kinh hoảng nắm chắc lấy chuôi dao và cứ thế cúi đầu chạy. Con thỏ thì rớt xuống dọc đường, Phiên đâu hay. Chàng mãi miết chạy không kịp thở, lồng ngực tuồng như bị ép mỏng lại. Mệt quá Phiên mới dừng lại. Trời lạnh nhưng áo chàng cũng mướt mồ hôi. Chàng đứng thở một hồi rồi cúi xuống nhặt chiếc lá vừa rụng. Phiên ngơ ngác tìm đường đi. Xung quanh chàng cây lá bung bít.



Suốt một đêm qua anh không ngủ được vì đọc thư em. Ở đây mới giữa mùa đông nhưng cũng không lạnh lắm nữa. Thôi Mai ạ, đừng gửi áo ấm, giặc còn nhiều quá không thể xin phép về được. Ba bốn lá thư viết cho em từ một tháng nay nhưng còn đó. Phần vì bận, phần nữa vì quên. Anh đọc thư em để được biết đời sống hậu phương, nhất là trong thành phố vẫn bình thản kéo dài những cuộc vui ồn ào theo một chiều rộng phung phí. Anh tự an ủi và vỗ về mình. Anh trấn giữ ở đây để cho con chúng ta mai sau lớn lên được sống thanh bình, không phải chịu thiệt thòi như cha mẹ nó. Anh mong tuổi trẻ của chúng ngót ngào và êm xuôi.

Anh đi thế mà đã gần nửa năm, bắt đầu từ chớm thu, bây giờ gần sang xuân. Mùa xuân chưa chắc anh đã về. Em cứ buồn và trách anh, anh xin chịu lỗi. Tháng trước có nhận được tin của anh Thái, tin buồn, con lớn nhất của anh ta đã chết, bệnh ung thư. Em có đến viếng cháu lần cuối cùng không. Thằng Chinh làm sao lại bỏ nhà ra đi. Sang Mỹ để làm gì ? Nó xưa nay vẫn biết an phận làm ăn, dạy học cũng đủ sinh sống, bây giờ lên chúng, tự nhiên bỏ cả xứ sở.

Em có xem báo để biết ở đây đang loạn ư. Đánh nhau to lắm, song chẳng hề chi. Anh vẫn trong sáng để nhớ tới em và khỏe mạnh để cản giặc. Buổi sáng đứng gác trên lô cốt nhìn xuống khu rừng trước mặt đen tối đầy sương mù, anh cứ thấy mình lạnh lạnh, rồi thì vơ vẩn. Anh nghĩ đến con nhiều nhất, đưa con em sắp sinh. Số phận của nó, của các em nó ngày sau phải đẹp, phải tươi, đầu lý nào ba đời chạy giặc.

Chúng ta vì chiến tranh đã đánh mất cả tuổi thanh xuân, vì thế anh hy vọng các con sau này sẽ khá hơn, tổ quốc, quê hương phải sống lại những ngày nô nức độc lập, những đêm trắng sáng hội hè trai gái hai bên hát đối, dập dìu. Anh thêm khát được yên ổn và mọi người hiền lành, biết thương lẫn nhau.

Trận đánh hôm rồi anh có ba bạn đồng đội chết. Đó là trận lớn nhất từ ngày anh về đóng ở đây. Ngoài ra còn những trận lẻ tẻ trêu tức nhau không đáng kể.

Đêm qua thao thức tới gần sáng mới chợp được một chút, khoảng nửa giờ, đến lúc tiếng keng đánh thức, anh mệt lử, cũng phải ôm súng đi gác, bồn phận không thể tránh được.

Ngoài tình yêu đất nước, anh còn thứ tình yêu dành cho em, lúc nào anh cũng nhớ tới. Nhờ em trông nom mẹ già giúp anh. Hãy an ủi đừng để mẹ ưu phiền. Anh đang ngồi viết cho em, đêm thứ hai anh thức khuya, và rồi còn thức khuya nhiều nữa, anh chưa thể ngủ yên, ăn ngon được, bọn giặc nước vẫn còn và anh thì nhất định không chịu bất lực, hay dù bất lực rồi anh cũng cứ bảo mình đã thắng.

Nơi đây mọi người đều tốt với anh, lòng tốt rộng rãi và đoàn kết. Cuộc sống mang nhiều ý nghĩa. Trước hết là một giá trị hy sinh thực sự.

TRẦN ĐỨC UYÊN

XUAN PHỤNG

Mấy vần thơ cũ

*M*ỘT ngọn đèn xanh, một quyển thơ
Đàn Tầm-dương thôi bớt bơ vơ.
Lý-thương-Ẩn kẻ bên Đố Mục
Đêm lặng thời gian chẳng bến bờ.

*Thay người rơi lệ cây đèn sáp
Cửa ải chiều thu bóng nhận qua.
Từng đợt buồn xưa lên cung bậc
Đôi hàng mi ngọc thoáng dư ba.*

*Trăng lạnh trúc ti vang sóng Dịch
Chàng nhìn mây trắng, thiếp nhìn non,
Cánh buồm mở rộng vòm trời biếc
Tiếng nhạc lưng chừng nghe héo hon.*

*« Thục đạo chi nan » đèo dựng ngược,
Má hồng sao vội sớm phai pha ;
Hạc vàng ai cỡi bay đâu mất,
Sương loãng dần theo câu ca xa.*

Ôi những vần thơ sáng khoái
Đời êm trôi trong mùa xuân
Người viết về thơ và rượu,
Trăng hoa và nét phù dung.

Thiên thai đi về mấy lượt,
Suối đào rêu gợn mộng lung.

Biển xanh cùng với nương dâu
Tĩnh say nhập lại thành câu xuất thần.
Cây Yên xanh ngút cỏ Tần
Ngô đồng mấy chiếc ngoài sân lá vàng.
Lên cao khúc hát trường giang,
Bao la sóng nước một đường sao băng.
« Nghìn xưa hiền thánh buồn tênh (1)
Riêng người uống rượu lưu danh muôn đời » (2)
Hai hàng cò trắng lưng trời,
Chuông Hàn-san tiếp ý người đề thi.
Quảng lảng gió lạnh phân kỳ,
Đáy chung chìm bóng Dương phi chấp chờn.

X. P.

(1), (2) Theo ý « Tự kể thánh hiền giai tịch mịch
Duy hữu âm giả lưu kỳ danh Lý Bạch ».

PHAN MAI DIỆM

Hậu phương đối với tiền tuyến

VIỆT CỘNG thường rao rêu rằng ở miền Nam, sự chia rẽ giữa dân và quân là điều không chối cãi, rằng giữa tiền tuyến và hậu phương, có một cái hố cách ngăn, và văn nghệ sĩ chỉ sống « đời cà-phê sữa » ở nơi thành thị xa hoa, đầy đủ tiện nghi và rất mực an toàn, có biết chi nỗi khổ nhọc của người chiến sĩ hy sinh xương máu vì ai.

Nhưng mà sự thật có quả như lời buộc tội của những kẻ lấy đối trá làm phương tiện đắc lực nhất để mị dân và để bôi lọ đối phương ?

Điều đó chúng ta không cần trả lời. Chỉ biết rằng ở miền Nam Cộng Hòa của chúng ta, trong dịp Tết Nhâm-Dần vừa qua, đã có những đoàn văn nghệ sĩ ở Thủ-đô tình nguyện đến thăm các chiến sĩ ở những tiền đồn, trao tặng quà xuân, đem giọng hát lời ca tiếng đờn an ủi, giải khuây, khích lệ, và những cuộc gặp gỡ này đã đem vui vẻ và tin tưởng cho cả đôi bên.

Văn nghệ sĩ Thủ-đô gồm gần đủ người đại diện cho các ngành : ca sĩ xưa có, nay có, có nhạc sĩ, mà văn sĩ cũng có, và tự nhiên là không thể vắng con nhà làm báo.

Ba cái tên sau đây cũng đủ nói nhiều giá trị của việc đem tình hậu phương đến người tiền tuyến : Năm Châu, Phạm Duy, và cô Út Bạch Lan.

Tôi được gặp Phạm Duy sau chuyến đi này. Anh đang bận rộn vì nhạc, vì phim, nên tôi chỉ được anh « gởi gắm » đôi cảm tưởng ngắn này :

« Có đi như thế, mình mới thấy đỡ chán mình. Không thì, chắc là mình phải chết vì chán quá ! Thấy anh em binh sĩ sống và chiến đấu, khi về, mình lẫn xả vào công việc hằng hái hơn xưa gấp bội ». Sau đó, tôi được gặp một anh bạn nhà văn. May cho tôi là anh này ít bận rộn và cởi mở, nên tôi xin kể lại câu chuyện giữa anh bạn ấy và tôi cho các bạn nghe (và thể theo lời bạn, tôi xin giấu danh tánh bạn ấy).

— Anh có thể cho biết anh đã đến thăm anh em chiến sĩ ở đồn nào chăng ?

— Tôi không thể nói rõ với anh được. Anh chỉ biết nơi tôi gặp anh em binh sĩ nằm một nơi nào đó ở tỉnh Quảng Nam.

— Và chắc đồn ấy ở không xa biên giới Việt-Lào ?

— Dĩ nhiên. Đã gọi là tiền đồn thì phải án ngữ miền quân địch có vượt biên giới là đụng độ với mình liền.

— Anh đến tiền đồn X. đó với cả đoàn ?

— Không. Một mình tôi thôi. Các anh em khác ở lại đồn chính. Tôi cũng từng quen ôm súng nên mượn binh phục của anh em, mượn cả khí giới, rồi cùng đi với anh em chiến sĩ. Để có gặp địch, thì cũng góp phần chiến đấu.

— Từ đồn chính đến tiền đồn xa lắm không ?

— Theo đường chim bay, thì 15 cây số, nhưng người đi, thì lâu lắc và vất vả lắm.

— Anh ở tiền đồn được mấy ngày ?

— Ba ngày ba đêm.

— Đêm đầu có gì đáng nói không ?

— Tôi nhớ mãi điều này. Tối lại, chỉ vài anh ở trong đồn, còn tất cả ra ngoài rừng ngủ chung quanh đồn.

Địch lên đến phía nào cũng có người đón. Tôi vừa nằm cạnh một anh, thì nghe rào rào quanh mình, hỏi, bạn đáp: « vắt », rồi rơi đèn pin. Tôi thấy cả lũ vắt búng tới, vươn mình về phía tôi một loạt. Anh biết loại này chứ ?

— Có. Tôi hồi kháng chiến, có sống ở rừng một dạo, nên không lạ gì loài hút máu đáng ghét ấy.

— Tôi thì lần đầu trông thấy chúng. Trông « đạo binh » bất ngờ này của rừng xanh, có cái gì vừa buồn cười vừa đáng ngại.

— Thế anh ném mùi vắt đeo rồi chứ ?

— Không, anh à. Anh em đã thừa kinh nghiệm, rắc thuốc chung quanh chỗ nằm, nên chúng chẳng « xâm lăng » thân thể tôi được.

— Vậy thì có gì mà anh cho là đáng nhớ mãi ?

— Đó là lời anh bạn « trấn thủ » tiền đồn này: « Ông mới đến, da thịt dân Saigon « ngon lành » quá, bọn chúng đánh hơi liền, nên chạy lại để « làm một mách ». Dịp may hiếm có, bỏ qua rất uổng mà ! Còn thịt chúng tôi, hết có mùi cá mồi rồi. Đừng nói chi chúng, chính tôi nằm gần ông, cũng « ngửi » thấy ông có mùi khác bọn chúng tôi ! ».

— Hả là mùi bơ sữa chánh hiệu con Nai !

— Nhưng còn cuộc sống của anh em ở đó ra sao ?

— Tự nhiên là kham khổ. Thiếu thốn thì không, nhưng đồ ăn được máy bay tiếp tế, chất tươi có phần kém. Bị bệnh nặng, thì máy trực thăng đến chở về đồn chính. Nửa năm không thấy bóng đàn bà. Gạo phải treo lên cao, sợ chuột ăn ; rau trồng phải canh chừng thú rừng phá. Tôi từng thấy có anh tối đến, cột bốn góc miếng ni lông, để giữa trời để hứng lấy sương. Có lần tôi theo anh em lấy nước, lấy trong mũ sắt, từ khe lên đất bằng tôi đi nhanh nhất cũng mất mười lăm phút, và vừa ngồi phịch xuống, là hơi thở muốn đứt.

— Thế anh em ở đó có gì giải trí ?

— Tối lại, vặn radiô tí hon để nghe từ Thủ-đô vọng lên cuộc sống đa dạng qua giọng hát tiếng đàn, qua bản tin tức, qua lời nghị luận, qua kịch, qua thơ...

— Anh có nói chuyện chung với các anh em chứ ?

— Có, hai lần. Một lần về vấn đề sinh lý, một lần về vấn đề bảo an.

— Anh cũng đã tâm sự ít nhiều với anh em đó chứ ?

— Tại sao không ? Ở chốn đèo heo hút gió, một người ở đồng bằng lên đã là một người bạn rồi, huống chi người khách vài hôm lại là người cầm viết, sẵn sàng đón nhận... Tôi không sao quên được giọng của một anh đại đội trưởng : chưa muốn có con, lo quá, anh ở đồn khá lâu mới xin về thăm, đưa con thứ hai ra đời, ngại quá, anh ở đồn lâu hơn nữa, về thăm, đưa con thứ ba ra đời, sợ quá, anh ở đồn càng lâu hơn nữa, về thăm đưa con thứ tư ra đời ! Làm anh đâm lì, và theo « triết lý chịu đựng » với một nụ cười.

— À, quên hỏi anh có mang quà Tết gì đến anh em ?

— Một số tiền, một số đồ dùng cần thiết trong cuộc sống hằng ngày, và những bức thư của những cô con gái chưa hề quen biết

— A, tôi biết rồi. Thư thăm và chúc Tết của các nữ sinh. Nhưng anh em sốt sắng đón nhận thư quà nào nhất ?

— Khó mà biết. Thấy đồng bào hậu phương vẫn tưởng nhớ đến mình, thì anh em rất là cảm động và đón nhận các món quà trao với tất cả tấm lòng.

— Đi một chuyến thế, anh có ý nghĩ gì ?

— Tôi nhớ đến những bạn thân thiếu đề tài, tôi nhớ đến những bạn tiêu pha những buổi chiều đẹp trước ly rượu ở nhà hàng Pagode. Các bạn mà lên sống chừng một tháng ở các tiền đồn thì về, viết cả một năm, e cũng chưa hết.

— Còn phần anh ? Trong ba ngày đêm ấy, anh có được gì chăng ?

— Tôi đang nghĩ nhiều về « Tâm sự một tiểu đội trưởng ở tiền đồn ». Như thế, tôi cũng đã được chút gì chứ, phải không anh ?

SƠN NAM

Ngày hội Ba - Khía

HỒI tháng trước, Năm Hình thua cờ bạc sạch túi. Về nhà, anh năn nỉ vợ :

— Mình đập con heo đất ra, lấy hai chục đồng bạc bỏ ống đó cho tôi đi làm vốn.

Vợ anh căn nhắc :

— Đem đi đâu ? Làm vốn ở miệt nào lận ? Bộ ở đây làm ăn không được sao ?

Năm Hình trả lời :

— Đi qua Rạch Giá, xuống miệt biển Xẻo Lát, Xẻo Lúa gì đó. Tôi làm bài toán cho mình nghe. Nè ! Tôi mua vài thiên bánh trắng, vài yến đường, đậu phộng. Dân ở biển thèm đồ ngọt. Tôi bán kẹo, bán chịu. Họ cứ ăn, khi nào đánh lưới được cá gộc thì xẻ khô cân trả nợ. Khô đó, chở về đây mà bán thì thiệt là nhứt bòn vụn lợi.

Vì nề uy quyền của chồng, người vợ đành trao mười tám đồng bạc. Năm Hình xuống xuống, cụ bị theo là nóp, nồi cháo, gạo. Qua chợ Long Xuyên, anh mua bánh trắng, đường, đậu phộng. Anh bơi xuống, lằm buổi quên ăn cơm. Ban đêm, anh không muốn ngừng tay. Tiết Trung Thu ở miền đồng quê Rạch Giá nào kém phần thú vị. Lung sen, bãi sậy, bờ dừa nước hớn hở, xao động lên, chào đón gió biển trắng rừng. Riêng có con tim lữ thứ của Năm Hình là ít nhiều khô héo ! Thôi thì tạm thời buộc chặt chiếc

xuông ba lá nọ vào bến của quán chạp-phô, bên dòng rạch ngoằn ngoèo. Rạch Xẻo Lá là đây rồi. Bao người dân chài lưới đang cau mày, soi nét mặt ngăm ngăm của họ vào ly rượu « công xi » để tìm hình dáng chị Hằng. Mây đen trôi qua từng chạp, lững lờ. Có kẻ hờ hững nhìn trời, thu nhặt những sợi tơ trắng u ám ấy, uốn nắn lại trên phím tre cho hợp với lời than Vọng Cồ...



LÒ kẹo của Năm Hình bắt đầu hoạt động. Mưa tầm tã, không ngớt. Nước ngọt chảy cuộn cuộn, lấn ra biển. Dân Xẻo Lá ngồi cú rữ trong nhà. Biển động, cá tôm đâu mà đánh ? Họ nhìn đồng lưới cao ngùn ngụt, chắt trên bộ ván giữa nhà ; mùi tanh tanh của mớ lưới trộn lẫn vào hơi ẩm ướt, mốc meo của giường chiếu.

Thỉnh thoảng vài người khoác áo tơi chạy nhanh ra, dầm mưa, cầm đầu ngay hướng nhà ông già Hy, nơi anh năm Hình đang thẳng đường, làm kẹo đậu phộng. Vì có lớp bánh trắng bên dưới nên dầu đường thẳng hơi lỏng cũng không sao.

Những ngày ra mắt thân chủ, Năm Hình rắc thật nhiều đậu phộng lên :

— Bà con ăn thử. Ngon lắm. Ở Long Xuyên, dòng họ tôi sống bằng nghề này, cha truyền con nối từ mấy đời rồi.

Có người nói :

— Hèn chi ngon thiệt.

Đắc ý, năm Hình nói tiếp :

— Chưa ngon đâu ! Ở miệt tôi, không ai xài đậu phộng, phải rắc hột điều mới đúng điệu.

— Hột điều ra sao ?

— Đó là hột của cây điều, tức là cây đào lộn hột. Hột đó dính dưới đít trái đào, hình dáng như trái cật của con heo... Theo phong tục người mình, cây đào lộn hột rù quên ma quỷ...

Có người cười lớn :

— Chắc là ma... thứ ma ăn thiếu chịu.

Năm Hình bình thản :

— Bà con cứ vững lòng ăn. Mai chiều đánh lưới trúng cân khô lại cũng được. Anh em quen biết với ông bác chủ nhà thì cũng như quen với tôi.

Ông già Hy mỉm cười. Thân chủ nói thêm :

— Vậy thì dễ quá. Anh đưa vài miếng kẹo nữa để tôi đem về cho sắp nhỏ ở nhà nó ăn.

Ngày lại ngày, lò kẹo của Năm Hình « nổi » lên nhanh chóng, đến mức anh phải thức đêm mà thắng kẹo. Nguyên liệu ngày một hao hụt, anh nhờ Chệt Kỵ đi chợ « bồ » hàng về dùm. Ông già Hy, chủ nhà, thỉnh thoảng nhắc nhở anh :

— Ngủ sớm một bữa đi chú Năm. Làm quá cũng vậy. Cỡ này coi mòi trời động lâu lắm. Mình cần dưỡng sức, ăn thua về lâu về dài.

Năm Hình nói :

— Bác mệt thì ngủ trước.

Ông già Hy suy nghĩ, gật đầu :

— Mình nên siêng năng làm việc gì cho đáng hơn. Nghề của chú lụm cùm như mấy ông già. Già như tôi... tôi cũng không làm như chú... Thà là dầm mưa ra mé biển đắp bờ, làm ruộng...

Rồi ông già Hy nằm xuống ngủ khò. Muối bu lại như trấu. Chập sau ông gãi chân, gãi tay, cằn nhằn vài tiếng rồi chun vô nóp... Tứ bề, lạnh lẽo quá. Sóng biển gào thét triền miên. Mái nhà đung đưa. Gió lộng vào như giúp sức thổi bếp lửa. Năm Hình hút thuốc, quơ qua quơ lại chiếc đĩa bếp rang đậu cho đều. Vài người kêu cửa, mua thêm ít miếng kẹo. Quần áo của họ ướt mem. Anh nghĩ thầm :

— Dân chúng ở đây không biết lo xa, ít chịu khó. May mà mình tới đây thu tóm mỗi lợi này. Thứ kẹo đậu phộng ai mà không làm được. Tại sao họ không làm ? Hèn chi họ nghèo... !

BỐN mươi mấy ngày trôi qua là bốn mươi mấy ngày mưa gió ; khách đến mua kẹo rất nhiều nhưng hoàn toàn chưa ai trả tiền.

Năm Hình đem cuốn sổ nhỏ ra, cầm cây viết chì đồ lại tên mấy người thiếu nợ : Tư Ất ba cắt, « Hai Nhà Mới » bốn cắt bảy, ông Từ, tám cắt, Năm Chòi Mòi một đồng..... Tổng cộng đâu chừng năm chục người, nghĩa là hầu hết xóm Xẻo Lá này. Trăm đồng bạc nợ trị giá gần một tạ khô cá gộc, đem về Long Xuyên bán rẻ mặt cũng được hai trăm. Từ mười tám đồng bạc vốn mà gây dựng một số lời gấp trên mười lần, Năm Hình nghĩ mình đã lập được thành tích hiếm có ! Nhưng bao giờ mới thu được ? Nhìn lưới mua thừa đang bủa rây khắp bầu trời, anh hút thuốc, thở dài.

Ông già Hy bơi xuồng đi thăm ruộng về, tất tả chạy lên nhà :

— Nguy quá chú Năm ơi ! Nước tràn bờ ven rồi ! Năm nay, đói, đói...

Hốt hoảng, Năm Hình bước ra :

— Nước ngoài biển tràn vô hớ bác ?

— Nước trong ruộng tràn ra ! Mưa gì mưa quá đói. Mình tính làm ruộng chắc ăn hơn làm lưới. Dè đâu, trời báo hại, lưới cũng hết mà ruộng cũng chết.

Năm Hình rầu rầu nét mặt nhớ tới món nợ kẹo đậu phộng, không biết rồi đây chòm xóm quăng neo số tiền ấy, đợi đến bao giờ mới trả ? Anh hỏi :

— Bao lâu nữa trời mới êm, đánh lưới được ?

— Chú Năm giỡn sao chứ ! Mai chiều tới mùa giông Nam, tháng mười rồi... Chú chịu khó ở tới tháng mười một, chờ gần Tết hãy về xứ một thể.

Bao nhiêu hình ảnh đau buồn hiện ra trước mặt Năm Hình. Anh tưởng nhớ người vợ hiền ở tận Long Xuyên mà hơn tháng rồi anh không nhắn nhe thư từ gì được. Anh thở dài :

— Làm sao bây giờ. Hồi đó bác nói : Phải thời thì vài ngày họ trả hết. Cứ bán chịu...

Ông già Hy đáp :

— Nhưng chưa gặp thời... Ai muốn dùng dăng làm gì ! Đất địa này, không bán chịu, ai mà mua. Chệt Ky bán chạp-phô dăng kia dám cho thân chủ thiếu chịu hai ba năm mà không than phiền... Như vậy mới được.

Năm Hình hơi bức tức :

— Chệt Ky nhà cửa ở đây. Phận tôi ở xứ xa mới tới lần đầu... Mẹ thì già, vợ thì yếu, con thì dại. Điều này, mai mốt tôi đành bơi xuống không mà về.

— Đừng giận chứ, chú Năm. Lúc nào dân xóm này cũng sẵn sàng trả nợ. Bây giờ, không có khô cá gộc, trả bằng thứ khác, chịu không ?

— Thứ gì, bác ?

— Ba khía chứ gì ? Ở Long Xuyên biết ăn món đó không ? Món ăn của bình dân, đem về bán lẻ dễ hơn là khô cá gộc. Chịu thì tối nay tội tôi kiếm cho chú vài lu ba khía, chở khẳm xuống ăn thua.

Tội tôi vui lòng cho chú mượn bốn cái lu để đựng... chừng nào đem trả cũng được. Chú coi, xứ này cần lu để chứa nước ngọt. Để dài như vậy là tới mức rồi...

Dịp may đề Năm Hình rút lui con rạch Xẻo Lá oan nghiệt này. Anh đồng ý. Vừa chạng vạng tối, ông già Hy bơi xuống lại quán Chệt Ky mua chịu chừng hai chục cây đuốc bằng dầu chai. Ông đi xuống với Năm Hình dài ra phía vàm biển kêu réo :

— Ai bắt ba khía thì đi. Bắt ba khía trừ nợ kẹo nè ! Có đèn chai sẵn rồi.

Chạp sau, hăng chục xuống bơi nhanh theo ông. Đêm ba mươi, trời tối như mực. Nước ruộng tràn qua ven, kêu ào ào không ngừng. Rừng cây mẫm đen ngòm trước mặt như bức trường thành. Muối bay vô ve. Gió biển thổi nhẹ. Ai nấy đốt đuốc lên, đỏ rực.

— Ba khóa ở đâu sao không thấy ? Năm Hình hỏi.

Ông già Hy kéo tay anh, chỉ ngay gốc cây mắm trước mặt. Kia, hàng trăm con ba khóa bao quanh gốc cây, lúc nhúc. Ông nói :

— Mấy gốc cây mắm kể bên đó, đằng kia nữa. . cũng vậy.

Năm Hình nhướn mắt nhìn kỹ : lũ ba khóa nọ hiền hậu làm sao, không quơ cào, ngang đầu lên để kẹp tay kẻ khác mà tự vệ. Hơn nữa, chúng phân chia từng cặp, con đi sau ráng chạy theo con trước.

Anh hỏi :

— Tụi nó đánh giặc với nhau, hở ông ?

Ông già Hy cười :

— Tụi nó hội. « Hội » nghĩa là hẹn hò nhau tới đây mà bắt cặp, tình tự. Cứ vài tháng một lần.

Vừa nói, ông già Hy quơ tay lia lịa, thấy vào cái giỏ tre lớn. Ham quá, anh Năm bắt chước, mó tay vào. Ông già Hy nói :

— Chụp lẹ tay nó ! Chậm thì nó kẹp. Làm như thiên hạ kia !

Năm Hình nhìn chung quanh. Ánh đuốc chớp chờn phản chiếu dưới bãi bùn đen, chói ngời. Tiếng « xạt xạt » trỗi lên như một bản nhạc lạ lùng. Hàng trăm, hàng ngàn con ba khóa bị ném vào giỏ theo nhịp tay vừa chụp vừa thấy, đều đều.

Ông già Hy vội reo to :

— Được rồi, anh em ơi ! Bắt nhiều quá mang tội.

Trên mười giỏ ba khóa gom lại trước sân. Chập sau, ba cái lu lớn chở tới, nghiêng đặt xuống xuống của Năm Hình. Họ đổ nước muối nửa chừng lu. Hàng ngàn con ba khóa sống nhẩn bị nhốt vào ; nắp đập kín lại.

Đêm ấy, ông già Hy thức suốt đêm làm bài toán đề Năm Hình so sánh. Với giá trung bình, bán sỉ, số ba khóa này xứng đáng gấp hai số tiền nợ kẹo đậu phộng. Mấy cái lu thì cho mượn, ông khuyên ráng chở về đây trả lại, đừng đi luôn mà mang tiếng oán.

Năm Hình gật đầu. Hôm sau, anh xuống xuống, đóng bờ, mượn cây chèo của ông già Hy. Giờ tạm biệt, anh vui vui trong lòng... Nhưng xóm Xẻo Lá trở nên buồn buồn. Ngày mưa tháng gió, họ đành rút vào nhà mà chờ cơm rồi ngủ.

Năm bữa sau, nửa đêm, ông già Hy bỗng giật mình. Có tiếng cửa. Rõ ràng giọng Năm Hình :

— Bác ơi !

— Gì vậy ? Ừa, sao trở lại. Bán dọc đường hết rồi hả ?

Năm Hình bước vào, sắc mặt buồn bã :

— Dạ, nó trở mùi... Tới Long Xuyên chắc là thúi hết. Cháu về đây tìm phương kế...

Ông già Hy lắc đầu, chấp sau mím cười :

— Bởi vì muối lạt quá. Không sao đâu. Sáng mai, bác lại tiệm Chệt Kỵ mua vài cân đường, thắng cho gần tới rồi trộn vô... Chú chở đi gấp, bán mắc bán rẻ trong vài ngày. Nghề gì làm ăn cũng khó...

— Nghề bán kẹo đậu phộng của cháu cũng vậy, Bác coi công trình từ mấy tháng nay.

Ông già Hy nói :

— Buồn mà chi. Nói thiệt, bác hồi đó xuống đây cũng bán kẹo đậu phộng như chú em. Rồi làm lưới, sang qua làm ruộng. Minh vui vì làm được chuyện khó hơn ! Bán kẹo, bắt ba khía dễ quá ai mà chẳng làm được. Nhưng ở đây không ai muốn làm, không phải tại họ làm biếng đâu. Bãi dài, biển rộng... thà rảnh chịu cực đánh lưới, đắp bờ làm ruộng. Nhờ vậy, Xóm rạch Xẻo Lá này lần hồi mới có. Chú thấy không... Mai chiều có vui thì chú trở lại, ở đây luôn cho ấm cúng. Biết chữ nghĩa biên chép ít nhiều như chú thì có thể làm tới chức trùm ở xóm này.

SƠN NAM

VƯƠNG ĐỨC LỆ

Còn anh

*VỚi thân gỗ mục còn anh
Rời thôi xóm chợ bữa quanh khung buồn*

*Thu vàng theo lá me vương
Guốc em vĩa phố còn buông giận hờn*

*Heo may lạnh giá trong hờn
Nghe xôn xao gió hư không thổi dài*

*Tay buông xuôi cả bờ vai
Buồn so ảm mốc hình hài anh đây !*

*Soi gương mình bỗng cau mày
Bao nhiêu rồi cũng chưa đầy càn khôn.*

V. Đ. L.

PHẦN THỨ BA

Phần thứ ba (tin tức và tài liệu) của Văn Hữu số 17 này, được hoàn thành bằng sự gom góp tin tức, tài liệu trong ngoài nước của các bạn : Hàm Anh — Hoàng Lan — Nguyễn Hoàng Việt — Hoàng Anh — Phong Vũ v.v...

Gió Đông... gió Tây...

TRONG NƯỚC

HỘI HỌA HUY CHƯƠNG VÀNG :

TRIỂN LÃM HỘI HỌA MÙA XUÂN 1962.— Năm nay là lần thứ tư, Văn Hóa Vụ đã tổ chức triển lãm hội họa mùa Xuân Nhâm Dần.

Có tất cả 205 họa sĩ đã gửi hơn 600 bức tranh đến dự, trong số có cả họa sĩ Mỹ, Pháp, Nhật, Trung Hoa.

Hội Đồng giám khảo do các họa sĩ có tranh gửi dự đã bầu các ông :

Văn Đen, Lê Văn Lắm, Nguyễn Siên, Thái Tuấn, Nguyễn Văn Phương và Ngô Viết Thụ.

Sau nhiều ngày làm việc cẩn thận, Ban giám khảo đã chọn được 123 tác phẩm để trưng bày, và tặng giải cho các họa sĩ dưới đây :

Họa phẩm
« NGỰA »

Lâm Triết

HUY CHƯƠNG BẠC :

Họa phẩm
« THẦN THOẠI »

Đinh Cường

Họa phẩm
« ĐỘC TẤU »

Nguyễn Lâm

HUY CHƯƠNG ĐỒNG :

Họa phẩm
« LÒNG MẸ »

Văn Nên

Họa phẩm
« ACROSS
THE RIVER »

J.B. Drachnik

Họa phẩm
« NHỮNG
NGÀY NẮNG ĐẸP »

Lưu Tấn Phước

Họa phẩm
« ĐỒ THẾ »

Lương Văn Tỷ

BẢNG TƯƠNG LỆ

Họa phẩm
« BẾN » *Nguyễn Bích*

Họa phẩm
« VŨ PHIẾU » *Lê Chánh*

Họa phẩm
« GIẤC NGŨ
THIÊN THẦN » *Đào Sĩ Chu*

Họa phẩm
« HOA » *Hàng Văn Đức*

Họa phẩm
« PHỐ NGHÈO » *Thương Huyền*

Họa phẩm
« TỈNH VẬT » *Nguyễn Thị Hồng Kầm*

Họa phẩm
« VÀO CUỘC » *Hồng Lam*

Họa phẩm
« THUYỀN VỀ » *Văn Lang*

Họa phẩm
« ĐẤT ĐỎ » *Văn Ngón*

Họa phẩm
« TỈNH VẬT » *Yamashita Saburo*

Họa phẩm
« HOA » *Soley*

Họa phẩm
« SỐ HAI » *Huy Tường*

Họa phẩm
« TỈNH VẬT » *Trần Long Trọng*

Cuộc triển lãm khai mạc từ hôm
14-4 kéo dài đến hôm 28-4-62.

Số tranh bán được 31 bức
(175.000\$) là một kết quả khá tốt
đẹp.

Ban tổ chức năm nay rất có thể
sẽ mở một cuộc triển lãm mệnh
danh là « Triển lãm hội họa mùa
Thu » dành riêng cho các họa phẩm
về phần nước, bột màu, chì than,
mực tàu.



— Trước cuộc triển lãm hội họa
mùa Xuân, có cuộc trưng bày
tranh của họa sĩ trẻ tuổi Chí Ngọ.

Tất cả có chừng 60 bức khổ lớn
với những đề tài phong cảnh, chân
dung, tĩnh vật.

Lần bày tranh này, so với hai
năm trước, người ta nhận thấy Chí
Ngọ đã tiến một cách rõ rệt về kỹ
thuật : bố cục vững vàng, màu sắc
tươi trẻ có một sự hòa hợp như
bản nhạc.

Đáng chê trách mấy bức khóa
thân. Người xem có cảm giác họa
sĩ vẽ theo tưởng tượng, không đúng
phương pháp giải phẫu học.

Chiều ngày 30-3-62 lại tiếp ngay
cuộc trưng bày hơn một trăm bức
tranh sơn dầu của Phạm Đại Bình.
Ngoài ra có thêm bốn bức khóa
thân vẽ bằng chì.



TRIỂN LÃM ÁNH MÀU. — Ngày
24-3 đã có cuộc triển lãm ảnh màu
của Franz Lazi, người Đức, tại

Trung tâm văn hóa Đức, với sự hợp tác của viện « Fur Auslands besienhungen ».

Có chừng 30 bức ảnh màu cỡ lớn. Franz Lazi là một nhiếp ảnh gia nổi tiếng của Tây Đức, từng đoạt nhiều giải quốc tế nhiếp ảnh.

★

NHIẾP ẢNH GIA VIỆT NAM ĐOẠT NHIỀU HUY CHƯƠNG QUỐC TẾ. — Triển lãm quốc tế nhiếp ảnh 1962 mở tại Nantes ở Pháp, quy tụ 41 quốc gia, trong số có Việt Nam. Một ngàn hai trăm bảy mươi bảy nhiếp ảnh gia đã gửi 4.277 tác phẩm tới dự.

Việt Nam đã đoạt nhiều giải quý giá.

Trong số một huy chương vàng, 3 bạc và 11 đồng thi Việt Nam đoạt được 1 huy chương bạc và 2 đồng.

HUY CHƯƠNG BẠC :

Phạm Văn Mùi với tác phẩm :

« *Dịu dàng* »

HUY CHƯƠNG ĐỒNG :

Hứa Văn Ban với tác phẩm :

« *Tắm mát và Nước lụt* »

Nguyễn Văn Lan với tác phẩm :

« *Vẻ đẹp Việt Nam* »

Nguyễn Cao Đàm lần này chỉ được một bằng tưởng lệ.

★

ĐI XEM PHÒNG

TRIỂN LÃM HỘI HỌA

XUÂN NHÂM DẦN

NHÌN chung toàn thể phòng tranh, người ta nhận thấy trong cuộc bày tranh năm nay có một số đông họa sĩ đã sáng tác những khuôn khổ lớn. Màu sắc nói chung không còn mang bộ mặt lòe loẹt của những cuộc triển lãm trước. Sự tiến bộ về phương diện kỹ thuật đã nói lên rõ ràng ở hầu hết các bức họa tạo thành những chất sơn quý giá, những sắc độ chín chắn. Người ta có thể cho rằng màu sắc kém tươi, nhưng thực ra sự tung bừng chói sáng của màu sắc đã được kinh nghiệm của họa sĩ gói ghém một cách tế nhị và kín đáo. Sự tươi sáng của một tác phẩm nghệ thuật về sơn dầu không thể ví với sự lòe loẹt phô trương của màu sắc ở một bức bích chương.

Về đường nét và hình thể trong toàn thể các họa phẩm nói chung, cũng đã vượt được một chặng đường dài của tiến bộ. Năm nay khách xem tranh nhận thấy phần lớn các bức họa đã có những nét vẽ phóng túng mạnh mẽ thay thế cho những đường nét yếu đuối,

rút rè, cần cù chăm chỉ. Hình thể cũng trở nên táo bạo, duyên dáng kinh nghiệm qua những tìm tòi mới, họa sĩ phần đông đã tránh được những hình thể sáo cũ, gò ép đến thành những công thức.

Với những trường phái khác biệt, với những xu hướng tự do, các họa sĩ đã tạo cho phòng tranh kỳ này một vẻ phong phú, linh động. Người ta nhận thấy sự tôn trọng tự do sáng tác ở đây đã đi đến mức tuyệt đối. Từ những trường phái hiện thực cho đến những khuynh hướng siêu thực, từ những nề nếp cổ điển cho đến những đường lối trừu tượng tất cả những xu hướng tự do ấy không khỏi làm cho người xem tranh có đôi phần bối ngỡ; nhưng dù sao nó cũng đã nói lên được sự tìm tòi khám phá; sự cố gắng của các họa sĩ để vượt ra khỏi khuôn mẫu lối thời hậu vượn đến những chân trời mới mẻ của nghệ thuật.

Bức họa đoạt giải huy chương vàng, có thể coi như là tiêu biểu cho cả phòng tranh năm nay. Tác giả đã trưng bày tất cả ba bức. Số 115 đề tài là « Ngựa » bức 116 là « Bến » và bức thứ ba là « Con mèo ».

Nhìn chung cả ba tác phẩm, người ta nhận thấy họa sĩ có nhiều

triển vọng trong đường lối trừu tượng. Có một điều đáng chú ý, đó là lối trừu tượng với tinh thần Á-Đông, nhờ ở đường nét phóng túng như trong các thể họa cổ của Trung-hoa miền Bắc, nhờ ở đối tượng đề tài, họa sĩ đã quan sát, thông cảm với thiên nhiên để tạo ra lối nhìn đặc biệt tinh thần Á-Đông: khám phá tìm hiểu thiên nhiên để hòa mình trong đó.

Về kỹ thuật tuy là xử dụng sơn dầu song ý thức thẩm mỹ của họa sĩ vay mượn nhiều của chất mực tàu giấy bản.

Chất sơn đạt được hơn cả, phải kể đến bức họa « Ngựa », con ngựa đen đứng vó trên một sườn đồi lùn quạnh, sẽ trở nên nặng nề nếu không được cân bằng do những màu trắng quý giá của một thứ vân cẩm thạch. Đó là một thứ màu trắng ứng hồng pha lẫn một màu vàng nhạt. Một màu trắng ấm của chất giấy bản, chứ không trắng lạnh như màu giấy tây hay một bức tường quét vôi.

Với những nét duyên dáng linh động họa sĩ đã gọi được trong tư tưởng tượng người xem tranh một bầu ngựa rộn rịp, ngược xuôi. Toàn thể bức họa vừa trang nhã nhờ ở cách dùng màu kín đáo vừa phóng túng, nhờ ở đường nét bay bướm

hòa hợp. Nó đưa lại cho người thưởng ngoạn một cảm giác êm dịu, nhẹ nhàng, lâng lâng thoát tục đồng thời nó còn gợi lại những nếp sống giản dị, cái không khí thuần thiết của cuộc sống lúc ban sơ, thời con người còn gần gũi với sự vật thiên nhiên.

Tuyệt vọng, Phổ, Người đàn bà là ba tác phẩm khác của họa sĩ ; những bức họa này đã bị thảm hóa cuộc đời một cách giả tạo, bởi thiếu kinh nghiệm của cuộc sống. Tuy nhiên với một số ưu điểm, người thưởng ngoạn đặt nhiều hy vọng vào họa sĩ ở những cuộc triển lãm sau.

Về những tấm huy chương đồng, bức tranh Lòng mẹ của họa sĩ Văn Nền là một trường hợp đặc biệt. Người ta nhận rõ sức tưởng tượng phong phú và sự say mê sáng tác đã tạo cho họa phẩm một thể họa khác thường. Tiết rằng về đường nét còn ngần ngại e dè. Nhưng đó chỉ là những thiếu sót nhỏ về kỹ thuật mà sự làm việc đều đặn sẽ bổ khuyết mau chóng. Họa sĩ có xu hướng về đường lối siêu thực và chắc chắn sẽ thành công ở con đường ấy.

Ở hàng bằng tượng lệ riêng bức họa « Phổ nghèo » vẽ theo lối thuốc nước của Thương Huyền là nổi bật

hơn cả. Lối vẽ này đòi hỏi một sự chín chắn và điều luyện của nét bút. Với những nét chấm phá mạnh mẽ, táo bạo, bức họa đã trở nên linh hoạt, sống động. Cái vẻ thơ mộng của một xóm nghèo đã được họa sĩ diễn đạt trung thành trên tác phẩm.

Ngoài những bức họa đã đoạt huy chương và bằng tượng lệ một số họa phẩm khác đáng được chú ý có nhiều hứa hẹn.

Trong số đó trước hết phải kể tới bức « Đồi bạn » vẽ bằng sơn dầu mang số 54. Họa sĩ Thái Lăng, đã noi theo đường lối biểu hiện có pha trộn chút ít màu sắc siêu thực.

Nhìn chung lại phòng triển lãm một lần cuối cùng, người thưởng ngoạn sẽ nhận thấy lối vẽ bằng sơn dầu đã chiếm được đa số. Tranh lụa, phấn màu và thuốc nước chỉ thấy loáng thoáng một số hơn chục bức. Bày chung với lối vẽ sơn dầu, những loại tranh lụa trở nên yếu ớt. Bởi vậy Văn Hóa Vụ có ý định sẽ mở thêm phòng triển lãm nữa. lấy tên là Phòng triển lãm mùa thu dành riêng cho lối vẽ nhẹ nhàng của tranh họa bột màu và phấn tiên.

Sau hết còn có một điều khiến cho mọi người để ý là các họa phẩm lớn đều thiên về các trường

phái mới. Những bức tranh gò đúng khuôn khổ cũ những lối vẽ tả chân như chụp hình sự vật không còn có chỗ đứng. Các họa sĩ càng ngày càng cố gắng tìm tòi khám phá mong tạo được những bút pháp riêng biệt độc đáo tân kỳ. Con đường đó là con đường đầy chông gai gian khổ, nhưng nó sẽ là con đường duy nhất người nghệ sĩ tự khai quang lấy hướng đi đến một chân trời mới lạ của nghệ thuật. Cùng với sự khuyến khích của những người thưởng ngoạn càng ngày càng đông đảo, nền hội họa Việt-nam trong hiện tại đã có thể góp phần vào kho tàng chung của Nghệ Thuật Thế giới. (T).

DIỄN THUYẾT

NHỮNG LỜI NÓI VIỆT NAM. —

Là đề tài diễn thuyết của nhà văn Lê Văn Siêu, nói tại trường Quốc gia Âm nhạc sáng chủ nhật 25-3.

Sau những lời nói đầu khá dài và ý nhị, diễn giả cho biết Công việc nghiên cứu về lối nói, thoáng trông thấy dễ, bởi vì còn gì dễ bằng người Việt nói tiếng Việt đề tìm hiểu lối nói Việt-nam nhưng có bắt tay vào rồi mới thấy là phức tạp. Bởi :

1. — Những lời nói ấy không cụ thể, nó bàng bạc, không biết đầu đuôi ra sao, không thể bắt giam lại được như những con vi trùng người ta kẹp trong khung kính.

2. — Những lối nói ấy biến thái theo giọng nói, và đồng thời theo những hàm số khác về cảnh, tình, cương vị người nói, và mục đích câu chuyện.

3. — Những lối nói ấy lại còn huyền ảo, hư hư, thực thực không biết thế nào mà lường.

4. — Những lối nói ấy không được ghi lại trong tự điển, hay trong sách vở nào cả. Nếu đem phương pháp phân tích khoa học Tây phương mà hạch rằng căn cứ vào tài liệu trên những tờ A, tờ B nào của tàng thư viện mà kết luận được về nội dung của lối nói ấy.

Trước khi kê khai các lối nói, diễn giả đi tìm những nguyên do chính trị, xã hội, cùng tập tục đặc biệt đã nảy nở ra những lối nói của dân tộc Việt-nam. Ông đưa ra rất nhiều tỉ dụ chứng minh rằng những lối nói của Việt-nam thật tế nhị, thật dí dỏm chua cay mai mỉa, và sau khi đưa ra những nguyên nhân về chính trị, xã hội, Ông còn nói thêm đến trình độ nhận thức.

Đoạn cuối cùng của bài diễn thuyết, Ông Lê Văn Siêu nói đến « khả năng của tiếng nói. »

Tiếng nói của ta là tiếng độc âm. Nó cho phép sự nói lái hai, có khi ba tiếng, và đặc biệt là cả một tiếng nữa.

Ngoài khả năng nói lái, vì có sự hiểu biết và sự thích hiểu biết cách bức, tiếng nói của ta còn cho phép sự nói buông lửng, mà thật là chết cây gãy cành. Muốn nói buông lửng phải thuộc điển tích, nhiều ca dao, nhiều truyện tiểu lâm, để chỉ nhắc một đoạn câu hay một tiếng khêu gợi, trong đó người nghe cũng nhận ra được.

Còn có một lối nói nữa bằng tượng hình, và những thành ngữ bốn, năm tiếng đảo đi đảo lại, rồi đến cái lối nói đề từ chối đề tỏ một ý không chấp thuận, không thích, đó là cách thêm một tiếng đệm vào tiếng của người ta nói.

Khi đưa ra một lời nói nào, diễn giả đều dẫn chứng bằng nhiều tỉ dụ khiến cho thính giả nghe mà phải vui cười, nên tuy câu chuyện kéo dài đến một giờ rưỡi, mà ai cũng đều lấy làm thích thú.



TÙY BÚT VÀ PHỤ NỮ. — Là đề tài buổi nói chuyện của Bà Thu Vân tại trường Quốc gia Âm nhạc hôm 4-3.

Theo diễn giả thì « Thể văn tùy bút xuất hiện ra hần hoi là một thể văn riêng biệt, có những đặc tính

khác hẳn lối thi ca hay văn tiểu thuyết... Khi viết tùy bút, tác giả đã dám thành thật với mình, đã dám chính mình là mình. Cũng vì lẽ ấy thể văn tùy bút rất gần với thi ca. Người nào làm thơ hay, thì tất viết tùy bút cũng sẽ hay. Tùy bút gần thi ca ở chỗ một nguồn tư dồi dào, một lối diễn tả trực tiếp, chớ không gián tiếp xuyên qua các nhân vật tiểu thuyết của mình. »

Bà nói tiếp :

Theo tôi, viết tùy bút là một lối cởi mở, một lối ký thác lên trên trang giấy những u uẩn của lòng mình. Vì thế tùy bút là thể trực tiếp nhất, chân thành nhất. Nguồn cảm tuôn có phong vị của nước thác suối nguyên chất, khi vừa vọt ra khỏi nguyên thủy.

Vì thế nó khác về khéo tỏ, khéo thể hiện lại cái không khí của tác giả lúc sáng tác. Một bài tùy bút hay, có thể chỉ trong vài câu đầu dặt ngay độc giả vào thế giới thơ mộng, quái đản hay hoài niệm của tác giả. Nhờ ở chỗ văn rộng rãi, không bị vần điệu gò bó, có đủ cho trí tự do tung hoành.

Sau khi dẫn chứng những đoạn văn của Nguyễn Tuân, Nhất Linh, những định nghĩa trong mấy tự điển, diễn giả lại tiếp tục luận về

hai chữ tùy bút... « Tùy bút là một thể văn gần gũi với thơ về nhiều phương diện, hình ảnh phổ nhạc, âm điệu. Có lẽ nên coi đây là loại thơ xuôi. Như tên nó đã nói lên một cách tinh xác, tùy bút có một lối văn cứ đặt bút viết luôn ra một thôi một hồi những gì trôi chảy ra dưới đầu ngòi bút tùy theo nguồn cảm xúc trong lòng tác giả lúc bấy giờ. Có bao nhiêu tác giả thì có bao nhiêu giọng tùy bút, mà giọng này có thể thay đổi tùy theo cảm hứng từng lúc.

Bà đề cập đến giới phụ nữ với lối văn tùy bút.

Giới phụ nữ hiện nay rất ít người biết tùy bút, đó là điều đáng phàn nàn. Vì thể văn này là một trường dụng vô thích hợp nhất cho cá tính người Việt-nam. Những đức tính dịu dàng, yêu thương, nhân nại, nhạy cảm đều dễ bộc lộ.

Giọng tùy bút của phụ nữ biểu lộ sự yêu thương, sự an nghỉ, sự thỏa mái, chứ không bắt suy nghĩ tham luận. Người đọc những trang tùy bút phụ nữ là những người muốn hưởng sự an nghỉ ấy.

Khi viết tùy bút, người phụ nữ đưa cặp mắt triu mến vào ngoại giới, cái nhìn yêu đương cảm thông, cái nhìn của người mẹ, người chị. Tình yêu thương ấy sẽ thấm nhuần lên trên mỗi giọng mỗi

chữ, mỗi trang giấy chan hòa sang qua người đọc.

Khi viết tùy bút, người phụ nữ thu nhận ngoại giới đem vào nội tâm, rồi móc trong nội tâm ra để trải lên trang giấy.

Kết luận, bà đọc một bài tùy bút do chính bà viết, nhan đề là « Đất Mẹ », để chứng minh tất cả những ý tưởng của bà về loại văn tùy bút.



— Ông Duncanson nhân viên phái bộ chuyên viên Anh đã nói tại Viện Quốc gia hành chánh về đề tài :

«Vai trò của các cơ sở thông tin.»

Sau khi nhắc qua lịch sử thông tin báo chí, diễn giả cho biết các cơ sở thông tin đã phát triển mạnh sau đệ nhị thế chiến. Cho đến năm 1940, các quốc gia tự do không thấy cần phải tuyên truyền, cho nên không trao cho báo chí vai trò quan trọng và tể nhị đó.

Song trước thời thế chiến, đã có những hiện tượng mới trong việc quốc phòng, người ta cần phải tuyên truyền. Tại Anh, báo chí đã yêu cầu chính phủ thành lập một cơ quan chính thức để phổ biến hàng ngày tất cả những tin tức chiến sự, chi tiết của mỗi trận đánh, mỗi biến cố xảy ra.

Do đó, chính phủ Anh đã thành lập Bộ Thông tin. Sau chiến tranh Bộ này giải tán. Song tất cả Bộ khác trong chính phủ đều cần cho công chúng biết những thành tích của mình, nên đã cho tổ chức những cơ sở thông tin. Từ đó công cuộc đảm nhiệm vai trò quảng cáo cho các Bộ một cách đặc lực. Tại Mã-lai, các cơ sở thông tin đã phát triển trong thời gian tình trạng khẩn cấp. Năm 1948, sở Thông tin Mã-lai chỉ là một hăng thông tấn mà không có điện ảnh, không có đài phát thanh.

Năm đầu, sở Thông tin Mã-lai chỉ nhằm mục đích tuyên truyền, không đem lại kết quả. Qua 1951, sau khi cộng sản ám sát vị Thống Đốc, người ta mới cải tổ ngành Thông tin, xây dựng trên việc rút tĩa kinh nghiệm của dân chúng.

Người ta xử dụng Thông tin để phổ biến những hoạt động của các Bộ, và tất cả những tin tức về công cuộc chống cộng, với những lời lẽ đơn giản, dễ hiểu. Sự nhắc đi nhắc lại những tin tức đó trong các buổi đàm thoại có một tác dụng rất đáng kể. Đôi khi người ta dùng phim ngắn để diễn tả một đề tài thông tin. Kết quả là người ta đã tiêu diệt được cộng sản tại Mã-lai, người ta còn công bố những lỗi

lầm của các cán bộ trong chính phủ trước khi đề cho địch khai thác những tin đó. Phương pháp này đã gây được tín nhiệm trong dân chúng.

Năm 1957, khi Anh rút khỏi Mã-lai, và Mã-lai được độc lập, chính trị thay đổi, song nền hành chính vẫn tồn tại. Sở Thông tin đã đóng một vai trò quan hệ như một cơ quan tuyên truyền trong cuộc chiến đấu chống cộng ở Mã-lai.

Diễn giả kết luận : Các cơ sở thông tin, với tư cách là một cơ quan hành chính chứ không phải của một chính đảng, đã phục vụ đặc lực chính phủ Anh trong đệ nhị thế chiến, và chính phủ Mã-lai trong công cuộc diệt trừ cộng sản.



— Mục sư Paul Contento đã nói tại trung tâm thanh niên Tin Lành số 2 Phan Văn Trị về « Sự nguy hiểm của tính lưỡng lự ».

Sau cuộc diễn thuyết, đã có cuộc thảo luận giữa các thánh giả thanh niên để trau dồi thêm Anh ngữ.



— Bà Poirson, giáo sư đại học văn khoa đã nói chuyện tại phòng Lamartine đường Nguyễn Bình Khiêm về đề tài :

« La peinture moderne est-elle l'image de la civilisation ? »

— Tại thánh đường hội Việt-Mỹ, ông Marcel Deblerck đại diện U.N.E.S.C.O. đã nói chuyện về :

« Phương pháp giáo dục cộng đồng. »

Sau cuộc nói chuyện, diễn giả có trình một cuốn phim về các thí điểm giáo dục cộng đồng ở Việt-nam một trong những thí điểm quan trọng nhất là trung tâm giáo dục căn bản Khánh Hội.



— « Con người trong công cuộc tìm hiểu dĩ vãng. »

Đó là đầu đề câu chuyện của ông Nguyễn Quang Trinh đã nói tại Hội thân hữu Việt Đức.

Diễn giả trình bày về khoa « khảo cổ qua thời gian và không gian » đưa thánh giả đi sâu vào những kỹ thuật chuyên môn, vạch rõ các phương pháp vật lý giúp nhà khảo cổ định được thời đại của các cổ vật tìm thấy trong các cuộc đào bới. Phương pháp thích dụng nhất là dùng nguyên tử Carbone 24.

Cho nên nhà khảo cổ bây giờ không còn là một người đào bới tìm dưới đất nữa, mà là một nhà

bác học mang máy đo phóng xạ Geiger trên vai để khám phá chất phóng xạ Carbone 24 trong các cổ vật. Nhờ phương pháp khoa học tối tân, các nhà khảo cổ đã trở thành một trình thám đại tài của không gian và thời gian.



HỘI NGHỊ CÁC NHÀ VĂN Á-PHI... — Trong một buổi họp ngày 16-4 một số văn nghệ sĩ đã cực lực lên án bản tham luận của Việt cộng gởi Hội nghị các nhà văn Á-Phi họp ở Le Caire, thủ đô Ai-cập.

Bản tham luận này do Trần Hữu Trang chủ tịch lâm thời « Hội Văn nghệ giải phóng miền Nam » viết ra. Tên Trang đã đơn cử tên của một số văn nghệ sĩ ở miền Nam, và lập luận vu cáo họ.

Vì thế, trong buổi họp nói trên, các văn nghệ sĩ như Năm Châu, Duy Tân, Đình Hùng, Hoàng Trọng Miên, Đỗ Xuân Tiển v.v... đã tuyên cáo trước công luận quốc tế và quốc nội :

I. — « Cực lực lên án bản tham luận của Việt cộng gởi hội nghị các Nhà Văn Á-Phi họp tại Le Caire, từ 12 đến 17-2-1962 đã xuyên tạc trắng trợn tình hình văn nghệ Việt Nam Cộng Hòa, nhằm mục đích vu khống, bôi nhọ tên tuổi chúng tôi,

những nhà văn nghệ sĩ chân chính không chấp nhận chủ nghĩa cộng sản và phản đối hẳn đường lối văn nghệ của tổ chức cộng sản mệnh danh là «Hội Văn Nghệ Giải Phóng Miền Nam Việt-nam».

2. — «Cực lực phản kháng hành động vô liêm sỉ của tên Việt cộng Trần hữu Trang tức Tư Trang đã lạm dụng tên tuổi chúng tôi trong bản tham luận của chúng gởi hội nghị các Nhà Văn Á-Phi.»

NHẠC

— Hồi 20 giờ 30 ngày 29-3, tại trường Quốc gia Âm nhạc, ông Denis Zeigmondy, một nhạc sĩ danh tiếng Vĩ cầm người Đức đã trình bày những tác phẩm của Bà Guenter Bialas, Luigi Dallapiccola, Hattald Genzmer, Wolfgang, Mozart và Hans W. Henze. Bà Anneliese Niessen Zoigmondy phụ họa dương cầm.



— Đoàn nhạc sĩ độc tấu «J.S. Bach» đã trình diễn một buổi âm nhạc thính phòng để lấy tiền giúp quỹ phát triển trường Quốc gia Âm nhạc.

Đoàn nhạc sĩ này gồm có 16 người, trong số có Ursula Buckel, Hans Martin Linda, Helmnt Wins-

chermann, Beinhold Barchet v.v... Mỗi năm, họ thường họp tại tòa lâu đài cổ kính Wiblingen gần con sông Danube để cùng soạn thảo một chương trình chọn lọc về các bản nhạc của Jean S. Bach.

Những nghệ sĩ này phần lớn là chuyên độc tấu trong các ban nhạc danh tiếng Tây Đức, và các giáo sư tại Hàn lâm viện Bá Linh.

Chính nhờ ở nhạc sĩ chuyên thổi ống tiêu Helmnt Winschermann mà ban nhạc thính phòng được thành lập. Ban nhạc này hiện đang viễn du qua các nước miền Cận đông và Viễn - đông trong khuôn khổ chương trình văn hóa của Viện Goethe, Munich.



— Tối 7-5, tại Việt-nam nhạc hội đã tổ chức một buổi hòa nhạc thính phòng để lấy tiền giúp các em mồ côi.

Chương trình gồm những tác phẩm của Reali, Vivaldi, Pergolesi, Cimarosa, Roscini.



ĐOÀN VĂN NGHỆ VIỆT NAM TẠI AI LAO. — Đoàn Văn Nghệ Việt-nam do nhạc sĩ Hoàng thi Thơ cầm đầu đã sang Vạn-tượng, thủ

đô Ai-lao, với 34 nam nữ nghệ sĩ trình diễn từ 11 đến 16-5-62.

Những vũ điệu, hòa tấu, đơn ca, song ca v.v... đượm màu sắc dân tộc trình diễn trước một số hết sức đông khán giả Lào và Việt đã được tất cả mọi người hoan nghênh nhiệt liệt.

Có thể nói đây là lần đầu, một đoàn ca vũ khá đông xuất ngoại đã gây được một tiếng vang, một thanh thế xứng đáng.

Sau khi trình diễn ở Ai-lao, đoàn Văn Nghệ Việt-nam sẽ sửa soạn sang Nhật-bản.

QUỐC TẾ

BÁN 35 HỌA PHẨM CỦA VĂN HẢO S. MAUGHAM. — Văn hào nước Anh Somerset Maugham năm nay 89 tuổi, đại triệu phú, vừa bán đấu giá 35 họa phẩm, trị giá 1.750.000 Anh kim, khoảng 10 triệu đồng quan mới. Số tiền này ông tặng cho Hội các nhà văn, các nhà soạn kịch và soạn nhạc. 35 tác phẩm này là của các danh họa Renoit, Gauguin, Picasso, Matisse, Mouet, Utrillo, Lautrec.

Khi Maugham qua Tahiti để tìm tài liệu viết một cuốn sách, ông được biết tại một nhà miền ngoại-ô có nhiều tác phẩm của Gauguin, khi đến nơi ông thấy có ba cánh cửa do Gauguin vẽ lên trên, mà trẻ con đã cạo đi mất hai cánh và cánh cửa thứ ba cũng sắp bị chúng bôi. Cánh cửa này Gauguin phác họa hình Eve tay cầm quả táo. Maugham hỏi mua, chủ nhân không bán, viện cớ sẽ không có cửa đóng.

Nhà văn bỏ ra 20 đồng mua cánh cửa mới thay vào. Bây giờ đem bán, nó trị giá 350.000 đồng quan mới. Ngoài ra cũng nên kể cả bức của Picasso vẽ từ 1905, nhan đề « La mort d'Arlequin » bán được 1.750.000 đồng quan mới.



400 TRIỆU MỘT BỨC HỌA REMBRANDT. — Hồi năm 1961, viện Bảo tàng Badewurtemberg ở Stuttgart Đức quốc mua một bức họa chân dung Rembrandt do chính ông ta vẽ với một giá khổng lồ là 3.650.000 đồng marks vào khoảng 400 triệu phật lạng.

Mới đây một nhà chuyên môn người Hung, tên Martin Porkag hiện ở Munich đã quả quyết rằng bức họa Rembrandt ấy là giả, sau khi đã tháo khung và kính để xem xét kỹ lưỡng hơn.

Phải nói rằng nhà chuyên môn người Hung này hơi có cái tật tìm ra của giả ở khắp nơi. Đó là địa hạt của ông ta khiến người ta đã mệnh danh cho ông là gieo « khủng bố » cho giới chơi họa phẩm.

Vụ mua tám tranh Rembrandt nói trên, cũng đã gây sóng gió ở nghị viện Đức. Các nghị sĩ cho là đắt quá không nên mua, sau cùng ông Bộ trưởng Storz phải trở tài hùng biện can thiệp vào mới đánh đổ được các người phản đối.

Về phía Porkag, ông chê rằng : sơn vẽ thô kệch, cái đầu vẽ không rộng rãi, không linh hoạt. Kẽ nào vẽ bức tranh ấy, chưa thể bước theo được Rembrandt. Ông chê trách ông giám đốc viện Bảo tàng sao không hỏi ý kiến nhà đại chuyên môn về Rembrandt là giám đốc viện Bảo tàng Bigks Museum.

Ông cho biết bức chân dung Rembrandt nguyên do của gia đình Desperig le Majorque, rồi sau do nhà buôn tranh Anh quốc Speel-nans mua được. Tuy nhiên nó cũng không có trong cuộc triển lãm ở Amsterdam 1958.

Ai cũng biết, chính Porkag đã khám phá ra sự giả mạo bức họa ký Rembrandt ở viện bảo tàng Budapest, bức ký Van Eyck của huân tước Roshermere hai bức Rem-

brandt giả nữa ở Munich, một bức Rembrandt mua năm 1950 với giá 250.000 tiền Đức ở Bohème.

Để giữ vững lập trường của ông về bức Rembrandt, ông viết một bức thư cho ông Bộ trưởng, trong có câu : « Thừa ông Bộ trưởng, tôi xin long trọng tuyên bố rằng, nếu những nhà chuyên môn về tranh Rembrandt đưa được chứng minh ra rằng tôi nói không đúng, thì tôi sẽ đi mở một cửa hàng bán hành... »



THI HỘI HỌA NHI ĐỒNG. — Nha Vô tuyến truyền thanh Ba-lan đã tổ chức một cuộc thi tranh vẽ dành cho nhi đồng thế giới.

Tất cả có mười vạn bức vẽ theo đề tài « Tổ Quốc tôi » của các trẻ em của bốn phương trời gửi tới.

Ban giám khảo sau khi đã lựa trong số 100.000 bức họa, lấy 3.000 để trưng bày ở thủ đô Varsovie. Người ta nhận thấy trẻ em Nhật-bản gửi nhiều tranh nhất và cũng nhận được nhiều giải thưởng nhất, song giải nhất lại về một em xứ Nigéria.

Nhân dịp này, một nhà xuất bản, đã cho phát hành một tập ảnh in lại những bức đẹp nhất trong cuộc trưng bày nói trên.

MÀU SẮC CỦA MỸ THUẬT THỂ GIỚI. — U.N.E.S.C.O. vừa mới in xong một cuốn in lại bằng màu những họa phẩm từ 1860 đến 1961. Tất cả những họa phẩm tiền tiến từ phái ấn tượng qua môn phái « non-figuratif » gần đây của các danh bút đều có trong tập sách này. Sự in lại tác phẩm hội họa này nhằm theo ba tiêu chuẩn : in thật đúng bản chính, tên tuổi tác giả, giá trị của tác phẩm.

Tất cả có 1.347 bức của 211 tác giả từ Manet đến Bondin, đến Mat-ta, Nicolas de Stail... Riêng 12 danh họa dưới đây đã chiếm hết 594 bức :

Vangogh (81), Picasso (76), Renoir (74), Cizanne (59), Klee (49), Brague (46), rồi đến Dufy, Monet, Degas, Gauguin, Kandinsky, Matisse.



KHI MỘT BỨC HỌA KÝ «COURBET», CHƯA HẸN PHẢI ĐÃ LÀ « CỦA COURBET ». — Trong một cuộc bán đấu giá ở Macon, ông Cansans mua một bức họa nhan đề « Mavine » dưới ký tên nhà danh họa Gustave Courbet, với giá 500.000 quan thêm vào 105.000 quan phí tồn nữa.

Sau đó ông Cansans đưa ra tòa kiện bà Villet, nguyên là chủ nhân bức họa, và cả hồ kế viên, vì theo ông thì tác phẩm đó là giả. Tòa án Macon xử bà Villet và hồ kế viên liên đới trả lại cho ông Cansans 607.500 quan, và 1.500.000 quan tiền bồi thường.



16 HỌA PHẨM : 350 TRIỆU QUAN. — Trong một gian phòng hẹp ở viện bảo tàng Galliera, có tới 2.000 người đến dự một cuộc bán đấu giá tranh vô cùng hào hứng. Tất cả có 16 bức, gia sản của bà Baroda với nhiều tên ký : Corot, Sisley v.v..., cuộc bán cứ mỗi phút tăng lên 10 triệu.

Bà Baroda sinh ở Bombay, nổi tiếng là tỷ phú, có những đồ nữ trang quý giá vào hạng nhất thế giới. Bà thích nuôi ngựa đua, và sưu tầm danh họa. Có một đứa con trai duy nhất mới 16 tuổi, lần bán đấu giá tranh này, bà muốn tặng cả cho con bà. Chỉ hy vọng 200 triệu, không ngờ, mười sáu bức tranh đã đem lại cho con bà những 350 triệu. Bức họa bán đắt nhất là của họa sĩ Corot, nhan đề « Vénus au bain » có người trả tới 69 triệu.

HOÀNG LAN

TÀI LIỆU

ĐỜI SỐNG NGOÀI ĐỊA CẦU ĐÃ THÀNH SỰ THẬT. — Đây là nguồn tin tức khoa học to tát nhất của những năm gần đây : vài vẩn thạch hoặc vẩn thiết (météorites) đã chứa đựng dấu vết sinh vật. Phải chờ đợi lối 100 năm để sự quan sát qua kính hiển vi có đủ thì giờ chứng minh rằng đời sống không phải là hiện tượng độc chiếm của Địa cầu. Chúng tôi mời độc giả xem qua lời giảng giải của Ông Charles Noël Martin về điều phát giác mới lạ này, một phát giác nặng mang mâu thuẫn triết lý.

H.G. Wells, con người đã để lại trong chúng ta một nhớ nhung khó phai mờ về sự phổ biến « Khoa học Tưởng Tượng » đã tưởng tượng ra một trận giặc âm thầm giữa Hỏa Tinh và Địa cầu trong truyện « Con đẻ của Tinh Tú », Ông đã cho rằng vũ trụ tuyến (rayonnement cosmique) là một cuộc tấn công đặc biệt nhắm vào con người, để biến đổi con người của Địa cầu thành một sinh vật của Hỏa Tinh.

Bỏ ngoài tai các cuộc tranh luận tưởng tượng ấy, ta phải nhìn nhận một điều : Địa cầu là mục đích của cuộc oanh tạc vật chất đã kéo dài từ hằng triệu năm ròng rã. Và, tương tự với các tia lửa phóng ra trong đêm tối hoặc các « cơ quan phóng pháo Staline » trong các phim thời sự, ta có thể quan sát mỗi đêm các viên lửa phóng ngay đến mục đích. Đây là các hỏa tinh phát ra lối 5.000 « nến » (bougies), gồm các chất lạ đốt lên lối 2000, 3000 độ.

Các hỏa tinh này là những viên đá đủ cỡ, rơi vào không khí với một vận tốc kinh khủng từ 1 đến 50, 60 km. Địa cầu, trong vận chuyển xung quanh mặt trời với vận tốc 30 km giây đã càn quét mỗi ngày 100.000 tỷ thước khối ; « khoảng không vô hạn » kia chứa đầy những bụi bậm gồm lưu tinh, lưu thạch bay lơ lửng khắp thái dương hệ. Địa cầu tất nhiên phải hứng lấy chúng, hoặc bị chúng chạm phải. Và dù chúng chỉ di chuyển với 1 vận tốc chậm chùng vài km giờ đi nữa thì va chạm trên độ cao 150 km cũng đủ mang chúng lên một nhiệt độ kinh khủng, nung chúng ra trắng, đỏ, biến chúng từ trạng thái hơi đến trạng thái khí. Các lưu tinh chỉ là những vẩn thiết cháy lên và biến thành hơi.

CẢ MỘT CUỘC “TUYẾT BĂNG” CỦA... BỤI

MỖI ngày hằng tỷ lưu tinh, vẩn thạch, đã rơi ra không gian các hỏa tiễn, vệ tinh đã hứng lấy rất nhiều va chạm mỗi giây và người ta ước lượng rằng toàn thể phải nhận lối 3000 tấn, tức lối 3 kg mỗi m² diện tích mỗi ngày. Quả nhiên trên các đỉnh núi cao, những lúc trời quang mây tạnh, dùng những máy lọc đặc biệt người ta hứng được một làn bụi rơi từ cao xuống đều đều dưới hình thức chất khuê thổ và kim khí. Đây là sản phẩm của sự biến thể thanh khí của các vẩn thiết. Sau 4 tỷ năm rơi rớt xuống một diện tích hoàn toàn yên lặng, bề dày của từng bụi sẽ lên đến 5 m.

Người ta cho rằng các vẩn thiết nhẹ hơn 5 kg đều bị biến thành hơi khi cách mặt đất 80 km. Mỗi ngày có lối 20.000.000 vẩn thiết nhìn thấy được với mắt trần rớt xuống, chúng chỉ to bằng một đầu kim gút và càng sáng khi chúng càng to.

NHỮNG TRẬN MƯA ĐÁ

NẶNG trên 5 kg các vẩn thạch không hề bị biến thể khi rơi vào không khí, vận tốc chúng bị giảm xuống. Một vẩn thạch khá to vượt khỏi sự biến thể thành bột nhưng mặt ngoài vẫn bị vài phần sức mẻ, nhân của nó tồn tại và sẽ rơi xuống mặt đất. Khi gần đến mặt đất, sự «thăng gấp» sẽ đem vận tốc chúng xuống còn lối vài km giây. Phần nhiều chúng bị ảnh hưởng của nhiệt độ bên trong và tan ra từng mảnh gây thành một trận mưa đá thật sự rơi xuống một vùng nào đó, trên một diện tích lối vài km². Hiện tượng này làm khoa học phải sợ hãi cho đến ngày 26 Avril 1803, ngày mà vật lý gia BIOT đã tìm ra nguyên có của 3.000 viên đá rơi xuống vùng Laigle ở Orne. Từ đấy chỉ còn sự lo ngại của quần chúng trước các hiện tượng lạ lùng ấy mà thôi.

Với nhịp điện quan sát hiện thời, Địa cầu nhận được trên tất cả diện tích (ba phần tư là biển cả, vậy phần này không kể vào) một vẩn thiết nặng 50 tấn, mỗi thời hạn 10.000 năm và mỗi thời kỳ 50.000 năm một vẩn thạch nặng trên 250 tấn...

Riêng trên đất Pháp 6 vắn thiết nặng chừng vài chục kilo rơi xuống mỗi năm, phần nhiều không ai biết ; 20 năm rơi xuống một vắn thiết 3 tấn tan ra từng mảnh nhỏ dưới 500 kg ; 8.000 năm rơi xuống một khối nặng lối 50 tấn chia thành từng khối nhỏ lối vài tấn và cuối cùng phải đợi lối 30.000.000 năm mới chứng kiến được một sự rơi to lớn khả dĩ gây một hỏa sơn khẳn (cratère) đẹp mắt.

Ta phải chú ý đến sự khác biệt khá lạ lùng giữa trận mưa liên tục và sự hiếm hoi của các vắn thiết to lớn. Dẫu sao người ta cũng đã phân loại 1.600 vắn thiết tìm được rải rác trên khắp địa cầu và người ta cũng đã chánh thức hóa bản phân loại này. Các vắn thiết này được trưng bày rải rác trong các bác vật viện trên thế giới, chúng có hóa hợp khác nhau, và đại khái chúng gồm : (theo thống kê biểu 1940) :

- 456 thuộc kim loại (sắt).
- 58 thuộc loại trung gian.
- 725 thuộc loại đá.

Nhưng nếu ta nhận ra dễ dàng các vắn thiết kim loại thì ta lại rất dễ lầm lẫn vắn thạch với đá thường và các bản Thống kê vì thế có thể bị sai lạc. Bằng cứ là nếu ta phân hạng các loại vắn thiết mà « ta đã thấy rơi », ta có :

- 5% vắn thiết có hàm chất sắt.
- 1,5% — sắt đá.
- 93,5% — gồm chất đá.

Tỷ lệ này chứng tỏ rằng có ít nhứt 4.000 vắn thiết gồm chất đá đã mất tích nếu ta dựa vào 456 vắn thiết có hàm chất sắt tìm được.

Trong số các vắn thiết loại đá, vài mẫu rất giống loại đá do huyền vũ nham cấu tạo của ta (basaltiques). Các vắn thiết có một hình thù rất kỳ lạ, gồm những mắt nhỏ là « chondrules ». Trong số « chondrites » (nhuyễn cốt viêm) này có một loại rất hiếm là loại « chondrites charbonneuses ». Có tất cả lối 20 « chondrites charbonneuses » nhưng một phần tư đã rơi trên đất Pháp ! Một ngẫu nhiên kỳ lạ ! Nhưng các nhà chuyên môn chưa tận dụng được sự ngẫu nhiên này.

Năm 1806, hòn « Chondrites » thứ nhứt đã rơi xuống Alès, năm 1835 ở Simonod, năm 1864 ở một làng nhỏ tên Orgueil, năm 1872 ở Lancé và 1885 ở Grazac.

Từ năm 1900 người ta đã ghi 9 « chondrites » khác : Félix (USA) năm 1900, Mokoira (Nouvelle Zélande) 1907, Jonk (Ấn-độ) 1911, Haripura (Ấn-độ) 1921, Staroie Boriskino (Nga) 1930, Ivuna (Tanganyika) 1931, Crescent (USA) 1936, Santa Cruz (USA) 1939 và Murray (USA) 1950.

20 hòn « chondrites » này nặng tất cả lối 30 kg, gồm một chất rất hiếm và vô giá đối với người nghiên cứu.

Phần than, giống như chất than bùn, đã làm các hóa học gia chú ý. Chính hòn vẫn thiết ở Alès đã chằm ngòi cho các cuộc thí nghiệm, vì thể hiện giờ nó gần như mất hẳn, chỉ còn lại vài grammes, sau khi đã bị khẻ nhỏ và phân phát đi khắp các phòng thí nghiệm.

Kết quả lúc ấy thế nào ? Ta chỉ giữ lại kết quả của Berzelius, từ 130 năm trước. Năm 1834 Ông ta đã phân chất vẫn thiết rơi ở Alès và nhận thấy có 17% nước. Công cuộc tìm tòi này được bỏ túc bởi các thí nghiệm và người ta thấy rằng tỷ lệ nước hiện diện trong các « chondrites charbonneuses » biến thiên từ 8 đến 20%. Điểm thứ 2 là chất carbon chiếm từ 2,5 đến gần 5%. Và chót hết, điểm thứ 3 là chất này có cách cấu tạo tương tự với các chất hữu cơ.

Ngày 14 Mai 1864, một làng nhỏ gần Montanban, tên Orgueil, nhận từ không trung rơi xuống lối 20 viên đá. Lúc ấy là 8 giờ tối, tất cả nước Pháp trông thấy một ngôi sao băng to hơn vùng trăng tròn đang xuyên qua vòm trời, và rơi xuống sau 1 tiếng nổ long trời. Các hòn đá văng ra thật nóng, đã làm cháy cây cỏ và phỏng một nông dân đã với tay nhặt lấy một trong các hòn này. Hòn to nhất, cỡ 1 cái đầu người, đã nằm ở bác vật viện Montanban, các mảnh khác được phân tán khắp đó đây. Các nhà sưu tầm cũng đã giữ lấy nhiều hòn và một trong các người này đã bán lại cho Pierpont-Morgan, một tỷ phú gia Mỹ, 1 hòn mà nhà tỷ phú này đã tặng cho bác học viện New-York, năm 1900.

MỘT THẾ KỶ SAU ORGUEIL

CÁC cuộc phân chất đã tiếp tục, ở Pháp bởi Cloez, Pisani và Berthelot, nhà bác học trứ danh. Ông sau này cho rằng có 1 phần rất quan trọng chất hữu cơ trong các « Chondrites » (1868). Nhưng ta phải nhớ rằng « hữu cơ » không có nghĩa là bài tiết các cơ quan.

Điều không thể chối cãi được là ta phải thận trọng nhưng quá thận trọng có khi làm khô héo công việc chẳng ? Phải đợi một thế kỷ rưỡi sau các bác học mới có một ý kiến thô sơ nhứt, một ý kiến mà tất cả các người tọc mạch đều phải có : đấy là « nhìn », họ đã đề mắt vào ống kính hiển vi để nhìn các mẫu « chondrites », việc làm của các sinh viên vừa bước chân lên Đại-học, việc làm mà Pasteur đã thực hiện khi Ông nghi rằng chính các cơ quan bé nhỏ đã gây ra bệnh.

Bác sĩ G. Clans ở Medical Center thuộc Đại-học đường New-York và giáo sư Bartholomen Nagy, vừa cho in ra các bức ảnh rất quan trọng.

MỘT CƠ QUAN HÌNH LỤC GIÁC
HẾT SỨC LẠ LÙNG

ĐÂY là lần đầu tiên ta chứng kiến một đời sống có tổ chức, một đời sống của tế bào ngoài địa cầu ! Đây là những tế bào hoàn toàn trưởng thành, ở giữa có một vùng đen xạm làm ta nghĩ đến nhân của các tế bào ở địa cầu, một phần sáng giống nguyên bào (protoplasme) và một vùng thật mỏng tương tự như màng của tế bào. Trong vài trường hợp hình như có những nhóm đang chia đôi. Nhưng lạ lùng nhứt là cơ quan hình lục giác gồm có 3 chân. Những quan sát tiên khởi cho ta thấy tất cả 5 loại khác nhau của nhóm tế bào này. Mỗi tế bào đo được lối từ 5 đến 30 microns, tức là nhỏ hơn các tế bào thực vật tương tự này nở trong nước ở địa cầu. Hình dáng chúng khác biệt phân nào các tế bào ở Địa-cầu. Các vấn thiết ở Orgueil và Ivanna chứa đựng các tế bào này nhưng chỉ vấn thiết ở Orgueil là có chứa vài tế bào hình lục giác có 3 chân.

SỰ BỀN VỮNG CỦA MỘT NIỀM TIN TƯỞNG

TA phải nghĩ sao về khám phá vừa rồi ? Sự hiện diện của các cơ quan bé nhỏ nằm trong vắn thiết sau hăng chục hoặc hằng triệu năm chắc chắn là một tin tức mới lạ nhứt của các thời đại.

Đúng, đời sống hiện diện mọi nơi trong vũ trụ vì nó vừa được tìm ra trên các hành tinh mà vắn thạch và vắn thiết chắc chắn là những dấu vết không thể chối cãi được. Ta cũng biết được rằng giữa Mars và Jupiter lơ lửng 2.000 hành tinh bé nhỏ, đường kính từ vài trăm cây số đến vài cây số và ít hơn nữa, nhưng vô hình. Sự hiện diện của vô số hành tinh này, và của các vắn thạch chạm mạnh vào mặt Trăng, là các chứng cứ của một biến động to lớn đã làm vỡ một hành tinh tên Phaéton, cách xa Địa-cầu một khoảng cách bằng 2,8 lần khoảng cách từ Địa-cầu đến Mặt Trời. Biến động này đã xảy ra từ hằng triệu năm trước. Bản Tính đá và kim loại của các vắn thiết càng biện hộ thêm cho giả thuyết này. Sự hiếm hoi của các « Chondrites charbonneuses » chứa đựng dấu vết của Than bùn cấu tạo bởi các cơ quan bé nhỏ đã này nọ trong một môi trường nước làm ta khó nghĩ thêm vì nhiệt độ ở vào một khoảng cách mặt Trời như thế sẽ không cho phép nước ở trạng thái lỏng.

Kết cuộc ta chưa biết gì chắc chắn cả. Điềm duy nhứt mà ta biết được là các tế bào hóa thạch này đến với ta từ ngoài tầng không gian và mang đến ta bởi các xúr thần của đời sống trong vũ trụ.

Điều này đưa ta đến 2 kết luận. Kết luận đầu tiên liên hệ đến tư tưởng khoa học. Các « chondrites charbonneuses » đã rơi xuống Địa-cầu từ 1 thế kỷ rưỡi nay và được phân chất giữa những tranh luận sôi nổi liên tục, một cuộc quan sát hiển vi đã dần xếp ổn thỏa mọi thắc mắc. Nếu ta tưởng tượng rằng đời sống ngoài Địa-cầu là một sự thật : Bao nhiêu biến cố sẽ xảy ra từ những khám niệm căn bản và các xáo trộn triết lý, sẽ không bỏ lỡ dịp để nổi bước.

Biến cố đầu tiên xảy ra thật sự vào năm 1961, sau khi giáo sư Bartholomen Nagy và hai bác sĩ Douglas J. Hennessy và Warren G. Meinschein đã tuyên bố kết quả cuộc phân chất 8g lấy từ hòn vắn thiết Orgueil cất giữ ở bác vật viện New-York. Các cuộc phân chất này rất tiến bộ về mặt kỹ thuật và đã đem đến tin tưởng rằng chỉ có các cơ quan sống mới có thể kết hợp những phần tử chứa 19 và 23 nguyên tử Carbon. Năm 1961, một nghiên cứu của các bác học Tân-tây-Lan, thực hiện ở hòn vắn thiết Mokora (1908) bổ túc thêm các chứng cứ. Kết quả đã gần kề, nhưng cần có những cuộc nghiên cứu kỹ thuật đặc biệt để kiểm chứng một cách « tận mắt ».

MỘT TIẾNG CÒI VANG LÊN TỪ VŨ TRỤ

KẾT luận thứ 2 đề cập đến quan niệm vị trí con người trong vũ trụ : chúng ta tự cho là trung tâm vũ trụ. Nhân loại bản vị thuyết đã che mắt ta từ lâu vấn đề này và chỉ trong 100 năm tiến bộ sau này ta mới hiểu được hình thể đại khái của vũ trụ mà thôi, quả đất của ta chỉ là một hành tinh vô nghĩa xoay tròn quanh một tinh tú trung bình giấu mình một nơi nào đó trong một vầng tinh vân khổng lồ. Chính vầng tinh vân này cũng chỉ là một đơn vị trung bình trong hàng triệu tinh vân khác... Nhưng hình thức của sự sống vẫn hiện diện mọi nơi. Ta có cảm tưởng rằng ta cô lập trong vũ trụ bao la, ta là những sinh vật duy nhất có trí thông minh sống giữa vô số tinh tú tạo ra để làm chóa mắt ta ! Vắn thiết rơi xuống Orgueil phải chăng là một tiếng còi vang lên từ vũ trụ vô bờ để đánh thức ta, báo cho ta biết là sự sống hiện diện ở khắp nơi quanh ta ? Đời sống đã có ở địa cầu và Hỏa tinh, và có thể ở các tinh tú trung gian giữa Hỏa tinh và các hành tinh khác nữa nhưng ta đừng nên mạo hiểm mà cho rằng Mặt Trời là một môi trường thích ứng cho đời sống ! Tất cả vũ trụ là vô số môi trường của sự sống đã, đang và sẽ nảy sinh ra và để

kết luận, ta không nên coi thường câu nói sau đây của một nhà thiên văn học người Anh, dĩ nhiên là gốc Úc-đại-Lợi, Ông cho rằng : chắc chắn trong vũ trụ, trên một hành tinh nào đó, có một đội bóng dài (rugby) khả dĩ hạ được đội bóng dài Úc-đại-Lợi.

Phỏng dịch theo
Charles Noël MARTIN
PHONG VŨ

ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI,
MỘT THI PHẨM
KHÔNG THỂ THIẾU
TRONG TỦ SÁCH
MỌI GIA ĐÌNH

DẠ HỘI MÙA XUÂN

Thơ của HUY-LỘC



- ★ *Tiếng thơ của thanh niên ngày nay trước cuộc đời tình yêu và sự nghiệp.*
- ★ *Gồm 30 thi-phẩm chọn lọc của nhà thơ quen biết với bạn đọc Bách-khoa, Văn-hữu.*
- ★ *Sách in trên giấy blanc fin đẹp, lồng nền « ngà mai » và « hoa bướm » bìa do họa-sĩ Nguyễn-Đình minh họa. Giá 50\$.*

Có một số bản quý mang triện son và chữ ký tác giả, dành cho các bạn yêu sách đẹp.

Xin liên lạc : 58, bis Phan-đình-Phùng — Saigon

Những sự đàn áp văn nghệ sĩ tại các nước cộng sản

MỘT VĂN SĨ NGA BỊ TÙ VÌ CHO IN TÁC PHẨM CỦA MÌNH Ở NƯỚC NGOÀI. — Vụ nhà văn Nga-sô Naritza bị bắt giam hồi năm ngoái, đã gây ra một tiếng vang ra khỏi bức màn sắt và một phản động lực trong văn giới thế giới cho đến tận nay.

Mới đây tạp chí « Grang » (Biên giới) có mở một cuộc họp báo ở Ba-lê để nêu vấn đề này ra trước dư luận.

Nguyên nhà văn Naritza có cho xuất bản một cuốn tiểu thuyết, mà ông gửi bản thảo sang cho tạp chí Grang ở Tây Đức, do một số người Nga tị nạn cộng sản chủ trương. Cuốn sách nhan đề « Le chant inachevé » (Bài ca chưa dứt) với tên ký bằng một bút hiệu Narymov. Trong khi ấy, thì ông có gửi cho Kroutchev một bức thư kèm theo một bản thảo khác, đồng thời lại gửi cho cả vị chủ tịch Xô Viết tối cao một đơn xin phép cho ông và gia đình cư ngụ tại Tây phương.

Sự thực thì văn sĩ Naritza chưa hề cho xuất bản tại Nga một tác phẩm nào của ông. Ông nguyên là giáo sư điêu khắc ở trường Cao Đẳng Mỹ thuật ở Leningrad, và đã từng bị bắt giữ hai lần dưới thời Staline, đã bị cầm tù, hoặc quản thúc trong 10 năm. Đến năm 1957, ông được trở lại cuộc sống bình thường, và cư ngụ tại Leningrad.

Cuốn « Le chant inachevé » không đề cập đến những đề tài thông thường như người ta vẫn thấy trong văn chương Nga-sô. Trong đó Naritza đã dám nói đến tấn bi kịch của một văn sĩ không thể nào cho ra đời tác phẩm của mình, chỉ vì các ủy ban văn chương cho rằng tác phẩm đó thiếu quan niệm lý thuyết. Naritza đã bênh vực đề án của mình trong tác phẩm cũng như trong bức thư gửi cho Kroutchev.

Ông viết cho Kroutchev : Tôi coi tư bản chủ nghĩa như một hệ thống phi luân lý và thối nát, nhưng cái mà ông gọi là « chủ nghĩa xã hội » thì thực tế cũng chỉ là một hình thức của tư bản chủ nghĩa. Tôi không tin đến đổi « các tay tổ của thế giới tư bản » đón đọc thích thú tác phẩm của tôi. Tuy nhiên, phải chăng ở những nơi đó tương đối còn có chút hoạt động tự do về trí thức.

Sau khi cuốn *Le chant inachevé* được in ra, và bức thư gửi đi cho Kroutchev, người ta không rõ số phận của Naritza ra sao, chẳng biết có phải bị mang xử kín không. Mãi người ta mới được biết ông bị kết án 10 năm tù cấm cố vì tội đã cho ra đời một tác phẩm văn chương mà Đảng cộng sản cấm, không những thế nhiều bà con bạn bè của nhà văn cũng bị bắt giam cầm.

Sự việc này đã làm xúc động sâu xa giới văn nghệ ở Leningrad. Người ta có thể hy vọng nhà cầm quyền Nga-sô sẽ trả tự do cho Naritza sau cuộc hội nghị thứ 22 của Đảng cộng sản để chứng tỏ có một luồng gió mới thổi trên đất Nga-sô.

Cuối cùng chúng ta cũng nên biết tạp chí *Grang* (Biên giới) là cơ quan của những người Nga tị nạn ở Tây Đức. Ngoài tác phẩm của Naritza, tạp chí *Grang* còn xuất bản nhiều tác phẩm của các văn sĩ Nga khác đề phổ biến trong các quốc gia Tây phương, và ngược lại. Một tập thơ về bác sĩ *Jivago*, và nhiều cuốn tiểu thuyết của Bernanos đã được tạp chí *Grang* xuất bản.

Trường hợp thi sĩ Evtonchenko

THI SĨ trẻ tuổi Evtonchenko rất được giới trí thức và thanh niên Nga hoan nghênh mới đây đã bị nhà cầm quyền cộng sản lên án gắt gao.

Họ biểu tình đề ủng hộ thi sĩ. Có thể coi đó là một biến cố đặc biệt, vì trong xã hội cộng sản, mọi cuộc biểu tình công khai đều do chính quyền hướng dẫn và kiểm soát.

Sự thật, Evtonchenko năm nay mới 28 tuổi, nguyên quán ở Tây Bá Lợi Á, từ năm năm nay đã nổi tiếng, nhất là về những bài

trong tạp chí « Tháng Mười » than phiền về mức sinh hoạt thấp kém, và tính cách ngu muội, thiên cận của giới thư lại địa phương.

Năm 1956, Kroutchev bắt đầu lên án Staline, thì Evtonchenko viết : « Quyền thế không phải là sự phản bội. Tôi không thể biện giải cho sự bất lực hay tha thứ cho những người đã giải thích lỗi lầm cho nước Nga bằng cách tuyên truyền om sòm và bỉ ổi ».

Người ta hiểu ngay thi sĩ muốn ám chỉ Kroutchev về bản tường trình chỉ trích sai lầm của Staline. Sau đó Evtonchenko còn đăng nhiều thơ trong tạp chí công kích chính thể hiện đại, đồng thời hy vọng một xã hội tương lai tốt đẹp.

Sau cuộc khởi nghĩa ở Budapest, Mốt-cu dùng áp lực đối với giới thanh niên trí thức. Chính lúc này, văn hào Pasternak đã bị theo dõi về cuốn « Docteur Jivago » bị cấm lưu hành ở Nga, trong khi ấy, thi sĩ Evtonchenko cũng bị đảng cộng sản công kích kịch liệt, và trục xuất ra khỏi đảng thanh niên Komosol. Ông bị lên án là tư tưởng yếm thế, không tin tưởng ở chế độ. Giữa lúc phong trào bài Do Thái ở Nga, thì ông đã hòa mình với 10 vạn dân Do Thái bị Đức quốc xã tàn sát để làm bài thơ « Yar » chỉ trích Kroutchev. Chính vì bài thơ này mà ông bị coi là vong bản, và đồng thời ông lại được giới thanh niên trí thức, tụ họp tại công trường Mankohski để hoan nghênh ông.

Gần đây giới thanh niên luôn luôn nhắc đến bài thơ chống thí nghiệm nguyên tử, và bài khác nói đến cuộc tàn sát dân Do Thái của Evtonchenko. Cuộc chống đối nhà cầm quyền cộng sản của thi sĩ Evtonchenko đã gây ảnh hưởng khá sâu trong giới trí thức và làm tỉnh ngộ rất nhiều giới thanh niên.

Nghệ sĩ kịch trường Trung cộng trốn sang Hồng-kông

MỘT đoàn nghệ sĩ gồm 52 người lợi dụng trong một cuộc lưu diễn, đã từ Quảng-đông dùng thuyền trốn sang Hồng-kông.

Cảnh binh đã bắt giữ họ lại vì nhập cảnh không giấy tờ hợp pháp. Họ khai rằng, họ ở trong đoàn sân khấu Hội Phong phải bỏ

vùng cộng sản trốn đi vì nạn đói. Họ nói, riêng về khẩu phần gạo không thôi, cũng không đủ no cho mỗi bữa.

Nhưng dầu sao thì 52 nghệ sĩ này, theo pháp luật thì thế nào cũng phải ra tòa án, rồi sau đó, họ rất có thể được hưởng quyền di trú.

Cả tòa soạn bị bắt giam, vì chống Mao Trạch Đông

TRUNG CỘNG vừa bắt cả tòa soạn báo « Nhân Dân », là cơ quan chính thức của đảng Lao Động. Chủ bút, trợ bút, phóng viên gồm 16 người đều bị bắt, vì gần đây đã thay đổi thái độ dám công kích chính phủ Mao Trạch Đông, gián tiếp tán thành chủ trương duyệt lại của Kroutchev, nói một cách bất lợi về các công xã nhân dân .

Các nhà chức trách Trung-cộng đã ba lần đến khám xét tòa soạn và tư gia các nhân viên trong tòa soạn.

Trong vụ này, dường như nhiều văn sĩ trí thức cũng bị bắt.

Triết học Khổng Tử văn chế ngự tư tưởng Mao Trạch Đông

TỜ « Washington Evening Star » trong bài nhan đề « Khổng Tử và con cọp » cho hay rằng ở Bắc Kinh đang mở cuộc thảo luận về tư tưởng của nhà đại triết học Trung-hoa. Trung cộng buộc phải tỏ lòng ngưỡng mộ đức Khổng Tử, vì họ nhận ngài là nhân vật trọng đại trong lịch sử, không dễ gì mà gạt bỏ đi được.

Bài báo viết :

« Trung-cộng lại một lần nữa nhắc nhở đến đức Khổng Tử. Cách đây 10 năm, họ đã kích, cấm các trường học không được giảng dạy hoặc đã động gì đến sách vở của Ngài. Hồi ấy, họ nói trắng ra rằng họ sợ những nhận xét « phản động » của đức Khổng sẽ tiềm ẩn cho các khối óc non dại, những lý tưởng độc lập, nhân vi, chủ trương tôn kính gia đình, vạch rõ những nguy hại tiềm tàng của một Nhà Nước chuyên chế.

Song ngày nay, cũng những người theo đúng đường lối Đảng ở Trung-cộng lại khởi xướng cuộc tranh luận lý thuyết, chứng tỏ rằng đức Khổng Tử qua đời cách đây 2.400 năm lại vẫn khôi phục được uy tín dưới chánh thể Mao Trạch Đông. Nói đúng ra, trước cả chúa Jésus giáng sinh, đức Khổng đã dạy câu châm ngôn « kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân ».

Hơn nữa, xét đại cương đạo lý của Ngài, lấy nhân ái làm gốc. nên không thể dung thứ hạng người lấy bạo lực làm phương châm hành động, và nhất là chế độ độc tài áp bức của cộng sản Mặc dù vậy, những lý do chỉ riêng cho họ biết, chính quyền Bắc Kinh thấy rằng tỏ vẻ tôn kính đức Khổng lúc này có lợi cho họ, nên đã cư xử như vậy. Xét đến cùng, thì từ bao nhiêu thế kỷ nay dân tộc Trung-hoa vẫn ngưỡng mộ đức Khổng Tử, và truyền tụng lại câu chuyện như sau :

Một hôm, đức Khổng và vài môn đồ gặp một người đàn bà đang khóc thảm thiết trước một nấm mồ mới đắp. Động lòng trắc ẩn, đức Khổng bảo một môn đệ đến hỏi người đàn bà tại sao lại khóc. Người đàn bà đáp : « Cách đây không lâu cha chồng bị cọp ăn thịt, rồi đến chồng tôi, và con tôi cũng chịu chung số phận ».

Môn đồ đức Khổng lại hỏi : « Thế sao bà vẫn cứ ở nơi nguy hiểm này không lánh đi nơi khác ? »

Người thiếu phụ thưa : « Tôi còn nấn ná ở lại đây, vì không có chánh quyền áp bức ».

Sau đó, đức Khổng nói với các môn đồ : « Một chính quyền áp bức còn dữ và đáng sợ hơn cả cọp vậy ».

Thực là chí lý, câu chuyện đó tuy 24 thế kỷ, mà vẫn còn hợp thời. Dầu họ có cư xử thế nào với đức Khổng, về lý thuyết, cũng như hành động, cộng sản Bắc Kinh cũng phải đối với Ngài kẻ như là kẻ đại thù. Đức Khổng không thể nào là bạn của họ được, song vì uy tín của Ngài trong lịch sử Trung-hoa quá lớn lao nên nhất đán họ không thể gạt bỏ hay phỉ báng Ngài được. Những lời giảng dạy của đức Khổng sẽ truyền lại mãi mãi về sau. Không gì mạnh hơn đạo Khổng để duy trì tinh thần độc lập trong óc nhân dân Trung-hoa hiện bị cộng sản xiềng xích

H. A.

NHÂN LOẠI VĂN MINH LO CHẾT KHÁT. NHƯNG MỘNG ƯỚC CỦA LOÀI NGƯỜI SẴP ĐƯỢC THỰC HIỆN: BIỂN NƯỚC BIỂN THÀNH NƯỚC NGỌT ĐỂ TIẾP TẾ CHO TOÀN THẾ GIỚI. — Ngày 21 tháng 6 năm 1961, trong văn phòng của Ông tại Bạch Cung, Tổng Thống Huê-kỳ J.F. Kennedy ấn một ngón tay vào bộ phận then chốt của một máy tự động. Cử chỉ đó đã phát động một nhà máy ở Freeport, cách Washington 2.000 km. Người ta tự hỏi, nhà máy đó sản xuất gì quan trọng đến nỗi Tổng Thống Huê-kỳ phải khánh thành với máy vô tuyến điều khiển ? Một cuộc cách mạng về nước ! Phải, mà nước đây là một thứ nước ngọt do chính nước biển của vịnh Mexique chế biến ra. Freeport, với dân số 11.619 người, từ đó đã trở nên thành phố đầu tiên của Huê-kỳ hoàn toàn tiếp tế bằng nước biển biến chế thành nước ngọt và cũng từ hôm đó, vô số máy lọc kỳ dị và khổng lồ cho chảy ra mỗi ngày 4 triệu lít nước ngọt ngon lành. Giá nước (1,5 NF tức 22\$50 mỗi 1.000 lít) gấp năm lần giá nước trung bình ở Huê-kỳ, không làm cho chính phủ ngán, mặc dù chính phủ phải trợ cấp một phần lớn việc đài thọ này.

Và trong lúc nhà máy lọc những giọt đầu tiên của thứ nước quý báu đó, Tổng Thống Kennedy đã công bố một thông điệp loan báo cho thế giới của thế kỷ thứ XX biết rằng chúng ta đã đi vào thời đại của nước : « Cái mộng ước lâu đời của loài người, biến nước biển thành nước ngọt để cung ứng cho mọi nhu cầu của thế nhân đã bắt đầu được thực hiện.

Đây là một trong những cuộc cách mạng kỹ thuật lớn lao của lịch sử loài người... Về nhiều phương diện, công cuộc khuếch trương này đã vượt quá mức tầm quan trọng của những công cuộc khuếch trương to lớn khác về kỹ thuật của thời đại chúng ta, hơn cả về nguyên tử lực và phi thuyền không gian ».

NƯỚC BẮT ĐẦU KHAN HIẾM

NGUỜI ta cần đến nước biển để giải quyết vấn đề khát, thì chắc là thế giới đang khát lắm. Thực ra, nước, chất mà người ta thường xem là nhiều vô tận như không khí, đã bắt đầu khan hiếm. Càng ngày nước càng làm tăng gia những mối di hận về chính trị giữa các quốc gia : Ai-cập chống Soudan vì sông Nil ; Do-thái chống Syrie vì sông Jourdain, cả Gia-nã-Đại cũng chống Hoa-kỳ vì sông Columbia River và Ngũ-đại-Hồ. Tất cả địa cầu bùng thức dậy vì nước : không phải chỉ ở những quốc gia khô hạn mà ở phần thế giới kỹ nghệ hóa. Việc quảng cáo ồn ào về uranium, cuộc chạy đua tranh giành mỏ dầu hỏa, tất cả những điều đó hiện nay đều bị lu mờ trước không khí rợn rợn của nhân loại đang bắt đầu đi tìm nước.

Ở HUÊ-KỲ. — Tiếng kêu báo nguy phát ra cách đây vài năm từ Mỹ Châu. Trong 5.070 tỷ thước khối nước mưa mỗi năm, sau khi bị bốc hơi và thấm xuống đất chỉ còn lại 1.700 tỷ thành sông chảy ra bề. Thực ra, thể tích nước dùng được không quá 450 tỷ mét khối. Đó là tài nguyên. Còn nhu cầu ? — Hiện nay, nhu cầu đã lên đến 410 tỷ mét khối. Trong 20 năm nữa, sự tiêu thụ sẽ lên đến 820 tỷ mét khối. Sự thiếu hụt như vậy thật là quá đáng. Và nếu những thế hệ tương lai của Mỹ-quốc khai thác triệt để những nước dự trữ ở dưới đất thì chắc chắn trong vòng 60 năm, nước sẽ khô rốc hết.

Trong những thành phố lớn ở Châu Mỹ, sự tiêu thụ đã lên đến 700 lít mỗi ngày cho mỗi người. Nếu tính thêm nước dùng để cho vào ruộng (45%) dùng trong các xưởng kỹ nghệ (47%) và trong các hệ thống nước của thành phố (8%), sự tiêu thụ trung bình cho mỗi công dân Mỹ sẽ là 4.700 lít mỗi ngày. Rồi kỹ nghệ sẽ phát triển, rồi dân số và mức sống mỗi ngày một tăng (máy điều hòa không khí, máy giặt rửa, mức tiêu thụ trong gia đình đã tăng gấp đôi trong vòng mấy năm nay). Mỗi lần kéo sợi xúc xích của thùng nước trong cầu tiêu, là trung bình 16 lít mất đi.

Sự khủng hoảng về nước đã bắt đầu. Có nhiều thị xã ở Huê-kỳ không đủ sức đề đập tắt một đám cháy lớn về mùa hè. Hàng ngàn thành phố đã thi hành sự phân phát nước theo « các » (carte de rationnement). Trong những thành phố khác, các vị thanh tra đã lập biên bản về việc tưới nước quá mức ở các bồn hoa. Đề phục vụ cho những trung tâm lớn và các vùng kỹ nghệ người ta phải lấy nước từ những chỗ càng ngày càng xa, mà đưa về. Người ta bàn đến việc thiết lập những ống dẫn nước từ Ngũ-đại-Hồ về Tiểu bang Texas, ở đây mực nước giếng và lưu lượng của các nguồn nước càng ngày càng thấp xuống. Tại nhiều chỗ người ta đã đến mức nguy ngập : nước giếng bơm lên là nước biển mặn đã xâm nhập vào phần dưới đất.

Ở NGA.—Người Nga cũng lo ngại; mức độ bốc hơi của bề Caspienne cao hơn lưu lượng của sông Volga. Chúng ta biết rằng phần lớn nước tiếp tế cho bề Caspienne là do sông Volga và sự đòi hỏi về dẫn thủy nhập điền do sông Volga càng ngày càng tăng.

Người Nga dự trữ sẽ buộc những sông Tây Bá Lợi Á chảy vào Volga. Thời gian hoàn thành có thể là hai ba mươi năm sau và nếu người ta không làm, xứ Astrakhan sẽ biến thành một đại sa mạc, xứ Ukraine sẽ có những luồng gió cát nóng thiêu đốt quất vào và sự tuần hoàn thiên nhiên của nước sẽ bị hủy hoại.

Ở PHÁP — Ba-lê : Nước chỉ đủ dùng cho 4 ngày. — Ở Pháp cũng có báo động về nước. Mỗi năm các sở nước công cộng phân phối 2 tỷ nước, còn 4 tỷ khác thì do các nguồn tiếp tế khác. Nước là « sản phẩm » được tiêu thụ nhiều nhất của xứ : xin so sánh hàng tỷ tấn nước với 6 triệu tấn lúa mì, 20 triệu tấn dầu hỏa tinh chế, 13 triệu tấn thép. Nước ở Pháp đã chiếm một con số thương mại 60 tỷ phật lạng cũ, không kể các thứ nước có khoáng chất.

Nước chiếm từ 1% đến 4% giá vốn của những chế tạo phẩm ở Pháp, Ba-lê đang bị nạn hạn hán đe dọa. Tất cả nước dự trữ chỉ uống được 4 ngày.

Ở Ba-lê mỗi người tiêu thụ 500 lít mỗi ngày. Như thế mức tiêu thụ của mỗi người ở Ba-lê bằng năm lần mức trung bình của các xã dưới 5.000 dân số. Hai mươi ba ngàn xã trên ba mươi tám ngàn xã ở Pháp không có nước chảy. Vì vậy có thể nói nước Pháp là nước « bần » nhất trong số những quốc gia văn minh. Trong số 100 nhà, 40 nhà không có nước chảy, 70 nhà không có nước nóng, 74 nhà không có cầu tiêu trong nhà, 90 nhà không có buồng tắm cũng không có « búp sen ».

Người ta đã tiên liệu về nhu cầu của Pháp như sau : 39 tỷ mét khối nước năm 1970 — 86 tỷ mét khối vào năm 2050. Thực ra, những khả năng về nước sông — mỗi năm trung bình là 170 tỷ mét khối. — Có thể cung ứng cho nhu cầu. Nhưng chung quy rồi cũng trở lại vấn đề : sự phân phối không đều về nước giữa các vùng, các mùa và sự chênh lệch địa phương giữa nhu cầu về nước và các nguồn nước.

NƯỚC TRONG CÁC XƯỞNG MÁY. — Nếu không tìm ra biện pháp giải quyết vấn đề nước nền văn minh về kỹ thuật sẽ không có lối thoát. Nước đã trở thành một nguyên liệu quan trọng nhất ở thế kỷ thứ XX. Muốn biết hoạt động kinh tế của một địa phương phát triển như thế nào, người ta chỉ cần đo nước dùng ở đó thì rõ. Những xưởng máy ngày nay dùng nước vô số kể. Phải 20 lít nước mới đủ để tinh chế 1 lít dầu hỏa ; 260 lít để sản xuất 1 kg thép ; 800 lít, 1 kg tơ nhân tạo ; 2.400 lít, 1 kg cao-su hóa hợp ; 2.000 lít, 1 kg giấy trắng tốt ; 1.000 lít, một thùng la-ve. Những xưởng máy phát nhiệt uống rất nhiều nước để cho nguội lại. Những trung tâm nguyên tử lại càng uống nước nhiều hơn. Hơn nữa, thế giới ngày nay rất khó tính ; không phải thứ nước nào người ta dùng cũng được. Nước có chất vôi không thể dùng trong việc ăn uống, giặt gĩa, thuộc da, biến chế rượu và nhuộm màu nhân tạo.

Ngược lại nhuộm màu bằng cây vang (Campêche) đòi hỏi nước phải có chất muối vôi (sels de chaux) ; kỹ nghệ làm la-ve cần nước lạnh với một ít sulfat vôi (sulfate de chaux). Ở Sahara,

người ta dùng nước đã khử kim loại để rửa ảnh ; những tài xế cam nhông thường phải trả 100F một lít nước tinh chế để đổ vào máy. Việc biến chế hóa học về nước đã trở thành hoạt động nhất của thời đại chúng ta.

Đành rằng nước đã dùng còn có thể dùng lại được : trong một nhà máy điện, nước sông dùng rồi có thể hoàn lại cho sông. Người ta có thể lọc một số nước dùng trong kỹ nghệ để dùng lại. Nhưng hình ảnh của sự ô uế (pollution) càng ngày càng ám ảnh những chuyên viên về nước. Sông biến thành những chỗ quy tụ nước cống. Những chỗ nước lắng đọng là những nơi phát sinh các bệnh ôn dịch. Nước sông Seine (Pháp) mang theo rất nhiều acide mạnh toàn là chất độc. Những xưởng sản xuất nhựa hóa hợp và những lò nấu than đá xả vào nước sông vô số chất phénol ; máy biến chế gỗ thì thải ra nước có chất alcalin ; lò nấu rượu bài tiết ra chất đường đang lên men sẽ biến thành acide, hydrogène, lưu huỳnh. Một vài nơi, nước bị nhiễm chất phóng xạ do các xưởng nguyên tử bài tiết.

PHƯƠNG PHÁP CỨU VẤN :

Làm mưa nhân tạo

Tìm mạch nước

TÌNH hình trở nên rất nghiêm trọng : nước đã dùng, không dùng lại được nữa, cần phải thay đổi nguồn nước và tạo điều kiện cho sự tuần hoàn thiên nhiên của nước được thể hiện mau chóng. Hơi nước đọng thành mây gặp lạnh rơi xuống thành mưa ; một phần chảy theo sông ra bể, một phần thấm xuống đất, tăng cường các mạch ở dưới đất, mạch đầy sẽ thoát ra theo suối và chảy ra bể. Phần nữa thì trở về với không khí hoặc do sự bốc hơi ở các mặt ao hồ, bể, hoặc do sự hô hấp của cây cối, của những cánh rừng bát ngát trên mặt đất. Đó là sự tuần hoàn của nước mà mặt trời là động cơ chính.

Làm chủ được sự tuần hoàn của nước, đó là mộng ước của các nhà thủy học (hydrologues). Vì vậy cần phải khám phá bí mật của thiên văn học, khám phá bí mật của mưa, tìm hiểu những

khối nước đá kết tinh li ti phát sinh bằng cách nào, hành động như thế nào để làm cho mây đông đặc lại.

Người Huê-kỳ dùng những tia nguyên tử để theo dõi những hiện tượng mưa. Người ta hân hoan vì đã làm được mưa nhân tạo. Nhưng những thí nghiệm không bảo đảm. Tào hóa không chịu nhường quyền cho loài người. Cũng còn vấn đề nữa để tìm hiểu: đó là sinh hoạt vĩ đại của nước dưới mặt đất. Đối với người Pháp đây là một điều bí ẩn chưa ai hiểu được. Điều bí ẩn chính là sự quan hệ của những khối nước dự trữ, sự di chuyển kỳ dị của những dòng nước uốn khúc ở dưới sâu theo những qui luật kỳ dị của trọng lực, của hóa học và của nhiệt độ. Người ta cố gắng theo dấu nước bằng cách làm dấu với những chất có năng lực phóng xạ như tritium chẳng hạn; chất tritium được dùng như một thứ quả lắc nguyên tử huyền diệu nhờ đó có thể biết thời đại của những hàm nước ở dưới đất mà mắt ta không thấy được.

Bởi vì trong nước mưa có chất tritium do các tia chớp tạo nên và do sự va chạm của vũ trụ tuyến. Người ta có thể biết là nước mưa phóng xạ chứa từ lâu trong những lớp nước tù hãm lâu đời như những lớp « hóa thạch » hay là lớp nước « sống » dự trữ, được luôn luôn thay đổi.

NHỮNG KỸ THUẬT BIẾN CHẾ NƯỚC BIỂN

Ở HUÊ-KỲ NGƯỜI TA THÍ NGHIỆM TẤT CẢ.— Trong những máy nấu khổng lồ ở Freeport người ta đun nước biển. Khi nước sôi người ta cho chạy vào một dây liên tiếp máy bốc hơi (Évaporateurs). Qua mỗi chỗ, hơi nước đọng lại thành nước ngọt. Còn sức nóng của hơi nước thì được dùng lại để đun sôi những máy nấu kế tiếp. Đó là lối áp dụng phương pháp cô điển nhất trong việc biến nước biển thành nước ngọt, phương pháp mà tất cả các hải quân thế giới thường dùng, cách đây một thế kỷ để tự cung ứng về các nhu cầu ở trên thuyền: sự tinh chế nước biển bằng sức nóng.

Nhưng ngày nay nhiều kỹ thuật chế biến đang chạm trán nhau. Trường hợp các trung tâm sản xuất nước ngọt cũng như những trung tâm sản xuất pin nguyên tử, người ta còn đang ở thời kỳ «loại dẫn»; phương pháp nào ít tốn kém nhất sẽ chiếm địa vị độc tôn trong cuộc chạy đua này. Người Huê-kỳ muốn thí nghiệm tất cả như họ đã thí nghiệm về nguyên tử năng: họ sẽ có một ngày gần đây, với giá 22 triệu mỹ kim, năm nhà máy tinh chế nước biển mẫu, mỗi thứ một kiểu khác nhau. Ở gần San Diego, sẽ áp dụng phương pháp tinh chế làm cho nước dưới áp lực thấp (nước đá) tan ra thành bột và muối rơi xuống, tương tự như người ta đã làm để rút nước ở sữa ra và biến sữa thành bột.

Ở Nam Dakota, người ta dựng lên một nhà máy tinh chế nước biển bằng phương pháp «điện phân» trong đó những «ly tử» (ion) kim loại của nước sẽ bị giữ lại ở những màn kim khí được chuyên điện.

Ở Tân Mexique người ta dựng một xưởng máy chuyên hơi nước ở áp lực cao.

Ở Bắc Caroline, người ta sẽ thí nghiệm một hình thái của sự «đông đặc», đây là kỹ thuật tân tiến nhất trong vấn đề biến chế nước của các đại dương.

Không riêng gì Mỹ quốc..... Ngày 3 tháng 4 cũng năm đó, ở tận sa mạc Néguev, trả lời cho sự đe dọa của Ả-Rập muốn giữ độc quyền nước sông Jourdain, xứ Do Thái đã cho thấy khí giới bí mật của họ chống lại sự khát. Những người đại diện của Nga và Huê-kỳ đã uống nước biển Hồng-Hải, tinh chế do phương pháp đông đặc của một người Nga di cư, Alexandre Zarchin và do một hãng người Mỹ được ủy quyền khai thác. Nguyên tắc không có gì mới lạ. Với nước đá biển, với hơi nước, người ta có thể làm ra nước ngọt: người Esquimeau nào cũng hiểu như vậy. Nhưng nhiệt độ cần thiết để nước biến thành hơi thay đổi tùy theo áp lực không khí: trong một khoảng chân không — thực hiện rất dễ dàng — người ta có thể làm sụt nhiệt độ sôi đến — 3° C, nghĩa là dưới nhiệt độ đông đặc — Như vậy khi giảm áp lực đến đúng mức người ta có thể làm cho nước đông đặc và thực hiện một phần sự bốc hơi.

Máy của Zarchin chạy theo lối liên tiến (travail continu). Nước mặn trước hết được làm cho lạnh rồi mới cho vào một máy đun với áp lực thấp. Tức thì một phần nước bốc hơi, phần khác thì biến thành những khối đá kết tinh lẫn lộn trong nước mặn. Người ta lấy riêng hai thứ sau này ra, rồi đem nước đá cho tiếp xúc với hơi nước. Sự gặp gỡ này làm cho đá tan ra và hơi nước đông lại. Kết quả : nước ngọt. Nước này (lạnh) lại được cho vào một máy thay hơi nóng (Echangeur de chaleur) để làm lạnh nước biển đang cho vào hệ thống.

Zarchin đã thành công trong việc nâng cao mức quân bình nhiệt độ của sự tuần hoàn đó và nuôi dưỡng những động tác điều chế với một năng lực tối thiểu ở bên ngoài. Sự chi phí ít ỏi về năng lực, đó là một cuộc cách mạng kinh tế lớn lao về nước ngọt : 1NF tức 15\$VN mỗi mét khối, theo Zarchin là giá nước biển uống được không ai có thể cạnh tranh nổi trong giai đoạn hiện tại.

Nhưng cũng chưa nói hết.. Không lâu sau ngày 24-6, người Nhật đã giới thiệu ở Đức quốc một xưởng máy đông đặc, theo họ nói, rẻ hơn xưởng máy của Zarchin vì máy móc ít phức tạp hơn, không cần những máy ép mạnh và không cần thùng để tạo áp lực thấp.

Ở đây, sự luân chuyển sức nóng và những sự chuyển biến vật lý của nước đều được thực hiện với một tổ chức đơn giản hóa. Bí quyết của phương pháp là hai hóa chất « gây lạnh ». Mặc dù bỏ vào nước hai hóa chất này vẫn không hỗn hợp với nước. Chất thứ nhất là một hyt-ro carbua (một thứ dầu xăng xe tự động). Chất carbua này một khi đã trở nên lạnh, sẽ dùng để làm giảm nhiệt độ của nước gần đến độ đông đặc bằng cách chiếm lấy nhiệt lượng (calories) của nước. Người ta vớt chất « gây lạnh » thứ nhất này ra và thay thế bằng chất « gây lạnh » thứ hai, đó là chất buy-tan lỏng. Chỉ cần hạ thấp áp lực một chút là chất buy-tan bắt đầu sôi. Nó sôi ở nhiệt độ đông đặc của nước và lấy phần lớn sức nóng của nước.

Như vậy ngoài chất buy-tan hơi người ta sẽ có những khối đá kết tinh và nước mặn ; những chất này người ta có thể lấy ra riêng rẽ bằng cách bỏ vào máy ly-tâm. Hỗn hợp nước đá và nước

ngọt sẽ làm chất buy-tan lạnh và đông đặc lại và ngược lại chất buy-tan lạnh làm nước đá tan ra. Cuối cùng người ta thu được chất buy-tan lỏng, nước mặn lạnh — nước lạnh này dùng để làm cho chất hydro-carbure lạnh như lúc bắt đầu — và nước ngọt

MẶT TRỜI VÀ THÁI DƯƠNG. — Nước « Thái dương tạo »: 8NF. tức 120\$ VN mỗi lít.

Người ta muốn đem từ địa cực những tảng băng khổng lồ trong những hệ thống không có kẻ hở và lấy nước đã tan để phân phối vào ống dẫn nước. Người ta cố gắng dùng những lớp rượu cetylic mỏng để hãm bớt sự thoát hơi từ những hồ chứa và ngăn chặn sự thâm nhập của nước dưới đáy các sông đào bằng cách tráng một lớp dầu hắc mỏng.

Ngày nay người ta đang bắt đầu khai thác những mỏ nước khổng lồ mà nhân loại đang có: đó là ngũ đại dương với 1.250.000.000 km³ nước.

Nhưng nước bề chứa 35g muối mỗi lít mà số lượng muối tối đa cần thiết cho nhân loại và súc vật chỉ là 0,05%. Ngoài ra, lại còn có rất nhiều chỗ dự trữ nước mặn khổng lồ địa phương (Sa mạc Sahara, Tây bộ Mỹ Châu) không thể dùng để uống và để cây cối.

Đến bây giờ, trên thế giới đã có nửa triệu người sống vì nước biển đã chế biến thành nước ngọt: trên các tàu thủy, trong một số đài quan sát ra-đa xa bờ bề; trên vịnh Persique, tại Koweit máy lọc nước tha hồ chạy bằng dầu hỏa vì không tốn kém; ở Curaçao và Aruba, xứ Caraïbes. Nhưng mức sản xuất nước ngọt trên thế giới chưa quá 100.000 m³ mỗi ngày.

Phương pháp biến chế bằng sức nóng đã đem lại một kết quả tốt, nhưng cần phải có một nguồn năng lực rẻ tiền. Người ta đã nghĩ đến năng lực của mặt trời, hoặc bằng lò mặt trời, hoặc bằng cách làm nên hơi trực tiếp trong những ôn thất (nhà gương) đang thí nghiệm ở Sahara. Nhưng người ta đã phải lúng túng vì những chất muối vôi, đông lại thành từng mảng trắng ở đáy thùng. Đáng lẽ giúp nước hút sức nóng mặt trời những chất muối này lại phản chiếu sức nóng trở lại. Người ta cũng công nhận

thấy rằng tinh chế không thể uống được vì chứa vô số chất hữu cơ li ti bị sức nóng biến thành than. Người ta lại phải dùng than đỏ để làm tan những mùi xú uế, sau đó thêm vào nước tinh chế ấy một ít khoáng chất và không khí. Tại Touggourt nước « thái dương tạo » bán với giá 8NF tức 120\$VN một lít : điều này không hứa hẹn lắm.

Còn nhiều phương pháp khác đang ở thời kỳ thí nghiệm, như những máy thay ly tử chẳng hạn. Người ta cho nước mặn chảy qua chất nhựa hóa hợp, chất này hút những ly tử khoáng chất và giao hoàn cho nước những ly tử Hydro và oxy. Có điều phiền phức là máy thay ly tử, sau một thời gian lại no (saturé) phải dùng acid và ba-dơ để khử mới dùng lại được.

Phương pháp này chỉ đem lại hiệu xuất mong muốn khi nước ít mặn. Về phương pháp điện phân người ta cũng gặp phải điều bất tiện : những ly tử dương Natri và Magnésium chạy về một phía, nhưng ly tử âm clo chạy về phía khác. Còn lại giữa hai màng là nước nguyên chất. Như vậy người ta phải có một máy biến điện để có dòng điện trực lưu, phải có máy lọc để lắng và lấy riêng muối vôi và muối magnésie. Rồi còn phải lọc nước vì vô số bụi bám đầy những lỗ hở của màng máy điện phân.

NƯỚC NGỌT VÀ BẢO VẬT. — Người ta lưỡng lự giữa hai kỹ thuật lớn nhất là sự cất hơi và sự đông đặc. Có lẽ tương lai người ta sẽ chọn kỹ thuật đông đặc bởi vì với kỹ thuật này nhiệt lượng dùng để làm nước đông đặc sẽ vô cùng ít hơn là để đun sôi.

Do đó có thể nói rằng việc biến nước biển thành nước ngọt đã mở cho thế giới những viễn ảnh kỳ dị trong việc khai thác đại dương. Bởi vì sau khi biến nước biển thành nước ngọt, người ta còn lấy được nhiều khoáng chất và nhiều chất quý : đại dương là những mỏ tài nguyên phong phú, vô tận, thân góp tất cả tài nguyên của địa cầu do nước sông cuốn chảy ra bề. Ngoài nước ngọt, người ta còn có thể khai thác ở đó những yếu tố rất hiếm và quý giá.

Thời đại nước đang bắt đầu...

(Theo Georges Dupont)
HOÀNG ANH

THỬ TÌM HIỂU VỀ « TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÂN HỮU » CỦA *NGA SÔ*. — Đề lời cuốn một số các sinh viên các nước nhược tiểu chưa ý thức rõ rệt thể nào là chủ nghĩa cộng sản và thể nào là thiên đảng Nga-sô, một trường Đại học thân hữu đã được mở tại Mạc tư khoa và khánh thành ngày 17 tháng 11 năm 1960.

Trong bài diễn văn do Kút xếp đọc tại đây, cũng như trong bài tường trình của giáo sư Serghj Rumiantsev người ta đã được nghe nói đến mục đích « cao đẹp » của trường này : đào tạo giúp các quốc gia mới thu hồi nền độc lập có được một số nhà trí thức đủ khả năng lãnh đạo.

Nhưng mục đích « cao đẹp » trên có được thực hiện đúng với lời của Kút xếp hay không ? Chúng ta có thể tìm hiểu qua một bài kêu gọi khởi động do một nhóm gồm 7 sinh viên Somalie (Phi-châu) gửi lên Thủ tướng xứ này sau khi đã được thử lửa và ném mùi thiên đảng Nga-sô một thời gian tại trường Đại Học thân hữu. Bài kêu gọi với lời lẽ thống thiết cho ta biết rõ ràng từng chi tiết, những sự thật bỉ ổi, những nỗi đoạn trường cay đắng mà sinh viên Somalie và các quốc gia Phi-châu khác đã phải gánh chịu sau khi tay trót nhúng chàm. Nhóm sinh viên này đã tha thiết yêu cầu Thủ tướng Somalie tìm biện pháp can thiệp để họ được rời bỏ Mạc tư khoa tức khắc, đồng thời họ mong muốn cáo tri sự việc lừa bịp của Nga-sô cho các giới Liên hiệp quốc.

Trước họ và sau họ, đã có khoảng 150 sinh viên trẻ tuổi thuộc các quốc gia Phi-châu như Togo, Tanganyica, Ai-cập và Nigéria, sau khi bị mắc lừa như họ trong năm 1960, đã cho công bố những lời lẽ vạch trần bộ mặt xảo trá của Nga-sô cùng với hệ thống tổ chức và mục đích của Trường Đại học thân hữu » đó, để một lần nữa chứng minh cho công luận thấy rõ những sự trá trở và lừa bịp của Nga-sô trong lãnh vực văn hóa.

VIỆC tuyển mộ sinh viên. — Như mọi người đã biết, « khẩu thị tâm phi » từ trước tới sau bao giờ cũng là phương châm hoạt động của cộng sản. Trong bài diễn văn khai mạc Trường Đại học thân hữu Mạc tư khoa của Kút xếp, anh em sinh viên các nước đã được nghe nói đến tính chất

đặc biệt của tổ chức « vô tư » này. Kút xếp nói : « Khác hẳn với trường Đại học các nước tư bản, ở đây thu nhận con cái những gia đình nghèo khổ. » Đồng thời Viện trưởng Serghej Rumiantsev cũng tuyên bố : « Tiêu chuẩn lựa chọn đầu tiên của chúng tôi dựa trên kiến thức tổng quát của ứng viên. » Sự thật lại hoàn toàn trái ngược hẳn. Trước hết chúng tôi cần phải nêu lên tính cách mâu thuẫn giữa lời nói và việc làm của Nga-sô. Trường Đại học có cái tên « thân hữu » này thực ra được mở chỉ cốt để thu nhận bọn sinh viên con cái hoặc họ hàng bà con với những gia đình có đôi chút thế lực tại các nước không cộng sản, những gia đình có tên tuổi trong xã hội, hoặc thuộc các đoàn thể tôn giáo, chính trị mà cộng sản nhắm lời cuốn trong vòng ảnh hưởng chính trị của họ. Điều đó không có gì lạ cả vì một khi để con em các gia đình này học tại Mạc tư khoa, Nga-sô đã bắt giữ được một số con tin quý báu hầu ép buộc phụ huynh chúng phải trung thành với đường lối chính trị Nga-sô. Hơn nữa một khi được huấn luyện kỹ càng, bọn trẻ này sẽ trở nên những lợi khí sắc bén để lũng đoạn tinh thần ngay trong gia đình họ. Ít nhất họ cũng sẽ là những nhân vật có cảm tình đặc biệt với cộng sản, nếu không phải là những chiến sĩ trong các tổ chức cộng sản hoặc thiên về phe Cộng. Dưới chiêu bài của một sự « hợp tác huynh đệ », học bổng đã được cấp sau khi có sự đồng ý giữa Nga-sô và các tổ chức thanh niên cộng sản tại quốc gia Phi-châu liên hệ. Cộng sản đã chú trọng đặc biệt đến thành phần sinh viên cho theo học và đã đặt ra một tổ chức chuyên phụ trách công việc tuyển mộ cho những trường Đại học Nga-sô nhắm đối tượng trong đám sinh viên ngoại quốc đang theo học tại Caire, La-mã, Ba-lê, Bonn, Luân-đôn và Hoa-kỳ. Chiến dịch tuyển mộ sinh viên của Nga-sô đã nhắm những mục phiêu hoàn toàn chính trị và để đạt mục đích đó, điện Cẩm-linh đã không ngần ngại đưa ra những lời hứa hẹn và phỉnh gạt bao đầu óc sinh viên non nớt, thiếu kinh nghiệm.

CÁCH ăn ở của sinh viên. — Theo thông cáo của nhà trường, sinh viên theo học tại đây có đầy đủ sách vở, nhà ở, phòng làm việc, giáo sư, phương tiện giáo dục nghĩa là tất cả mọi tiện nghi cần thiết. Ngoài ra thông cáo còn cho biết sinh viên được lãnh mỗi tháng 900 roubles về tiền

ăn và mua sách vở, báo chí xuất bản. Nhưng đến khi va chạm với thực tế phũ phàng chúng tôi mới thấy rõ ngay là mức sống của bọn sinh viên chúng tôi còn thấp kém hơn súc vật. Tám đứa chen chúc trong một căn phòng nhỏ hẹp, mỗi đứa thuộc một quốc gia mà ngôn ngữ, tôn giáo và phong tục hoàn toàn khác biệt, chúng tôi phải chật vật hy sinh nhiều mà vẫn không thoát cảnh thiếu thốn : Tiền ăn mỗi ngày lên tới từ 30 đến 40 đồng roubles, một đôi giày phải mua mất 315 roubles và một chiếc áo măng tô dày loại nỉ thô kệch cũng phải trả 1.100 roubles. Cần phải nói ngay rằng sống ở đây, với khí hậu giá buốt thấu xương mà không có chiếc áo măng tô thì không thể nào chịu được. Vậy để có thể sống lay lắt cho qua ngày, bọn chúng tôi đã phải lần lần bán hết quần áo, vật dụng mà chúng tôi đã mua sắm từ La-mã. Người Nga họ sẵn sàng mua lại những thứ đó với giá cao vì đối với họ, đó là những đồ xa xỉ đặc biệt mà họ chưa hề được dùng bao giờ. Một đứa trong bọn chúng tôi bị đau ư ? Anh ta được đưa đi nằm trong nhà thương tồi tàn và họ coi anh ta như một thứ « mọi đen » bỏ rơi lẫn lóc ở cuối dãy hành lang không ai chăm sóc. Đã có trường hợp một sinh viên phải xin đi nằm bệnh viện để chịu một cuộc giải phẫu vì bệnh thừa ruột. Thường thường như vậy chỉ nằm 10 ngày nhưng vì không được chăm sóc cẩn thận nên anh ta phải nằm dài mất đến 2 tháng trời mới ra được.

VẤN đề kỳ thị chủng tộc. — Tờ nội san tuyên truyền của trường Đại học thân hữu đã long trọng nói đến vấn đề màu da với những lời lẽ đao to búa lớn : « Ở đây chúng ta đều là anh em, không hề có vấn đề phân chia chủng tộc, màu da. Chính bọn tư bản, bọn đế quốc Tây phương đã gây ra sự chia rẽ giữa các dân tộc, nhưng chủ nghĩa cộng sản cao cả xây dựng trên tình huynh đệ trong nhân loại, không bao giờ thành vấn đề màu da giữa những con người.

Trường Đại học này là một minh chứng cho tình hữu nghị giữa Liên-sô và các quốc gia Á-Phi, cho sự tôn trọng của chế độ cộng sản đối với các dân tộc ». Sự thật chỉ khi nào ở trong chốn mới biết chốn có rận. Lúc nhập học, chúng tôi nhận thấy ngay là người Nga đối đãi với chúng tôi như những dân mọi rợ. Trong suốt thời gian ở Nga-sô, bọn sinh viên Nga đã mỉa mai gọi chúng tôi bằng danh từ « khỉ đen » và thường riêu

cột trắng trơn : « Mày không phải là giống người mà là khỉ ,mày phải trở về rừng leo cây chứ đâu có phải ở đây ! » Bất cứ nơi nào chúng tôi đi qua, người Nga cũng ngó chúng tôi bằng con mắt ngạc nhiên có pha lẫn vẻ khiêu khích đáng ghét. Vài đứa trong bọn chúng tôi có lần bị một toán đông thanh niên Nga bao vây và nhạo báng hết lời, chỉ vì màu da chúng tôi đen chứ không trắng như họ và cặp môi chúng tôi dày chứ không mỏng như họ. Chúng tôi cảm thấy một không khí khó thở bao trùm xung quanh một cách khó chịu mỗi khi có cuộc hội họp công cộng. Chúng tôi cũng biết sự có mặt tại những nơi này đã gây cho họ những điều bối rối không ít. Thường thường họ lần tránh chúng tôi như sợ lây bệnh dịch vậy. Cũng có vài anh sinh viên Nga tỏ cảm tình với bọn tôi, thì thiếu số này liền bị chúng bạn họ, hoặc công an nghi ngờ ngay. Một chị sinh viên trót nhảy một bài với chúng tôi, liền bị bọn họ công khai coi như điểm đảng và còn bị họ làm nhục nữa nếu thật ra chị ta không thuộc hệ thống tổ chức Thanh niên cộng sản Komsomol được công an cộng sản ủy thác cho giao dịch để điều tra tư tưởng cùng nguyện vọng của chúng tôi. Theo chỗ chúng tôi nhận xét, đây không phải là hành động lễ tể của một vài cá nhân có óc chậm tiến, mà là hậu quả rất thực tế của một chánh sách được nhà cầm quyền Sô-viết ban hành. Họ rất ngăn ngừa mọi cuộc tiếp xúc giữa những người ngoại quốc với dân chúng Nga-sô và không muốn đôi bên có dịp để tìm hiểu nhau thấu đáo. Trước khi qua Nga-sô, chúng tôi có lưu tại Ý trong nhiều tháng và đã viếng thăm khắp nước này cũng như gặp gỡ những người thuộc đủ mọi giai tầng xã hội. Không một ai lộ vẻ kỳ thị màu da dù trong những hành động nhỏ nhặt nhất. Trong cuộc hành trình đến Nga-sô, khi chúng tôi qua Áo, Tây-đức cũng vậy. Chỉ có lúc đến Nga-sô, quê hương của chủ nghĩa xã hội và cộng sản chúng tôi mới bắt gặp hiện tượng kỳ thị lạ lùng kể trên và chỉ có ở đây chúng tôi mới cảm thấy nhục nhã vì màu da khác họ.

Kinh nghiệm sống ấy của chúng tôi cũng giống hệt như bài học đau đớn và quý giá mà các bạn thanh niên Phi-châu khác đã thu lượm ở Mạc tư khoa. Sự kiện đó cho thấy rằng người Nga đã không biết, hoặc làm ra vẻ không biết đến các dân tộc Phi-châu với những nguồn gốc, phong tục khác nhau và như vậy thật là một sự ngu độn kỳ cục, giả đạo đức của họ về địa dư chính trị tại lục địa Phi-châu.

KHÔNG phân biệt quốc gia. — Chúng tôi còn nhớ như in những lời nói của Kút xếp trong bài diễn văn khai mạc : « Thời đại chúng ta được đánh dấu bằng sự sụp đổ của nền thuộc địa. Nhiều tân quốc gia độc lập mỗi ngày một thành lập thêm lên. Các bạn hãy nhìn về Á-châu, Phi-châu và Cuba ! Chiến thắng của cuộc cách mạng nhân dân là một thí dụ sáng lạn về những thành quả đấu tranh giải phóng quốc gia của các dân tộc. Ngày nay tất cả những tân quốc gia này đều nhận rõ không thể có được độc lập thật sự nếu không có cán bộ. »

Lời lẽ trong bài diễn văn của ông trùm điện Cẩm-linh thật là đẹp đẽ nhưng trên thực tế, nhà trường không cho phép các sinh viên Somalie chúng tôi được ở chung với nhau, ngay cả đến mọi ý định sinh hoạt riêng của bất cứ nhóm sinh viên Phi-châu nào khác cũng không được ban Giám đốc nhà Trường và các viên chỉ huy Công an cho phép. Người Nga để cho dễ phân biệt vẫn coi chúng tôi là « abyssins », một phần vì không muốn chúng tôi khác biệt với những người xứ Ethiopie nhưng nhất là vì những lý do chánh trị. Lý do đó rất dễ hiểu bởi Nga sô nâng đỡ cho Ethiopie luôn luôn đòi cho kỳ được lãnh thổ Somalie thuộc về xứ này. Mỗi khi chúng tôi xưng danh là công dân Somalie, như vậy có nghĩa là xác nhận nền tự trị của nước chúng tôi và đó là điều mà Nga-sô không tán thành chút nào cả. Vì họ không am hiểu những vấn đề thuộc về các chủng tộc và quốc gia Phi-châu, hơn nữa vì một tư tưởng đế quốc cực đoan sẵn có nên họ tỏ ra thờ ơ trước tâm trạng phức tạp của người Phi-châu. Họ còn từ chối không công nhận sự kết hợp rất hợp pháp của các sinh viên Phi-châu mặc dầu tổ chức này được thành lập chỉ cốt đề cử và sự hợp tác thân hữu giữa chúng tôi, những con người cùng chung sống trên một lục địa. Họ viện lý do một tổ chức thống nhất giữa sinh viên Phi-châu không thể tồn tại vì thực ra không có sự thống nhất chính trị tại Phi-châu.

Bởi vậy một mặt họ tuyên bố âm ỉ là nâng đỡ những quốc gia thảo hồi nền độc lập, nhưng khi các quốc gia này có sự đụng chạm với họ về quyền lợi như trong trường hợp Nga-sô tán trợ cho Ethiopie đòi hỏi lãnh thổ Somalie của chúng tôi thì lúc bấy giờ họ lại đui đờm cáo để sẵn sàng phủ nhận tất cả những nguyên tắc chủ quyền quốc gia. Mặt khác Nga-sô thường vỗ ngực tự xưng quốc tế đại đồng và lớn tiếng la lối cho tình

hữu nghị anh em quốc tế, nhất là về « ý thức Phi-châu đang thức tỉnh » nhưng chính họ lại không ngần ngại hành động một cách tích cực để cho ý thức và tình hữu nghị này không thể nào có một hình thức tổ chức hẳn hoi. Điều đó dĩ nhiên bởi vì theo những định luật của đế quốc thời nào cũng vậy, họ hy vọng gây ảnh hưởng và uy tín riêng trên sự chia rẽ hàng ngũ chúng tôi ; họ dùng lợi khí đó để làm cho sự chia rẽ đó thêm trầm trọng và nảy nở mãi hầu thủ lợi.

HỦY diệt tôn giáo. — Tờ Nội san thông tin tuyên truyền của nhà Trường có viết : « Chủ nghĩa cộng sản xây dựng trên lý thuyết Mác-Lê-nin theo duy vật sử quan chủ trương vô tôn giáo và làm sao cho các dân tộc hủy diệt được tất cả những tín ngưỡng tôn giáo dị đoan. Những tín ngưỡng này đã do bọn tư bản bày đặt ra cốt để duy trì độc quyền của chúng trên lưng đám vô sản. Nhưng tại trường Đại học thân hữu sẽ không ai đụng chạm đến tự do tư tưởng của mỗi cá nhân. Hơn nữa Hiến Pháp Xô Viết cũng bảo đảm một cách rộng rãi và thật sự cho tự do tín ngưỡng. »

Sự thật tại Trường, không hề có nhà thờ hoặc đền đài thờ phượng cho đám sinh viên chúng tôi cầu nguyện và ở đây chúng tôi không hề tìm thấy nơi nào khác có thể đến để đọc kinh hay nghĩ đến tôn giáo của mỗi người. Tại Mạc tư khoa chỉ có một đền Hồi giáo, cũng như chỉ có một nhà thờ Công giáo và một cho đạo Do thái, nhưng nó chỉ có tính cách như viện Bảo tàng và một thứ tủ kính bày ra cho đẹp mắt hồng lung lạc những du khách mỗi khi viếng thăm xứ này mà thôi.

Thật vậy mỗi khi có du khách Hồi giáo đến thăm Nga-sô, một trong những việc đầu tiên là họ được đưa đến đền thờ Hồi giáo như để minh chứng cho du khách biết tại Liên Bang Xô Viết người ta cũng vẫn để cho những kiều dân Hồi giáo được tự do tín ngưỡng. Sự thật thì du khách muốn đến nơi đền đó phải được cảnh sát bảo vệ, nếu không sẽ bị bọn đảng viên thanh niên cộng sản Komsomol hành hung một cách tàn bạo vì chúng đã nhận được mật lệnh chống báng dưới mọi hình thức, ngay cả vũ lực đối với những kẻ còn « lạc hậu », còn chịu sự chi phối « dưới ách tín ngưỡng dị đoan » ? ?

Luôn luôn sinh viên Nga-sô cùng trường chất vấn chúng tôi về vấn đề tôn giáo, và thường thường chúng nhạo báng, chế riễu, lảng nhục về những điều mà chúng tôi tin tưởng và những tập quán tôn giáo của chúng tôi. Một anh trong bọn chúng tôi nhân trả lời những câu chất vấn của một số thanh niên Nga về Hồi giáo trước đám đông, đã bị bọn Komsomol bắt gặp và hành hạ trừng phạt, lại được coi như đã « biết phản ứng lại một vụ âm mưu lợi dụng sự đả ngộ nhân từ của Nga-sô để gây một cuộc tuyên truyền dơ dáy về tôn giáo hầu làm tay sai cho bọn tư bản Tây phương. » Họ rất biết chúng tôi theo đạo Hồi Hồi và cử thịt heo, nhưng họ cứ làm lơ chỉ dọn cho độc nhất một món này trong bữa ăn. Dĩ nhiên anh em chúng tôi bắt buộc phải phản kháng và họ lại được dịp nhạo báng, lảng nhục chúng tôi.

BÃI bỏ màn lưới cảnh sát. — Giáo sư Rumiantsev, Viện trưởng trường Đại học thân hữu đã tuyên bố : « Đây là đại gia đình được quản trị bởi những luật lệ dựa trên tình thân thiện và hữu nghị Xô viết. Quốc gia và dân tộc Xô viết chú trọng đặc biệt đến các bạn và muốn chứng tỏ một cách thiết thực mỗi tình đó đối với các dân tộc trên thế giới, nhất là đối với những dân tộc mới thoát khỏi ách đô hộ tư bản và đế quốc thuộc địa. »

Họ nói một đằng nhưng lại làm một nẻo. Trong suốt thời gian sống tại Mạc tư khoa, trong trường này, một màn lưới dày đặc đã bao phủ chặt chẽ chúng tôi để kiểm soát từng lời nói và hành động. Nhất nhất mỗi chi tiết nhỏ nhất của bọn chúng tôi cũng bị rình rập, để ý cặn kẽ. Họ viện những lẽ này hay lẽ khác để luôn luôn chất vấn, lục soát một cách rất khó chịu. Khi còn ở bên Ý, chúng tôi được tự do muốn đi đâu cũng được trên khắp lãnh thổ, trái lại từ khi đến Nga-sô luật lệ hoàn toàn khác hẳn. Họ cấm ngặt bọn tôi không được ra khỏi Mạc tư khoa và không có quyền đi xa những mục tiêu đã định trước. Vài anh trong bọn chúng tôi muốn xin được viếng thăm các địa phương Nga-sô, nhất là miền « Terres Vierges » (nơi hàng ngàn thanh niên bị đem đi đây khổ sai) liền bị họ từ chối phắt ; họ viện những lý do kỳ cục nào là vì chúng tôi không thể bỏ lớp học, mặc dầu chúng tôi đang trong thời kỳ nghỉ hè, nào là vì ở đó khí hậu rét đến cắt ruột, sợ chúng tôi không chịu nổi. Ngoài tổ chức Công an Cảnh sát Xô viết rình rập những hoạt động, tư tưởng của đám sinh

viên chúng tôi cũng như nhân dân Nga-sô hàng ngày, chúng tôi lại còn khổ sở với bọn thanh niên Nga cuồng tín trong tổ chức Komsomol nữa. Bọn chó săn Sô viết không ngần ngại gán cho danh từ « gián điệp » và « tay sai đế quốc » cho bất cứ ai không chịu cảm nghĩ theo lối một chiều của họ. Thật là bất hạnh cho anh nào trong bọn chúng tôi lỡ ngó vào một sử quán Tây phương để tìm cách xin giúp đỡ hồi hương, anh đó bị Công an bí mật Sô viết chụp hình liền rồi theo dõi, bắt bớ, điều tra và nhục nhã đủ điều. Họ cứ gán đại cho anh là đến những nơi đó để âm mưu phản bội ? ? Cho rằng như vậy vẫn chưa đủ để điều tra tư tưởng và dò xét phản ứng của chúng tôi, họ còn bố trí những cuộc gọi chuyện bí ẩn và phản phúc bằng cách cho vài thanh niên hay thiếu nữ Nga đến mớm cuộc tranh luận. Đúng giữa lúc tranh luận đang sôi nổi thì những hung thần trong đội hành động của Komsomol xuất hiện, đôi khi cùng với mấy viên Công an Sô viết. Họ buộc tội bọn tôi âm mưu tuyên truyền chống lại chế độ. Đã có một anh bạn chúng tôi bị đánh đập tàn nhẫn bằng gậy và phải đi nằm nhà thương Aftaria Gradiskaia trong 20 ngày.

Chúng tôi còn nhớ một đêm cuối năm, anh em chúng tôi được một gia đình Nga nhân hậu mời dự cuộc vui mừng năm mới. Vừa ngồi chưa ấm chỗ trong gian phòng dành cho chúng tôi thì tên cán bộ liên gia tông cửa vào cùng với ba viên Công an. Họ lục soát cả nhà và điệu chúng tôi về trụ sở Công an giam giữ luôn trong mấy tiếng đồng hồ để điều tra lý lịch : hành vi của bọn tôi và gia chủ. Khi chúng tôi được thả về, thì chính những người trong gia đình Nga đó đã khẩn khoản xin chúng tôi vui lòng quên việc quen biết họ vì sợ liên lụy về sau. Về phía chúng tôi, tất nhiên sau đó là những lời cảnh cáo, dọa nạt đuổi ra khỏi trường và bỏ chết đói trong rừng.

VIỆC tuyển mộ gián điệp. — Trong bài diễn văn đọc tại buổi lễ khai giảng trường Đại học này Kút xếp tuyên bố với các sinh viên : « Nếu rồi đây một số trong các bạn có tiềm năng căn bệnh thời đại, đi theo chủ nghĩa cộng sản, thì xin đừng đổ lỗi cho chúng tôi về việc đó.

« Chúng tôi không cảm thấy bị xúc phạm nếu các bạn trở thành những người cộng sản. Điều quan hệ là các bạn phải là người lương thiện và khi tốt nghiệp ở trường Đại học này ra, các bạn sẽ làm việc cho lợi ích của nhân dân nước các bạn. »

Nhưng, những sự áp bức, hăm dọa và nói xấu của nhóm Komsomol và của cảnh sát đối với sinh viên Phi đã diễn ra, nhằm hai mục đích : kiểm soát sinh viên Phi khi họ còn ở trên đất Nga để họ không thoát khỏi mạng lưới tuyên truyền cộng sản và để chọn lựa những phần tử có khả năng hoạt động gián điệp và chính trị ; những phần tử này lúc đầu hoạt động ở Mạc tư khoa dựa vào những người đồng hương của họ rồi sau trở về hoạt động ở nước họ.

Cán bộ Xô viết đã dùng đủ mọi phương tiện nhằm thực hiện chủ trương trên đây : Họ kiểm duyệt tất cả thư từ của chúng tôi để dò xét tư tưởng, tìm ra những phần tử hữu ích mà họ có thể dùng vào việc tuyên truyền và gián điệp. Khi trở về Somalie, chúng tôi mới biết rằng một số lớn thư từ chúng tôi gửi từ Mạc tư khoa cho bà con bè bạn đã không chuyển về tới đất nước chúng tôi.

Với những phương pháp như vậy bắt đầu từ sự áp bức đe dọa đến việc cắt đứt liên lạc gia đình và tổ quốc cộng thêm thủ đoạn tuyên truyền dai dẳng về lợi ích của chủ nghĩa cộng sản, bọn cán bộ lãnh đạo Xô viết đã mua chuộc được một số người trong hàng ngũ chúng tôi để làm tay sai cho họ. Với những phương pháp như vậy, cộng thêm với việc chu cấp những tiền nghi đặc biệt một ít tiền thưởng và sự hứa hẹn được làm lương cao, cán bộ Nga đã chinh phục được một số sinh viên của các nước Châu Phi để tổ chức thành những toán sinh viên biệt lập. *Hội các sinh viên Somalie* thành hình cũng theo lẽ lối ấy. Nhưng một số đông sinh viên Somalie đã từ chối tham gia bởi vì họ thừa hiểu rằng tổ chức này do cán bộ Xô viết dựng ra nhằm một cứu cánh riêng tư.

Trong khi ngăn cấm mọi sự giao dịch giữa các toán sinh viên Phi-châu với nhau thì người ta giúp mọi phương tiện cho bọn sinh viên tay sai liên lạc và sinh hoạt với tất cả mọi toán sinh viên trong trường. Nhà cầm quyền Xô viết khi đã nắm được trong tay những tài liệu cần thiết về đời sống cá nhân, gia đình, xã hội và xu hướng hoạt động của những người thanh niên đáng thương đang du học trên nước Nga, họ liền áp dụng một lối giáo dục sâu sắc và siêng năng. Rốt cuộc khi trở về nước đám thanh niên này trở thành những nhân viên thực thụ của đế quốc Nga-sô.

NHỒI sợ chủ nghĩa cộng sản. — Cũng vẫn lời Kút xép đã tuyên bố với sinh viên : « *Tất cả mọi người đều biết rằng trường Đại học thần hửu* » có một mục đích rất nhân đạo và công bằng. Mở trường này chúng tôi chỉ chủ trương giúp đỡ các nước mới trẻ có được những cán bộ ưu tú mà thôi. Chúng tôi mong rằng những người thanh niên Á-châu, Phi-châu, Mỹ-châu La-tinh sẽ đến Mạc tư khoa ngày càng đông đảo, mong rằng họ đến đây để nghiên cứu học hỏi trong tinh thần, tương kính giữa chúng tôi và họ. Thực là rõ ràng, chúng tôi không hề bó buộc một sinh viên nào theo quan niệm chính trị và lý tưởng của chúng tôi. »

Nhưng rồi, đáng lẽ cần được chăm chỉ học tập chau nhồi kiến thức chuyên môn, tất cả mọi sinh viên đã bị bắt buộc phải dành một phần lớn thì giờ vào những cuộc họp, những cuộc tổ chức chính trị và để nghe những bài diễn thuyết tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản. Các sinh viên ngoại quốc nói chung và sinh viên Phi-châu nói riêng luôn luôn bị mời ra phát biểu cảm tưởng tán dương chủ nghĩ cộng sản và tỏ rõ lòng thần phục đối với chế độ Xô viết, thần phục các nhân vật của chế độ, những phương pháp tổ chức đời sống và công ơn của chế độ đối với việc bênh vực tự do cho các dân tộc khác. Thường thường báo chí và cơ quan tuyên truyền cộng sản, không còn được sự đồng ý của đương sự cũng cứ chụp hình những cuộc tổ chức ấy rồi công bố rầm rộ nhằm khai thác lợi ích chính trị.

Thực khó lòng tránh khỏi ám ảnh của tuyên truyền cộng sản. Báo chí sách vở mà sinh viên được đọc chỉ toàn nói về chủ nghĩa cộng sản và những chiến thắng của nó. Đài phát thanh nơi đây làm ngơ hay xuyên tạc mọi tin tức khác xảy ra trên thế giới và cũng chỉ đưa ra những gì sặc mùi cộng sản. Không thể nào có được những cuộc tranh biện, trao đổi ý kiến, những cuộc thảo luận để người ta tìm hiểu được cái xấu cái tốt của những tư tưởng dị đồng.

Người nào không chịu khuất phục trước hình thức tuyên truyền lôi cuốn, không chịu hòa mình vào đó, lại còn cho rằng mình có quyền tự do suy luận về những điều mắt thấy tai nghe thì sẽ bị coi là phản động, bị tẩy chay và luôn luôn bị chửi rủa, nói xấu cho cả đến khi người ấy đã rời trường về nhà.

Một sinh viên Phi, anh Okullo ở xứ Ouganda rời khỏi Mạc tư khoa vừa lên tiếng phê bình người Nga liền bị họ vận động ngay một số sinh viên ngoại quốc khác tuyên bố phản đối. Trong việc phản đối Okullo, hai sinh viên Somalie là Omar Nahamei và Mohamed Abdi vì bị mua chuộc bằng những tấm bông mua hàng ngoại quốc, bằng những cuộc du lịch tại Luân-đôn và bằng nhiều lợi lộc khác nên đã cam tâm nói dối.

Trong trường hợp của chúng tôi, khi bọn cộng sản biết rằng chúng tôi đã nói lên tất cả những gì đã được thấy và phải chịu đựng khi còn trên Nga thì họ liền điều động ngay bộ máy tuyên truyền để phỉ báng chúng và chê bai những điều chúng tôi đã nói. Ở Somalie, họ cho rải truyền đơn buộc tội chúng tôi là bán mình cho Mỹ và là những phần tử khiêu khích. Đồng thời, ở La-mã nơi có nhiều sinh viên Somalie, họ cho đăng lên tờ báo cộng sản một bài của hai sinh viên cộng sản nói xấu chúng tôi là lười biếng không muốn học tập, chỉ say sưa rượu chè.

TÍNH cách vô hiệu lực của chương trình học. — Bình luận về sự thành lập Trường Đại học thân hữu, báo Pravda cơ quan chánh thức của đảng cộng sản Nga đã viết trong số ra ngày 17-11-1960 : « Lần thứ nhất trong lịch sử, một quốc gia có một nền khoa học, kỹ nghệ và văn hóa phát triển đến cao độ, chìa bàn tay thân hữu thành thực giúp đỡ các dân tộc mới thoát khỏi xiềng xích đô hộ hay còn bị áp bức, để đem lại cho họ một cuộc viện trợ căn bản : đó là nền học vấn. »

Thật ra những ai mơ tưởng theo học tại trường Đại học thân hữu để trở thành một kỹ sư thạo nghề, một thầy thuốc giỏi, một chuyên viên hành chánh có khả năng hay một kỹ thuật gia lỗi lạc, họ đã lầm lạc rất nhiều và đã bỏ phí thời giờ vô ích. Chương trình học được tổ chức rất buồn cười, vì ngoài việc nhồi sọ chủ nghĩa Mác xít trong đầu óc sinh viên, chúng tôi chỉ còn đủ thời giờ để bập bẹ học đôi chút tiếng Nga. Phần lớn giáo sư có vẻ không quen với việc giảng dạy tế nhị cho một thành phần sinh viên phức tạp gồm đủ mọi quốc tịch và trình độ văn hóa khác nhau rất xa. Chúng tôi có một vài phòng thi lại chuyên dùng vào những việc khác ngoài việc giảng dạy. Như vậy, bọn chúng tôi không thể tự tay làm một cuộc thí nghiệm thực tập nào, ngoài một mớ lý thuyết hời hợt về môn đã chọn lựa. Chỉ khi nào lên năm thứ hai chúng tôi mới thật sự được

học các môn về chuyên nghiệp, còn năm đầu coi như đề học tiếng Nga và bồi sọ về chính trị. Nhưng muốn tiếp tục được lên năm thứ hai, sinh viên chúng tôi phải tỏ ra có nhiều tiến bộ, hiểu biết về chủ nghĩa cộng sản mới được đề nghị, và xin nhớ rằng đó là điều kiện thiết yếu.

MỤC đích chính của nhà Trường. — Vẫn theo lời ông Viện trưởng Rumiantsev : « Trường Đại học thân hữu chúng ta ngày nay đón tiếp những sinh viên đại diện cho 59 quốc gia. Chúng ta ước mong nhà Trường sẽ mở rộng thêm phạm vi hoạt động với nhiều truyền thống của nó và sẽ phục vụ cho công việc siết chặt tình hữu nghị giữa các dân tộc. »

Ở trên, chúng tôi đã nói nhiều đến nhà Trường với lễ lối tổ chức, tuyển mộ sinh viên, cách đối đãi với chúng tôi và chương trình học vấn. Đó là tất cả những sự thật phũ phàng mà chúng tôi vì khờ dại, đã là những nạn nhân đáng thương của sự lường gạt, dối trá. Khi các cán bộ cộng sản tiếp xúc với chúng tôi tại La-mã và Caire, thủ đô Ai-cập, nơi chúng tôi đang yên tâm theo đuổi chương trình Đại học, họ dụ dỗ rằng nếu sang Mạc tư khoa, chúng tôi sẽ học được nhiều điều thiết thực bổ ích cho bản thân và cần thiết cho cuộc phục hưng xứ sở. Thật ra đến lúc này chúng tôi hết sức đau khổ và hối hận. Không những chẳng học được gì ích lợi về khoa học cũng như nghề nghiệp để cho thời giờ lãng phí, chúng tôi còn cảm thêm một điều đau đớn cho các quốc gia Phi-châu nếu không kịp thời tìm cách chặn đứng ngay được luận điệu tuyên truyền dụ dỗ của cộng sản đối với thanh niên Phi-châu chưa ý thức hiểm họa ấy. Cũng như các lớp dành cho người ngoại quốc ở Mạc tư khoa, và những viện thu nhận sinh viên Phi-châu tại các nước cộng sản, Trường Đại học mệnh danh « thân hữu » cũng chỉ nhằm có một mục đích duy nhất và rất dễ hiểu : Đào tạo một lớp người chỉ huy để sửa soạn nhuộm đỏ các quốc gia, đặt những quốc gia này dưới gông cùm đế quốc Sô viết. Tuyên truyền trong đám sinh viên ưu tú của các xứ Phi-châu để họ chịu sự huấn luyện cộng sản, Nga-sô hy vọng với sự tiếp tay của lớp người trẻ tuổi này, thực hiện mộng bành trướng chủ trương thuộc địa tại lục địa Phi-châu trên lãnh vực chính trị, văn hóa, xã hội, hầu tranh giành những quyền lợi xưa kia của vài nước Tây phương.

Đau đớn thay ! chúng tôi chỉ được biết rõ những điều đó sau khi có kinh nghiệm sống với cộng sản và những việc làm trắng trợn đã khác xa với bao lời phỉnh nịnh hứa hẹn lúc ban đầu của hệ thống tuyên truyền cộng sản. Trong số các sinh viên Somalie đã xuất ngoại theo học tại các quốc gia trên thế giới, chỉ còn có bọn anh em chúng tôi được « hân hạnh » qua Nga-sô đã bỏ về nước vì cách đối đãi hết sức « đặc biệt » của nhà cầm quyền Sô viết đã nêu ở trên và nhất là vì chúng tôi đã từ chối phải không chịu để họ nhào nặn để trở thành những tên tay sai Sô viết tại Phi-châu.

Chúng tôi nhiệt thành mong muốn tất cả các công dân Somalie và thanh niên Phi-châu hiểu biết những điều này để họ có thể suy xét sau khi có một ý niệm rõ ràng về các sự việc hiển nhiên mà chúng tôi là nhân chứng đau khổ, hầu phân biệt được ai là những người bạn, ai là những kẻ thù của chúng ta và nhận chân được thể nào là nền độc lập hoàn toàn của các dân tộc Phi-châu.

NGUYỄN HOÀNG VIỆT

(Viết theo bài kêu gọi của sinh viên Somalie
gởi Thủ Tướng xứ này. Tài liệu : 10 sự thật
về Trường Đại Học thân hữu Mạc tư khoa).

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

- ★ *Sống ở miền Nam*
- ★ *Nghe chuyện khai hoang miền Nam*
- ★ *Do nhà văn Sơn Nam kể lại*
Là điều thích thú nhất

Các bạn nên tìm
ngay từ bây giờ

HƯƠNG RỪNG CÀ MAU

CỦA SƠN NAM
Nhà xuất bản Phù Sa

Xin giao dịch với Ông Dương Đại Tâm
số 66, đại lộ Nguyễn Huệ — SAIGON

MỘT QUAN NIỆM VỀ VĂN ĐỂ VĂN HÓA

CÓ người nói : Văn hóa do bốn chữ « văn minh tiến hóa » mà ra, vì chúng ta quen nói tắt hiểu ngầm, cho nên về danh từ thường dùng chữ đầu chữ đuôi là đủ. Người nói ấy chỉ là ước đoán, hay là hữu sở kiến, mà chúng ta chưa đọc đến nơi ; song hôm nay, chúng ta không có ý khảo cứu về danh từ, chỉ mong tìm hiểu văn hóa là thế nào, để định nghĩa may khỏi sai lầm ; dầu văn hiến, văn minh, văn hóa, chẳng khác xa nhau, song chúng ta có thể phân biệt mất cá với mất cua, như nhà thơ Tô Thức.

Theo sách Nho, thì văn hóa là văn trị và giáo hóa. Văn trị là vua lấy đức để dưỡng dân, bày lễ nghĩa theo trình độ tư tưởng của quần chúng. Còn giáo hóa là vua đem đạo đức để hóa dân, nghĩa là bày cho dân biết hiếu, để. Sách Thuyết-Uyển nói : Nếu dân không cải tiến cho hợp thời, thì vua phải thưởng phạt thế nào để khai hóa.

Văn là vẻ, dân có văn, tức là có vẻ trong lời nói, cũng như trong việc làm. Kinh Dịch gọi là « nhân văn », vẻ đẹp nơi người, không phải biến hóa, sửa đổi luôn. Người với người, ngoài xã hội cũng như trong gia đình, tiếp xúc hằng ngày ; lời nói, việc làm, đều phải có vẻ thế nào, cho hợp với hoàn cảnh.

Vậy thì văn hóa là thuần phong, mỹ tục ; người có văn hóa là người có đạo đức làm người ; mà đạo đức ấy phải biến hóa luôn, nếu không biến hóa thì lỗi thời, hay chỉ là còn hình thức, mất hết tinh thần, không thể tồn tại với thời gian nữa. Theo Khổng tử, thì đạo chẳng xa người, nghĩa là đạo ở nơi người, do người bày ra, để cho khác loài cầm thú. Còn đức là hành vi theo giới luật, theo đạo lý, nghĩa là con người có tu dưỡng, trong tâm giới đã nhận định những phương tiện thực hành.

Đức có tư có công, hiếu, để, trong gia đình, cá nhân trực tiếp với cá nhân, ấy là đức tư, lấy tình cặn sâu làm sai đẳng. Sách Luận ngữ nói : Hiếu, để, là căn bản của con người, Còn cá nhân đối xử với đồng bào, với nhân loại hay là với thế hệ sau, nghĩa là làm những công việc lợi ích chung, chẳng riêng gì ai, ấy là đức công, người thi ân, người thọ ân, đều gián tiếp.

Sống làm công đức không phải dễ như làm tư đức, vì làm được công đức, tất phải là hạng người có học thức, có tài năng, lại có thời thế cơ duyên thúc đẩy nữa. Chúng ta tiến cho hạng người có thể làm mà không làm, ấy là có đủ cơ duyên, chỉ thiếu lòng bác ái. Khổng tử nói : « Hễ muốn làm nhân, thì điều nhân đến. » Vậy thì những người làm công đức, là vì thiếu hay ít nhân ; mà đã ít nhân, thì dầu dễ như tư đức cũng không làm, thành thử, tại phương Đông, các bậc hiền triết thường chủ trương về tư đức, khuyên cả mọi người nên có hiếu để ; vì phần nhiều người, ở trong gia đình đã có hiếu để, thì ra ngoài xã hội dễ có nhân từ.

Văn hóa phương Đông, xây dựng trên nền đạo đức ; nếu phần nhiều trong dân tộc có tư đức, ấy là đã có một nền văn hóa, bất tất là phải có tài năng. Theo sách Minh tâm, thì đức hơn tài là quân tử, tài hơn đức là tiểu nhân. Nói như thế có quá chủ quan ; nếu đứng về phương diện khách quan, thì chúng ta nhìn nhận rằng : Dân tộc nào có cả đạo đức, cả tài năng, mới là một dân tộc có văn hóa.

Văn hóa phương Tây, thì chuộng tài năng hơn đạo đức ; ấy là văn hóa có khác nhau, chẳng những thế, mà về danh từ, Đông cũng khác Tây, phương Tây gọi là « Culture », bao hàm tất cả những thành tích về khoa học, về triết học, cho đến tôn giáo, nghệ thuật, tập quán, v.v... ; không phải như nghĩa hai chữ « văn hóa » của phương Đông, đã mấy ngàn năm, chỉ nhìn về đạo đức.

Nói một cách khác, thì « culture » có nghĩa là tập hợp tất cả những gì, mà người phương Tây đã nỗ lực mấy ngàn năm, bước từ dã man đến văn minh, trải qua biết bao nhiêu thử thách, bị chiến tranh, bị tàn phá, bị ảnh hưởng ngoại lai, đời nào cũng nhờ có bạn thanh niên, là hạng người đã thừa nhận những gì, của đời trước lưu truyền, và biến chuyển với thời gian, với không gian, để dung hòa văn hóa.

Vậy thì văn hóa phương Tây có một lịch sử, rõ ràng hơn văn hóa phương Đông ; nếu muốn tìm hiểu văn hóa là thế nào, thì chúng ta còn phải đi sâu vào con đường lịch sử nữa.

Lịch sử về văn hóa

KHÔNG phải như văn hóa phương Đông, có hơn 4.000 năm lịch sử, Phục Hy vạch « Bát quái », với hai nét : Một nét đức, một nét liên, tượng trưng cho âm và dương. Theo quan niệm « sơ dân », thì giữa vũ trụ, vạn tượng thiên hình, đều do âm dương biến hóa ra cả.

Tại phương Tây, thì từ xưa, các dân tộc Hy-lạp, La-mã, đã chủ trương về khoa học hơn triết học, chỉ còn thiếu phương tiện để phát triển ; thành thử, chữ « Văn minh » — Civilisation — xuất hiện trong Tự điển Hàn lâm, mới từ năm 1835. Trước kia, chưa có ai quan sát trong dân, thế nào là văn minh, thế nào là văn hóa.

Từ giữa thế kỷ 18, có Vôn-Te (Voltaire), người Pháp, cuối thế kỷ 19, có Vỹ Bá (Weber), Bi-đét-Măn (Biedeman), người Đức, đều tất lực đề cao thuyết « Văn hóa » — Culture, — các nhà nghiên cứu về nhân loại lịch sử, mới biết chú trọng về văn hóa hơn văn minh.

Thế mà một phần đông, chưa phân biệt văn minh với văn hóa, còn nhìn hai danh từ ấy là một vẻ, chẳng có trọng khinh gì. Nếu chúng ta căn cứ vào thành tích, chẳng khác nào nhìn những nét mực trên một bức họa đồ, thì thấy ánh sáng nổi lên, cũng như nhìn văn hiến, văn hóa, văn minh, mỗi danh từ có một thành tích khác nhau, rõ như đen với trắng. Hướng chỉ một ngòi bút của Vôn-Te, vừa tâm lý học, vừa xã hội học, đã đủ tạo thành nội dung văn hóa sử của loài người.

Các sử gia còn phân văn hóa sử ra hai ngành : Một phái chuyên khảo cứu về tài năng, một phái chuyên khảo cứu về đạo đức ; để tìm hiểu ảnh hưởng của văn hiến, văn minh, văn hóa, các dân tộc qua các thời đại thế nào.

Theo các sử gia, thì chỉ ở phương Đông có văn hiến, nghĩa là các dân tộc chú trọng về đạo đức. Văn, là có nhiều tác phẩm hay ; hiến, là có nhiều bậc lão thành, khã dĩ làm gương cho đại chúng. Văn minh, như các dân tộc phương Tây, về vật chất mỗi ngày mỗi mới. Vì lo nạn « nhơn mãn », cho nên phải cạnh tranh, cho có một địa vị giữa phong trào ; nhờ

vậy mà tài năng phát triển luôn ; thành thử, sử thượng thế, trung thế, sở dĩ khác sử cận thế, vẫn có nhiều lý do, mà lý do rõ rệt hơn, là sử cận thế cách tân, do đó mà phát minh những gì, đã đưa dòng da trắng lên cõi văn minh, ngày nay người da trắng đi tiên phong, thúc đẩy người cả năm châu trên thế giới.

Một nhà khảo cổ người Đôn-mạch, lại phân văn minh ra ba thời kỳ : Thời kỳ dùng đá, thời kỳ dùng đồng, thời kỳ dùng sắt. Rồi đến một nhà Nhơn-chủng-học, người Mỹ, lại phân sử học ra ba thời đại : Thời đại vị khai hóa, thời đại dã man, và thời đại văn minh.

Gần đây, nhiều học giả nước Anh, phân Nhân loại văn hóa sử ra 9 giai đoạn : 1) Phát minh ra lửa ; 2) Phát minh cung tên ; 3) Phát minh đồ dùng bằng đất ; 4) Phát minh đồ dùng bằng sắt ; 5) Phát minh đồ dùng bằng đồng ; 6) Phát minh văn tự ; 7) Phát minh thuốc súng ; 8) Phát minh cơ khí ; 9) Phát minh nguyên tử.

Cả mấy giai đoạn về văn hóa sử, do người Anh nhận xét trên này, thì hoàn toàn về vật chất văn minh, chưa đúng là văn hóa. Huống về văn hóa sử, thì người Đức có trước người Anh ; chẳng nói gì trước mấy ngàn năm, mới từ giữa thế kỷ 18, 19, dân tộc Đức đã theo « Nhân văn chủ nghĩa » của Hy-lạp. Đã thừa hưởng một thứ vô hình di sản, đủ vật chất, đủ tinh thần ; thành thử, danh từ văn hóa của Đức là « Kultur », đã giúp cho cả dân tộc có đạo đức, có tài năng, nhờ đã xây dựng nhiều đời, một nền giáo dục rất phong phú.

Về giáo dục, Bô-Đặc (Budde), người Đức, có phát biểu tư tưởng như sau, theo kinh nghiệm nhiều năm, đã giúp cho dân tộc về văn hóa :

Có nhà giáo dục thiên về cá nhân chủ nghĩa, mà quên nhìn nhận đến những gì có thể nguy hại bạn thanh niên. Trong dân tộc, hạng này chưa có kinh nghiệm, lại không muốn căn cứ vào dĩ vãng, thích theo tư tưởng tự do ; nhiều khi mặc sát phê bình, những gì đã thành thuần phong, mỹ tục.

Chúng ta không phủ nhận lời bà La-Lan (Mme Roland 1754-1793) đã nói : « Mất tự do, thì thà chết. » Song bạn thanh niên quen dùng danh từ, mà không nhìn về ảnh hưởng. Theo Bô-Đặc, thì tự do có văn minh, có

dã man : Những dân tộc văn minh, quyền tự do thuộc về của đoàn thể ; những dân tộc dã man, thì quyền tự do lại của cá nhân.

Chúng ta vẫn công nhận : Tự do là yếu tố sanh hoạt, song trước khi áp dụng, phải biết tự thoát ly những gì có tánh cách nô lệ, mới là chân chánh tự do. Đừng làm nô lệ cho cỗ nhân, đừng làm nô lệ theo thành kiến, đừng làm nô lệ cho tình dục, cũng đừng làm nô lệ theo hoàn cảnh của mình. Chân chánh tự do, là mình tự làm chủ lấy mình, mà làm được, là nhờ có công phu tu dưỡng.

Cũng người Đức. Lâm-Đặc (E. Linde), đại biểu cho nhà giáo dục chuyên khoa, có nói với bạn thanh niên rằng : Sử thượng thế, sử trung thế, sử dĩ khác sử cận thế, là vì cận thế có canh tân, do đó mà phát minh những gì, đã đưa dòng người da trắng lên cõi văn minh, người nào cũng tiến thủ, cũng mạo hiểm với tài năng ; đến cuối thế kỷ 18, dân tộc Đức lấy lợi quyền làm văn hóa.

Theo Lâm-Đặc, thì các nhà giáo dục chủ trương đường lối khác nhau, duy có một quan niệm cộng đồng, là phản đối tự nhiên chủ nghĩa. Nhân cách, nhân phẩm, không phải tự nhiên mà có, kỳ thủy, do loài người bày ra, rồi tự loài người làm theo ; mỗi thời đại, mỗi địa phương, đều có những khía cạnh khác nhau, song về lễ, nghĩa, liêm, sĩ, vẻ đẹp chỗ tinh thần, thì dân tộc nào cũng yêu chuộng cả.

Nhân cách giáo dục, mà Lâm Đặc cho là cấp bách hơn, và vì người nhận thấy rằng : văn minh vật chất đã làm cho dân Đức xu hướng lợi quyền, không phải riêng gì hạng thanh niên, cả mọi người đều biến thành nô lệ kim tiền, thậm chí cạnh tranh làm nô lệ kim tiền, mà tự đắc cả.

Dân tộc đã lấy kim tiền làm chủ, phụng sự kim tiền, thì đạo đức không thể tồn tại với thời gian, các nhà giáo dục lo, bèn cùng nhau lập thuyết « Tân văn hóa » lấy phục hưng lý tưởng của Hy-lạp làm mục đích, để phản động với thực lợi chủ nghĩa : nhờ vậy mà dung hòa đạo đức với tài năng.

Đến thế kỷ 19, có Ma-tét-Nô (Matthew Arnold) người Anh, chủ trương tân văn hóa, trước tác nhiều học thuyết, ảnh hưởng toàn Âu ; rồi Bá-ra-Man (Ben Jaman Ridd), cũng viết bản « Nhân quần tiến hóa sử (Evo-

lution sociale), khuyên bạn thanh niên : Tân văn hóa, nghĩa là mình tự tranh đấu với mình, mình tự sửa mình, cho thích hợp với nhân quần ; thành thử, nhân quần tiến hóa, thì mình phải tiến hóa.

Theo họ Bá, thì tranh đấu là con đường tiến hóa duy nhất. Triết học phương Tây cũng nói : « Tranh đấu là một điều kiện giáo dục quốc dân. » Theo lịch sử, về văn hóa, thì các dân tộc phương Tây, đã chiếm được nhiều thành tích khả quan, song không phải do sức người tranh đấu mà nên, tất phải do nhiều đời tranh đấu.

Thành tích về văn hóa

ĐÔNG, Tây, văn hóa, xu hướng khác nhau ; vì vậy cho nên thành tích cũng khác nhau, theo lịch sử, thì từ thế kỷ 17 trở về trước, phương Tây trọng tài năng hơn đạo đức. Đến thế kỷ 18, 19, thì khoa học phát triển, làm cho loài người sanh hoạt càng ngày càng được tiện lợi hơn ; mà tiện lợi là văn minh, tuy là văn minh về vật chất, song cũng là thành tích về tài năng. Sở dĩ có những thành tích vẻ vang, là nhờ người Âu, Mỹ, đều có những tánh chất tiến thủ, tranh đấu không ngừng ; dầu phải mạo hiểm thế nào, cũng tự cho là bổn phận làm người phải cố gắng.

Chẳng những thế, người Âu, Mỹ, còn giàu công đức, chúng ta có thể lấy lịch sử để chứng minh :

Muốn cứu nạn « nhân mãn » cho châu Âu, lòng cao thượng chẳng phải bàn, chúng ta chỉ nhìn về tánh mạo hiểm của người, đi tìm đất mới. Lênh đênh trên mặt biển, nào biết đến đâu. Vạn tử nhất sanh, mới tìm ra châu Mỹ ngày nay, ngàn vạn năm sau, tên Kha-luân-Bổ (Columbus) thường còn trong sử.

Ly-vinh-Tôn (Livingstone), người nước Anh, đi thám hiểm trên châu Phi, tranh đấu với độc khí, với ác thú, với thổ dân, hơn 20 năm, ngày nào cũng bận với tử thần, vì nhân loại mà hy sanh, để đem người da trắng đến khai thác.

Nước Nga bị quân Mông-cổ chà đạp, không thể đội trời chung ; Đái-bí-Đắc (Perer-the-Great), đương ngồi trên chiếc ngai vàng, tự liệu mình trốn sang nước ngoài, học những phương cứu quốc. Chính là nhờ tánh chất mạo hiểm, mà ngày nay nước được phú cường.

Bị người Anh đè nén, đánh thuế quá nặng, dân không thể sanh tồn, nhờ một nhà nông, nêu cờ độc lập biểu tình, dám đem châu chấu chống xe ; thế mà thành công, người được làm thế giới chủ nhân ông, chính là Tổng Thống Hoa-thạnh-Đốn (Washington).

Kể sơ vài vị, đã làm gương cho biết bao nhiêu hào kiệt, anh hùng. Dân có tánh mạo hiểm nước mới bền, người có chí tiến thủ nhà mới vững. Mà hai tánh chất ấy nảy nở, lại nhờ có lòng hy vọng thúc đẩy bên trong, hy vọng càng nhiều, tánh mạo hiểm càng hăng, chí tiến thủ càng mạnh.

Nhân loại sở dĩ khác cầm thú, văn minh sở dĩ khác dã man, không phải nhờ có thần thánh ở hai bên, mà chỉ nhờ lòng hy vọng thúc đẩy luôn ; nếu mình muốn thỏa mãn những gì hy vọng về tương lai, thì lấy chí tiến thủ, tánh mạo hiểm, làm đại giá. Thượng-Đế cũng ban với chúng ta như thế : «Các con muốn gì ta cũng cho ; song phải nạp đại giá trước.»

Sở dĩ phải lấy tiến thủ, mạo hiểm làm đại giá, là vì có hy vọng về tương lai ; dầu không phải có hy vọng cho thế hệ sau, hay là cho xã hội.

Cầm thú với dã man không có lý tưởng, không biết có ngày mai ; nếu chúng ta cũng ăn xổi ở thì, không có hy vọng về tương lai, hay là không nạp đại giá, ấy là chúng ta tự hạ mình xuống hàng cầm thú, gập chẵn hay chớ, tự bỏ hết những tánh chất làm người.

Trong lúc đương hạ mình xuống, nếu có nghe được lời khuyên bảo, chẳng khác nào có một sức mạnh vô hình, làm cho người mê tự tỉnh. Về điểm ấy, loài người hơn loài cầm thú, nghĩa là có tín ngưỡng ; sở dĩ nhờ được thần thánh, là vì tín ngưỡng hợp lý, với tấm lòng thành. Hạng người này thường hy sanh trước bàn thờ, thờ tổ tôn, hay là thờ thánh, thần, về tôn giáo.

Muốn chứng minh điều ấy, với tâm lý của loài người, một triết học phương Tây đã nói : «Đàn bà yếu đuối, lắm khi đi phải vịn tay người, thế mà khi gặp những trường hợp hiểm nghèo, thì lại mạnh bạo hơn

người, sẵn sàng hy sinh trước đấng con trên cánh, lúc tình yêu lên cực điểm, cũng như tín ngưỡng đến nhiệt thành. » Tại phương Đông. Khổng-tử cũng nói : « Thành, là đạo của trời, đạo tự nhiên ; mà tín ngưỡng với lòng thành, lại là đạo của người ; nếu tín ngưỡng với lòng thành, thì dầu ngu cũng hóa ra thông, yếu cũng hóa ra mạnh.

Chu-bá-Lô, người nhà Minh, vua Hoài-Tôn đương tin dùng ; thế mà đành bỏ bằng hậu quyền cao, về ở nhà cho gần cha mẹ. Vì nhận thấy ngày được gần cha mẹ rất ngắn, ngày thờ vua giúp nước còn dài. Nếu họ Chu là người đời nay, thì lấy bằng gởi về nuôi cha mẹ là đủ hiểu. Song người đời xưa không nhìn về vật chất, chẳng những thế, lại vì tình yêu cha mẹ nung nấu trong lòng, làm cho người con mù quáng, như trẻ nên ba, chưa biết tính thiệt so hơn, chỉ biết hy sinh, là vì tấm nhiệt thành lên cực điểm.

Chúng ta không có ý bần tán đến tình làm mẹ, đến phận làm con ; chỉ mượn những tư đức cá nhân, để chứng minh những thành tích về văn hóa. Tại phương Đông, thì nhiều dân tộc đã tạo thành một nền văn hóa, về đạo đức tập quán, nghĩa là không có nhiệt thành, cho đến thờ thánh, thờ thần, thờ tổ tiên, mà cũng chỉ theo tập quán, không phải do lòng tín ngưỡng, như các dân tộc phương Tây, có lòng tín ngưỡng nhiệt thành, vì có đặt hy vọng về tương lai, cho nên người nào cũng cố gắng tiến thủ.

Theo những thành tích về văn hóa, thì chúng ta nhận thấy rõ rằng : Những dân tộc được hùng cường, toàn nhờ tài năng hơn đạo đức cả. Nói cho đúng, thì không phải hơn đạo đức, mà hơn tư đức ; còn công đức, thì phần đông sẵn sàng hy sinh cho nhân loại, hay là cho những thế hệ sau.

Chúng ta có thể lấy lịch sử để chứng minh, như tại La-mã ngày xưa, có Mác-cô-Rôn (Marc-Aurèle), có Rui-Liên (Julien), đều là những vị vua đạo đức, chỉ thiếu tài năng, cả muôn dân đã không nhờ ơn, mà còn bị đối bị rét. Tại Trung-quốc, mấy ngàn năm trước, có vua Nghiêu, tuyên bố giữa dân rằng : « Nếu có một người nào bị đối rét, ấy là vì ta thiếu tài năng, ta chịu hoàn toàn trách nhiệm về thiên chức. » Về chính trị, thì tài năng hơn đạo đức, nhiều vị vua cả Đông cả Tây đã công nhận từ xưa.

Theo kinh nghiệm, thì dầu làm việc rất ác, sát hại ngàn vạn người, cũng ảnh hưởng chỉ một thời gian ; trái lại, dầu làm một việc rất lành, cứu nhân dân trong nước lửa, cũng chỉ ảnh hưởng một địa phương ; còn nhà khoa học đem tài năng chế tạo được gì, vừa tiện vừa lợi cho loài người, ấy là tạo thành một thứ hương hỏa chung, chẳng những cho đời nay, mà còn cho cả đời sau nữa.

Thành tích về văn hóa là vô hình di sản, dân tộc nào cũng có ít nhiều trong huyết tủy, về đạo đức cũng như về tài năng ; còn nói đức hơn tài là quân tử, tài hơn đức và tiểu nhân, thì chỉ là ức thuyết vô bằng, chúng ta có thể cho là vô đoán. Nếu nói : Dân tộc nào mà tài năng hơn đạo đức, văn hóa xứ ấy mới phát triển hợp lý và hợp thời. Mạnh tử nói : « Y thực bất túc, hà hạ trị lễ nghĩa tai. » Cũng như nói : « Hữu hằng sản, nhiên hậu hữu hằng tâm ! » Khổng-tử đã xây dựng nền văn hóa phương Đông, dân tộc nào cũng phải có cả tài năng, cả đạo đức.

ƯNG TRÌNH

.....

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI:

★ THÀNH CÁT TƯ HÃN

Kích phạm của Vũ Khắc Khoan

Gầm có: Màn mở đầu, 3 hồi và một màn vĩ - thanh
Một kịch phẩm ấn loát mỹ thuật, trình bày trang nhã
và rất có giá trị mà bạn đọc không nên bỏ qua.

★ HOA TRẮNG THÔI CÀI TRÊN ÁO TÍM

Thi phẩm của Kiến Giang

Gồm có: 30 bài thơ đẹp, đã được các giới yêu chuộng từ trước tới nay. Kiên Giang, một nhà thơ của các bạn trẻ. Đã phát hành trong tháng sáu 1962.

★ **BUỔI CHIỀU LÁ RỤNG**

Tiểu thuyết của Ngọc Linh

Một cốt truyện rất bi cảm, với lối hành văn mới mẻ, đã được độc giả báo Lẽ Sống hoan nghênh. Phát hành vào trung tuần tháng 7 - 1962.

Hai tập « HOA TRẮNG THÔI CÀI TRÊN ÁO TÍM »
Và « BUỔI CHIỀU LÁ RỤNG » đều do nhà xuất bản
Phù-Sa ấn hành.

TIẾN ĐẾN MỘT NỀN VĂN MINH NHÂN RỖI

BÀI dưới đây, chúng tôi muốn giới thiệu với bạn đọc một tư tưởng triết lý mới của nhà xã hội học lừng danh Joffre Dumazedier, rút trong cuốn « Vers une civilisation de loisir » mới xuất bản (Ed. du seuil) có thể coi đó là một thiên điều tra rất quan trọng về ý niệm và hình thức của nhân rỗi « Le loisir » trong thế giới hiện tại. Tác giả đề cập đến tương lai của nền văn hóa đại chúng trong cuộc sống văn minh kỹ nghệ. Ông coi nhân rỗi là một hiện tượng mới, vì xuất hiện có liên quan đến tập tục, văn hóa và nếp sống của con người ở xã thời đại máy móc này.



VỀ thời Các-Mác, sự nghỉ ngơi chỉ bao gồm gián dị trong « sự sản xuất của sức lực làm việc », luật pháp giới hạn cho mười hai giờ thời gian làm ở công xưởng chưa có. Hồi ấy, người thợ làm việc mười ba giờ một ngày, và sáu ngày một tuần. Ngày nghỉ lễ, tết ít oi. Trung bình, mỗi tuần họ phải làm 75 giờ. Bảy giờ đây chỉ rút xuống còn có 45 giờ một tuần, nghĩa là được lợi hẳn đi 30 giờ. Nếu kể cả những ngày nghỉ có được lãnh lương, chừng ba tuần một năm, thì người ta ước lượng rằng chừng một thế kỷ, người công nhân có thể được lợi mỗi năm khoảng 1.500 giờ. Tính ra, họ làm mỗi năm chỉ hơn hai ngàn giờ.

TRONG 24 GIỜ, THỜI GIAN ĐƯỢC NHÂN RỖI CỦA NGƯỜI 1962 LÀ BAO NHIÊU. — Theo một cuộc điều tra, từ năm 1945 đến 1948 trong một gia đình ở tỉnh, thời gian nhân rỗi về buổi chiều là 2 giờ.

Người của năm 1950, mỗi ngày thì giờ nhân rỗi chừng ba giờ. Một cuộc điều tra khác thì lại tính rằng, số giờ nhân rỗi chỉ chừng 90 phút

thôi, bởi không thể kể vào đó, những việc lật vật mà người công nhân phải làm cho gia đình. Song nếu làm một phân tích tỉ mỉ, thì lại nhận thấy rằng những công việc lật vật trong nhà của người công nhân không thể coi là một việc bắt buộc, mà phải kể là thì giờ nhàn rỗi. Vậy ta có thể kết luận : mỗi ngày người công nhân có được khoảng hai giờ rưỡi nhàn rỗi, và coi như họ được nghỉ mỗi tuần hai ngày rưỡi.

NHÀN RỐI CÓ PHẢI LÀ MỘT CÁCH SỐNG KHÔNG ? — Trong vòng 50 năm nay, nhàn rỗi được coi là một chân giá trị. Nhiều người biết công trình khảo cứu của Max Weber về loại người lý tưởng đã giúp cho người ta thành lập ra tư bản chủ nghĩa : « Công việc mình chứng tiền lương và mọi hoạt động vô ích cho xã hội là một hoạt động nhỏ nhoi. » Môn xã hội học lý tưởng này phản ánh phần nào thuyết của Ricardo về sự khuếch trương cần thiết của tư bản. Sự phát triển thời giờ nhàn rỗi đe dọa giá trị tư tưởng của Mác cũng như của Ricardo (Mác : « công việc là tinh hoa của con người »). Năm 1883, khi Paul Lafargue viết tập « Quyền lười biếng », thì sự nhàn rỗi vẫn ít nhiều lẫn lộn với ăn không ngồi rồi. Hiện nay sự nhàn rỗi đã mở ra được một thứ luận lý mới của hạnh phúc. Kẻ nào không lợi dụng, không biết lợi dụng thì giờ nhàn rỗi của mình, đó hẳn là một người sống không hoàn toàn, lạc hậu, một kẻ hơi điên vậy.

NHÀN RỐI CÓ LÀ MỘT CẦN THIẾT KHÔNG ? — Khi muốn thực hiện sự nhàn rỗi mà bị giới hạn bởi thiếu tiền, thiếu thì giờ, và phương tiện, thì ta phải coi đó là một cần thiết. Năm 1955 có 18 % tư chức ở thành phố tìm cách để giải trí bằng cách đi nghỉ mát, mua một cái xe đi chơi, mua một máy vô tuyến truyền hình... hơn là nghỉ đến

trang trí nhà cửa, hoặc mua một căn phòng. Sự cần thiết này cứ tăng lên cùng với công cuộc mở mang thành phố và kỹ nghệ hóa. Theo một cuộc điều tra chính thức ở thể hệ tuổi từ 18 đến 30, chưa có hoặc có vợ rồi, thì ngày nghỉ — chủ nhật, — 39 % ao ước được đi du ngoạn, 42 % thích đi nghỉ ở một nơi nào, 35 % muốn dự vào những cuộc vui chơi. Khi thấy rằng, quỹ riêng không đủ thỏa mãn cho những sở thích trên, thì họ cố nhin những chi tiêu về ăn, mặc, không nghĩ đến mua xe, mua máy vô tuyến truyền hình. Từ 1956, những thái độ đó đặt thành vấn đề mới cho các công nhân trong sự cứu trợ gia đình khi mọi cần thiết tăng gia mau lẹ hơn là các phương tiện làm cho họ thỏa mãn, thì chúng ta có cảm giác rằng mình nghèo nàn, dù sự thực, chúng ta không đến nỗi nghèo. Sự cần thiết nhàn rỗi cũng có tính cách tương tự.

Ở Pháp chẳng hạn, có những nơi mà mọi nhàn rỗi ở trong tình trạng « kém mở mang » sự thiếu hay không có một tổ chức giải trí, hay văn hóa công cộng, sự thiếu kém nguồn lợi gia đình ngăn cản, hoặc làm chậm mở mang về phẩm và cả về lượng sự nhàn rỗi ở những nơi đó, sự cần thiết nhàn rỗi có thể tạo ra tình trạng bất mãn khó chịu.

Khi những người ở ngạch cao đẳng và những người hành nghề tự do, tiêu trung bình 15 vạn quan một năm cho những cuộc đi nghỉ mát, xê dịch, văn hóa, thì những chuyển vận đã mất đi 17 ngàn quan.

NGƯỜI NÔNG DÂN CÓ NHỮNG NHÀN RỖI « KÉM MỞ MANG KHÔNG ? — Đạo luật năm 1948 giới hạn hai ngàn bốn trăm giờ làm việc cho những người thợ nông nghiệp. Hiện đã tổ chức được hai trăm « Nhà thanh niên hương thôn ; sáu ngàn hội Ấi hữu gồm toàn thanh niên ham hoạt động. Trong bốn xóm lại có một tổ chức thanh niên thể thao, hoặc văn hóa ».

BẠN GIẢI THÍCH NGHĨA NHÂN RỒI RA SAO ? — Prudhon,

A. Comte Augé, Engels... định nghĩa rằng : « Sự giải trí sau giờ làm việc ; sự nhàn rỗi đến sau giờ làm việc ». Sau một cuộc điều tra giữa anh em công nhân, tư chức, thì người ta kết luận rằng « nhàn rỗi là phản nghĩa với một số công việc bận rộn hàng ngày ». Có thể tạm chia những hoạt động trái ngược với nhàn rỗi theo bảng thứ tự dưới đây :

- Công việc chuyên nghiệp.
- Công việc dự khuyết.
- Việc gia đình (làm vườn, nuôi gà vịt, sửa chữa bàn ghế v.v...)
- Công việc săn sóc bản thể (bữa cơm, tắm rửa, ngủ).
- Hoạt động tinh thần gồm những việc liên quan đến gia đình, xã hội
- giỗ, tết, hội họp, đi đến chùa, nhà thờ.

Không thể như phần đông các nhà kinh tế và xã hội học chỉ giải thích nhàn rỗi là trái ngược với công việc chuyên nghiệp thôi.

NHÀ XÃ HỘI HỌC BÂY GIỜ NGHĨ GÌ VỀ NHÂN RỒI ? — Haur
hết đều coi nhàn rỗi là giải thoát là vui thú.

Trước hết là giải lao. Với nghĩa này, nhàn rỗi có tính cách bồi bổ thể xác và trí óc, do công việc hàng ngày đã làm căng thẳng. Sau là giải trí, giải trí làm quên buồn phiền. Cuối cùng là sự phát triển cá tính. Nó khiến ta tham dự được một cách sâu rộng công cuộc xã hội, nó cho ta nhiều khả năng thiện chí xung vào cuộc sống tập thể giải trí.

Vậy ta có thể định nghĩa : Nhàn rỗi là một bao gồm những công việc trong đó, con người có thể thả mình vào theo ý muốn, hoặc để an nghỉ, hoặc để vui chơi, hoặc để tự phát triển, hoặc tự ý tham gia công cuộc xã hội, mà không hề bị ràng buộc bởi nghề nghiệp hay gia đình.

NHÀN RỐI CÓ PHẢI LÀ MỘT SỨC MẠNH CÁCH MẠNG KHÔNG ?

— Tương quan giữa công việc hàng ngày và nhàn rỗi, và giữa những bận bịu trong thời gian nhàn rỗi, định rõ một phần sự tham gia tiêu cực hay tích cực vào cuộc sống xã hội và văn hóa. Muốn cho những lý thuyết văn hóa sống động, thì nó phải hợp với không những toàn thể giá trị mà nó còn phải hòa hợp với mọi tầng lớp xã hội. *Bây giờ nền văn hóa ngày một lệ thuộc vào những lý tưởng và những thực hành của nhàn rỗi.*

Những nhà sáng tạo, nhà giáo dục, chiến sĩ thường có tư tưởng hướng dẫn quần chúng, tự hiểu sẽ vấp phải nhiều khó khăn khi muốn xâm nhập một tư tưởng mới thành một sức mạnh vào lòng họ. Những buổi tối nghỉ ngơi, những buổi đi cắm trại, nghỉ hè chính nó cũng chứa đựng một tư tưởng mạnh rỗi. Chẳng phải một chính thể mới có thể giải quyết được mọi vấn đề đã nêu ra trên. Người ta có thể đặt giả thuyết rằng những biến chuyển sâu xa sẽ đột khởi trong lòng mọi tầng lớp con người từ cái tư tưởng hảo huyền mà chúng ta gọi là *nhàn rỗi* này.

SĨ-TRUNG



Giá : 15\$00

<https://tieulun.hopto.org>